

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ
KHOA SƯ PHẠM TIỂU HỌC – MẦM NON

Nguyễn Đoàn Thu Hằng

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

GIÁ TRỊ NỘI DUNG VÀ NGHỆ THUẬT CỦA CÁC VĂN BẢN
PHẦN ĐỌC TRONG SÁCH GIÁO KHOA *TIẾNG VIỆT 4*
(BỘ SÁCH *KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG*)

Mã sinh viên: 2552020354

Ngành: Giáo dục Tiểu học

NINH BÌNH, 2025

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ
KHOA SƯ PHẠM TIỂU HỌC – MẦM NON

Nguyễn Đoàn Thu Hằng

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

GIÁ TRỊ NỘI DUNG VÀ NGHỆ THUẬT CỦA CÁC VĂN BẢN
PHẦN ĐỌC TRONG SÁCH GIÁO KHOA *TIẾNG VIỆT 4*
(BỘ SÁCH *KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG*)

Mã sinh viên: 2552020354

Ngành: Giáo dục Tiểu học

Người hướng dẫn: ThS. An Thị Ngọc Lý

NINH BÌNH, 2025

LỜI CẢM ƠN

Em xin gửi lời cảm ơn chân thành đến Ban Giám hiệu, quý thầy cô trong khoa Sư phạm Tiểu Học - Mầm Non, trường Đại học Hoa Lư đã tạo điều kiện thuận lợi cho em học tập, nghiên cứu và thực hiện đề tài khóa luận tốt nghiệp.

Em xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến cô ThS. An Thị Ngọc Lý, người đã tận tình hướng dẫn, hỗ trợ và định hướng em trong suốt quá trình thực hiện khóa luận tốt nghiệp này. Sự chỉ dẫn quý báu và những góp ý tận tâm của cô là nền tảng quan trọng giúp em hoàn thành tốt đề tài.

Mặc dù đã cố gắng hoàn thiện với tinh thần nghiêm túc và cầu thị nhưng khóa luận sẽ không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự thông cảm và đóng góp ý kiến từ quý thầy cô để bản thân ngày càng hoàn thiện hơn trong tương lai.

Ninh Bình, ngày 28 tháng 4 năm 2025

Sinh viên

Nguyễn Đoàn Thu Hằng

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan rằng toàn bộ nội dung khóa luận tốt nghiệp với đề tài *“Giá trị nội dung và nghệ thuật của các văn bản phân Đọc trong sách giáo khoa Tiếng Việt 4 (Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống)”* là kết quả nghiên cứu, tìm hiểu và thực hiện của cá nhân tôi dưới sự hướng dẫn của ThS. An Thị Ngọc Lý.

Trong quá trình thực hiện, tôi đã tuân thủ nghiêm túc các quy định về đạo đức học thuật và nghiên cứu khoa học. Các tài liệu, dữ liệu tham khảo trong khóa luận đều được trích dẫn rõ ràng và đúng quy định.

Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính xác thực và trung thực của nội dung trong khóa luận này.

Ninh Bình, ngày 28 tháng 4 năm 2025

Sinh viên

Nguyễn Đoàn Thu Hằng

XÁC NHẬN CỦA GIÁO VIÊN HƯỚNG DẪN

Đề tài khóa luận *Giá trị nội dung và nghệ thuật của các văn bản phần Đọc trong sách giáo khoa Tiếng Việt 4 (Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống)* là đề tài khóa luận được thực hiện bởi sinh viên Nguyễn Đoàn Thu Hằng - Lớp D14TH2 - Trường Đại học Hoa Lư. Trong đề tài có sự tham khảo một số tài liệu có nguồn gốc và được trích dẫn rõ ràng. Nội dung của khóa luận chưa được công bố trong các công trình khoa học hay các bài báo, tạp chí chuyên ngành.

Ninh Bình, ngày 01 tháng 5 năm 2025

Người hướng dẫn

ThS. An Thị Ngọc Lý

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
1. Lí do chọn đề tài.....	1
2. Tổng quan tình hình nghiên cứu	2
3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu	5
3.1. Mục đích nghiên cứu.....	5
3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu	5
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	5
4.1. Đối tượng nghiên cứu.....	5
4.2. Phạm vi nghiên cứu.....	5
5. Phương pháp nghiên cứu	6
6. Ý nghĩa khoa học và ý nghĩa thực tiễn	6
6.1. Ý nghĩa khoa học.....	6
6.2. Ý nghĩa thực tiễn.....	6
Chương 1. GIÁ TRỊ NỘI DUNG CỦA CÁC VĂN BẢN PHẦN ĐỌC	7
TRONG SÁCH GIÁO KHOA <i>TIẾNG VIỆT 4</i> (KNTTVCS).....	7
1.1. Giới thiệu vài nét về SGK Tiếng Việt 4 (Bộ sách KNTTVCS) và các văn bản phần Đọc trong bộ sách	7
1.1.1. Vài nét về bộ sách giáo khoa <i>Tiếng Việt 4</i> (Bộ sách KNTTVCS)	7
1.1.2. Giới thiệu về các văn bản phần <i>Đọc</i> trong SGK <i>Tiếng Việt 4</i> (Bộ sách KNTTVCS).....	8
Bảng 1.1.2. Số lượng và tỉ lệ các văn bản <i>Đọc</i> theo thể loại trong	9
SGK <i>Tiếng Việt 4</i> (Bộ KNTTVCS).....	9
1.2. Giá trị nội dung của các văn bản.....	10
1.2.1. Bài học về trân trọng sự khác biệt.....	11
1.2.2. Những trải nghiệm, khám phá và sáng tạo thế giới.....	18
1.2.3. Tình yêu thương giữa con người với con người.....	27
1.2.4. Tinh thần tự hào dân tộc	36
1.2.5. Ước mơ và khát vọng.....	46
Kết luận chương 1.....	58
Chương 2. GIÁ TRỊ NGHỆ THUẬT CỦA CÁC VĂN BẢN PHẦN ĐỌC	59
TRONG SÁCH GIÁO KHOA <i>TIẾNG VIỆT 4</i> (KNTTVCS).....	59
2.1. Ngôn ngữ giản dị, giàu hình ảnh.....	59

2.2. Giọng điệu hồn nhiên, thân tình	63
2.3. Dung lượng và cấu trúc ngắn gọn, rõ ràng.....	68
2.4. Sử dụng đa dạng các phương thức biểu đạt và các biện pháp tu từ	74
Kết luận chương 2.....	80
KẾT LUẬN	81
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	82

BẢNG KÝ HIỆU VÀ CÁC CHỮ CÁI VIẾT TẮT

STT	Viết tắt	Từ được viết tắt
1	GDPT	Giáo dục phổ thông
2	GV	Giáo viên
3	HS	Học sinh
4	KNTTVCS	Kết nối tri thức với cuộc sống
5	NXB	Nhà xuất bản
6	SGK	Sách giáo khoa

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1.1.1. Thống kê các văn bản *Đọc* trong SGK *Tiếng Việt 4* (Bộ KNTTVCS)

Bảng 1.1.2. Số lượng và tỉ lệ các văn bản *Đọc* theo thể loại trong SGK *Tiếng Việt 4* (Bộ KNTTVCS)

MỞ ĐẦU

1. Lí do chọn đề tài

Tiếng Việt là tiếng nói của người Việt (còn gọi là người Kinh), đồng thời cũng là ngôn ngữ quốc gia của Việt Nam. Dù trải qua không ít thăng trầm trong quá trình phát triển nhưng Tiếng Việt vẫn đủ sức vươn lên đảm đương trách nhiệm nặng nề đối với đất nước trong giai đoạn mới. Tiếng Việt đã chứng minh tầm quan trọng của mình trong sự nghiệp xây dựng một nước Việt Nam ổn định và phát triển. Câu nói: “Tiếng Việt còn, nước Nam còn” như một lời khẳng định vai trò không thể thiếu của tiếng Việt đối với quê hương, đất nước ta. Xuất phát từ tầm quan trọng đó của Tiếng Việt, việc rèn luyện và phát triển các kĩ năng sử dụng Tiếng Việt trong nhà trường rất được coi trọng. *Tiếng Việt* trở thành một môn học độc lập, bắt buộc trong chương trình GDPT, đặc biệt đối với lứa tuổi HS ở bậc tiểu học - lứa tuổi đang trong giai đoạn hình thành về nhân cách và tư duy. Vấn đề dạy và học môn *Tiếng Việt* ở cấp tiểu học trở nên cấp thiết và hệ thống. Môn học này chính là nền tảng để HS phát triển toàn diện các phẩm chất kiến thức, thể chất, tâm lí. Môn *Tiếng Việt* còn góp phần bồi dưỡng cho HS những nhận thức đúng đắn về cuộc sống, những tình cảm nhân văn và những phẩm chất tốt đẹp khác của con người thông qua những bài học rút ra từ các văn bản truyện, thơ... Vì vậy, *Tiếng Việt* trong nhà trường tiểu học không những là công cụ của tư duy mà còn bước đệm để hình thành nhân cách cho các em HS.

Đối với HS lớp 4, nội dung của môn *Tiếng Việt* tập trung vào mục tiêu hình thành và phát triển các kĩ năng đọc, viết, nghe và nói, trong đó kĩ năng được chú trọng đầu tiên là kĩ năng đọc. Mỗi bài học trong SGK đều có những văn bản *Đọc* được bố trí ngay phần đầu. Các văn bản phần *Đọc* đều được chọn lọc rất kĩ càng, phù hợp với chủ điểm bài học, phù hợp đặc điểm tâm lí lứa tuổi và nhận thức của HS lớp 4. Bên cạnh đó, các văn bản đó không chỉ có giá trị đặc sắc về nội dung, nghệ thuật mà còn hàm chứa những ý nghĩa nhân văn và những bài học đạo đức vô cùng sâu sắc. Thế nhưng, việc nghiên cứu một cách hệ thống về giá trị nội dung và nghệ thuật của các văn bản *Đọc* trong SGK *Tiếng Việt 4* (KNTTVCS) vẫn còn bỏ ngỏ.

Hiện nay, phần lớn các trường tiểu học trên địa bàn tỉnh Ninh Bình đã lựa chọn sách *Tiếng Việt 4* từ bộ sách KNTTVCS để giảng dạy và học tập.

Từ những lí do nêu trên, chúng tôi quyết định lựa chọn đề tài khóa luận tốt nghiệp: **“Giá trị nội dung và nghệ thuật của các văn bản phần *Độc* trong sách giáo khoa *Tiếng Việt 4* (Bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống*)”**.

2. Tổng quan tình hình nghiên cứu

Các văn bản phần *Độc* trong SGK *Tiếng Việt 4* (KNTTVCS) được lựa chọn phù hợp với chủ điểm bài học, phù hợp khả năng tiếp nhận và đặc điểm tâm sinh lí lứa tuổi HS. Bên cạnh đó, mỗi văn bản lại là những lời răn dạy nhẹ nhàng nhưng sâu sắc về các vấn đề của đời sống, về con người, về lòng trắc ẩn, tinh thần đoàn kết, nhân ái... dành cho HS. Giá trị nội dung và nghệ thuật của mỗi văn bản đã giúp chuyển tải những bài học sâu sắc ấy một cách hiệu quả. Theo tìm hiểu của chúng tôi, hiện nay đã có một số cuốn sách, công trình và bài viết riêng lẻ đề cập đến vấn đề phân tích giá trị nội dung, nghệ thuật của các văn bản *Độc* trong SGK *Tiếng Việt* nói chung và SGK *Tiếng Việt 4* nói riêng. Cụ thể là một số công trình sau:

Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn (2018) là tài liệu mang tính chất tổng thể, định hướng cho chương trình Ngữ văn nói chung và *Tiếng Việt* cấp tiểu học nói riêng, trong đó xác định rõ mục tiêu của chương trình *Tiếng Việt* cấp tiểu học: “*giúp học sinh hình thành và phát triển những phẩm chất chủ yếu với các biểu hiện cụ thể: yêu thiên nhiên, gia đình, quê hương; có ý thức đối với cội nguồn; yêu thích cái đẹp, cái thiện và có cảm xúc lành mạnh; có hứng thú học tập, ham thích lao động; thật thà, ngay thẳng trong học tập và đời sống; có ý thức thực hiện trách nhiệm đối với bản thân, gia đình, xã hội và môi trường xung quanh*” [13].

Tài liệu *Dạy học phát triển năng lực môn Tiếng Việt ở Tiểu học* [10] do PGS.TS. Đỗ Ngọc Thống chủ biên cũng đã giới thiệu một số vấn đề lí thuyết về năng lực, phát triển năng lực, tiếp cận năng lực, phương pháp tổ chức dạy học phát triển năng lực, kiểm tra đánh giá trong giáo dục nói chung và GDPT nói riêng. Trong đó tài liệu này đã phân tích những kiến thức cơ bản về *Tiếng Việt* và các phương pháp phát triển năng lực môn *Tiếng Việt* ở tiểu học cho HS. Bộ sách còn đưa ra những phương pháp dạy học phát triển năng lực cho các phân môn vô cùng ngắn gọn, dễ hiểu; kiểm tra, đánh giá năng lực môn *Tiếng Việt* bằng các bài kiểm tra và đề minh họa.

Về chương trình *Tiếng Việt 4* (KNTTVCS) cũng có một số tài liệu tham khảo hữu ích, gợi ý để khám phá giá trị nội dung và nghệ thuật của các văn bản. Nhóm các tác giả Bùi Mạnh Hùng - Trần Thị Hiền Lương - Lê Thị

Lan Anh - Đỗ Hồng Dương - Nguyễn Lê Hằng - Trịnh Cẩm Lan - Vũ Thị Thanh Hương - Vũ Thị Lan - Trần Kim Phụng - Đặng Thị Hảo Tâm đã đưa ra những gợi ý chi tiết nhằm giúp GV soạn, thiết kế và định hướng, gợi ý đọc hiểu để khám phá giá trị nội dung và nghệ thuật của các văn bản *Đọc* trong sách *Tiếng Việt 4* qua cuốn *Sách giáo viên Tiếng Việt 4* (KNTTVCS) (tập 1 và tập 2). Đây là tài liệu vô cùng hữu ích được biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 dành cho các thầy cô dạy bộ sách *Tiếng Việt 4* (KNTTVCS).

Nhóm các tác giả Tạ Đức Hiền - Thái Thành Vinh - Phạm Minh Việt trong cuốn sách *Cảm thụ văn học dành cho học sinh lớp 4 (Biên soạn theo Chương trình Giáo dục Tiểu học mới)* [2] đã cung cấp nhiều ngữ liệu thơ văn cho việc luyện tập các tri thức đã được học trên lớp. Các tác phẩm được tuyển chọn trong cuốn sách đều là những tác phẩm đặc sắc, có lời viết biểu cảm nhẹ nhàng, mang những tư tưởng và thông điệp nhân văn, giàu tính giáo dục, và quan trọng là “đồng dạng” với các văn bản *Đọc* trong SGK. Những bài cảm thụ góp phần khơi gợi cho các em HS lớp 4 nhận biết được những đặc trưng về thể loại, hiểu được, cảm được cái hay, cái đẹp, giá trị tư tưởng và giá trị nghệ thuật của một số bài thơ, một số truyện được nói đến. Qua đó giúp HS được thực hiện các bài tập luyện tập, củng cố, đọc mở rộng các tác phẩm tương tự như trong SGK.

Tài liệu “*Dạy học đọc hiểu trong môn Tiếng Việt và việc phát triển năng lực tự học, tự hoàn thiện cho học sinh tiểu học*” [8] của cô Trần Thị Hiền Lương đã chỉ ra yêu cầu về liên hệ, so sánh, kết nối trong đọc hiểu thông qua các văn bản văn học và văn bản thông tin, đồng thời có những phân tích, đánh giá khá chi tiết về giá trị nội dung và nghệ thuật của một số văn bản văn học và văn bản thông tin trong chương trình.

Tác giả bài viết *Những bài học giáo dục từ các văn bản văn học phần Đọc trong sách Tiếng Việt 4* (KNTTVCS) [9] đã chỉ rõ các văn bản *Đọc* có tính giáo dục cao: “*Mỗi tác phẩm là một câu chuyện chứa đựng những bài học giáo dục nhẹ nhàng nhưng sâu sắc về con người, về cuộc sống, về tình yêu quê hương, đất nước, bài học về những khát khao, ước mơ... Những bài học đạo đức được chuyển hóa thành những tình huống, hành động, lời nói cụ thể phù hợp với khả năng nhận thức, tâm lý của học sinh lớp 4*” [9, tr.2].

Tác giả Đặng Thị Lệ Tâm với tài liệu “*Đọc mở rộng trong chương trình và sách giáo khoa Tiếng Việt tiểu học*” đã chỉ ra tầm quan trọng của đọc

mở rộng: “*Đọc mở rộng đóng vai trò quan trọng vì đọc sách là một quá trình tiếp cận và lĩnh hội các giá trị văn hóa được thể hiện trong sách báo, có vai trò hết sức quan trọng trong sự phát triển nhân cách trẻ em*” [14]; “*Đọc mở rộng đem đến không chỉ giúp học sinh luyện đọc thành thạo mà còn giúp học sinh làm giàu vốn từ, củng cố ngữ pháp và cải thiện kỹ năng viết, nói, nghe và quan trọng hơn là hình thành thói quen đọc cho các em học sinh*” [14]. Tác giả đã đưa ra hướng dẫn cụ thể về dạy đọc mở rộng trong môn *Tiếng Việt* ở bậc tiểu học.

Ngoài ra, để có thể có cái nhìn trong tương quan so sánh các văn bản *Đọc* trong bộ sách *Tiếng Việt 4* (chương trình GDPT 2006) với *Tiếng Việt 4* mới (chương trình GDPT 2018), cuốn sách *Cảm thụ văn học* [7] của tác giả Dương Thị Hương đã đưa ra hướng dẫn cụ thể về đọc hiểu, cảm thụ một số bài văn và bài thơ ở môn *Tiếng Việt* ở bậc tiểu học nói chung và một số bài văn, bài thơ ở sách giáo khoa *Tiếng Việt 4* (chương trình GDPT 2006).

Như vậy, có một số tài liệu đã có những phân tích, đánh giá, chỉ dẫn mang tính gợi dẫn, định hướng cho việc đọc hiểu và tìm hiểu giá trị nội dung và nghệ thuật trong các văn bản *Đọc* của SGK *Tiếng Việt 4* nói chung và bộ KNTTVCS nói riêng. Nhưng việc đánh giá, phân tích cụ thể giá trị của từng văn bản đọc hiểu phần *Đọc* của SGK *Tiếng Việt 4* (KNTTVCS) còn mang tính khái quát chung, đa số các bài biết chỉ mới đưa ra một vài nhận xét về một vài khía cạnh, hình ảnh... nào đó của văn bản. Ví dụ:

Để hiểu hơn về bài thơ “*Cảm xúc Trường Sa*”, người đọc có thể lắng nghe tâm sự của Nhà thơ Triệu Huệ khi chia sẻ với báo *Thể thao và văn hóa* trong buổi Gặp lại các tác giả được đưa vào sách giáo khoa: “*Trái tim của người lính đảo Trường Sa thật đẹp đẽ*” rằng “*Thơ, bằng con đường riêng của mình, cùng với các loại hình nghệ thuật khác, đã và đang hướng tới sứ mệnh quan trọng là kết nối những trái tim và lan tỏa cái đẹp. Cảm xúc trong thơ tác động trực tiếp và khơi dậy ở người đọc những đồng cảm, những sẻ chia quý giá. Đó là những điều tích cực khiến đời sống tâm hồn của mỗi người trở nên giàu có, phong phú hơn, nhờ đó mà cuộc sống trở nên có ý nghĩa hơn*” [16]. Quả đúng là như vậy, bài thơ “*Cảm xúc Trường Sa*” của tác giả đã gửi gắm thông điệp đến với HS về tình yêu thương và lòng tự hào về quê hương, đất nước.

Trong bài báo *Khoảng trời thanh bình*, Nguyễn Thụy Kha đã nhận xét “*những hoài niệm về quãng đời thơ bé thường xuyên xuất hiện trong ông, như biết bao người khác*” [11]. Chính vì thế nên trong bài “*Những cánh bướm*”

ông đã miêu tả những buổi chiều hè bình yên ở quê hương, thông qua đó nhắc nhở đến HS về tình yêu quê hương, yêu những nét đẹp giản dị của quê hương mình.

Bài thơ “*Quả ngọt cuối mùa*” lại được nhận xét khá tinh tế: Bài thơ “*Quả ngọt cuối mùa*” của nhà thơ Võ Thanh An gợi lên trong lòng người đọc hình ảnh ấm áp và sâu lắng về tình yêu thương, sự hi sinh của người bà dành cho con cháu. Từng câu chữ trong bài thơ thấm đẫm tình cảm gia đình, đồng thời mang theo một thông điệp giản dị mà sâu sắc về lòng biết ơn và trân trọng [15].

Trong những tài liệu nêu trên, các tác giả đã đề cập tới mục tiêu, nội dung chương trình *Tiếng Việt* ở tiểu học; các kỹ năng để tiếp cận và đọc hiểu các văn bản trong SGK *Tiếng Việt* tiểu học; một số vấn đề có liên quan đến nội dung, nghệ thuật của các văn bản phần *Đọc* trong chương trình *Tiếng Việt 4* (KNTTVCS). Tuy nhiên theo tìm hiểu của chúng tôi, chưa có công trình nào đi sâu vào việc nghiên cứu một cách hệ thống giá trị nội dung, nghệ thuật của các văn bản này trong chương trình *Tiếng Việt 4* bộ sách KNTTVCS. Dù vậy, những công trình đi trước vẫn là nguồn tài liệu quý giá, cũng là tiền đề khoa học để chúng tôi tham khảo viết đề tài này.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Đề tài sẽ làm rõ cái hay, cái đẹp của các văn bản phần *Đọc* trong chương trình SGK *Tiếng Việt 4* (Bộ sách KNTTVCS).

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Thống kê, khảo sát các văn bản thuộc phần *Đọc* trong SGK *Tiếng Việt 4* (Bộ sách KNTTVCS).
- Phân tích làm rõ giá trị nội dung và nghệ thuật của các văn bản thuộc phần *Đọc* trong SGK *Tiếng Việt 4* (Bộ sách KNTTVCS).

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Giá trị nội dung và nghệ thuật của các văn bản thuộc phần *Đọc* trong SGK *Tiếng Việt 4* (Bộ sách KNTTVCS)

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Các văn bản phần *Đọc* trong SGK *Tiếng Việt 4* (tập 1 và tập 2) (Bộ sách KNTTVCS), NXB Giáo dục Việt Nam (2023)

5. Phương pháp nghiên cứu

Để triển khai đề tài, chúng tôi vận dụng những phương pháp nghiên cứu chủ yếu sau:

- *Phương pháp thống kê, phân loại*: Thống kê, phân loại các thể loại văn bản phần *Đọc* trong chương trình SGK *Tiếng Việt 4* (Tập 1 và tập 2) (Bộ sách KNTTVCS) để nhận diện các tác phẩm, từ đó hướng đến phân tích giá trị cơ bản về nội dung và nghệ thuật của văn bản theo đặc trưng thể loại.

- *Phương pháp phân tích, tổng hợp*: Từ kết quả khảo sát thống kê chúng tôi tiến hành phân tích, tổng hợp, khái quát những giá trị nội dung và nghệ thuật của các văn bản phần *Đọc* trong chương trình SGK *Tiếng Việt 4* (Bộ sách KNTTVCS).

- *Phương pháp so sánh*: So sánh giá trị nội dung và nghệ thuật của các văn bản phần *Đọc* trong SGK *Tiếng Việt 4* với các văn bản phần *Đọc* trong SGK *Tiếng Việt* của khối lớp khác (cùng bộ KNTTVCS) để thấy được những điểm tương đồng, kế thừa và khác biệt.

6. Ý nghĩa khoa học và ý nghĩa thực tiễn

6.1. Ý nghĩa khoa học

Đề tài nghiên cứu góp phần khẳng định giá trị cũng như tầm quan trọng của các văn bản *Đọc* của SGK *Tiếng Việt 4* (KNTTVCS) trong việc giáo dục, phát triển vốn từ ngữ, bồi đắp tâm hồn, nhân cách cho HS.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

Đề tài sẽ trở thành nguồn tài liệu tham khảo hữu ích cho các sinh viên chuyên ngành Giáo dục Tiểu học của Trường Đại học Hoa Lư, GV dạy tiểu học và những người quan tâm đến vấn đề nghiên cứu.

Chương 1. GIÁ TRỊ NỘI DUNG CỦA CÁC VĂN BẢN PHẦN ĐỌC TRONG SÁCH GIÁO KHOA *TIẾNG VIỆT 4* (KNTTVCS)

1.1. Giới thiệu vài nét về SGK *Tiếng Việt 4* (Bộ sách KNTTVCS) và các văn bản phần *Đọc* trong bộ sách

1.1.1. Vài nét về bộ sách giáo khoa *Tiếng Việt 4* (Bộ sách KNTTVCS)

SGK *Tiếng Việt 4* (KNTTVCS) là bộ SGK được biên soạn theo Chương trình GDPT 2018. Bộ sách này được thiết kế với mục tiêu giúp HS phát triển toàn diện kỹ năng ngôn ngữ, tư duy sáng tạo và khả năng giao tiếp. Sách tiếp tục triển khai ý tưởng chung của bộ sách KNTTVCS về cách thiết kế nội dung kiến thức cũng như định hướng cách thức rèn luyện kỹ năng sử dụng *Tiếng Việt* cho HS, đó là KNTTVCS, học đi đôi với hành. Những nội dung kiến thức được lựa chọn và thiết kế phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý và khả năng tiếp nhận của HS lớp 4. Ngoài ra, sách còn kế thừa và tiếp nối nhịp nhàng logic với các kiến thức các em đã được học ở các khối lớp nhỏ hơn, đảm bảo tính liên tục và liền mạch.

Cụ thể, SGK *Tiếng Việt 4* (KNTTVCS) đảm bảo các nguyên tắc trong xây dựng chương trình và thiết kế:

Thứ nhất, chú trọng tạo ra sự mới mẻ hiện đại ở cả nội dung và hình thức trình bày trên cơ sở kế thừa những điểm ưu việt của các sách *Tiếng Việt* trước đây. Sách phát huy tính tích cực, sáng tạo của HS giúp các em học môn *Tiếng Việt* cảm thấy thú vị và bổ ích. Tạo cơ hội để phát triển năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học của HS một cách hiệu quả, đúng với mục tiêu, yêu cầu của chương trình môn *Tiếng Việt* 2018.

Thứ hai, các chủ điểm của SGK *Tiếng Việt 4* tạo được dấu ấn đặc trưng cho giai đoạn học tập mới ở cấp tiểu học trong giai đoạn lớp 4. Bộ sách được chia thành hai tập sách, trong đó tập 1 có bốn chủ điểm (*Mỗi người một vẻ; Trải nghiệm và khám phá; Niềm vui sáng tạo; Chắp cánh ước mơ*) và tập 2 cũng có bốn chủ điểm (*Sống để yêu thương; Uống nước nhớ nguồn; Quê hương trong tôi; Vì một thế giới bình yên*). Các chủ điểm được phát triển dần từ những nhận thức về bản thân, về bạn bè, trường lớp sang những phạm vi rộng hơn của đời sống xã hội, từ đó giúp các em có thêm hiểu biết, học được những bài học về tình yêu thương, về lòng biết ơn, bồi đắp cho các em những tình cảm với quê hương, đất nước và thế giới rộng mở. Ngoài các bài học ở 8 chủ điểm nêu trên, mỗi tập sách đều có những tuần ôn giữa kì và ôn cuối kì kèm theo những đề kiểm tra tham khảo tiếp cận với hướng đánh giá năng lực.

Sách còn có những hình ảnh minh họa đẹp mắt và đó cũng là một phần quan trọng của bài học.

Thứ ba, về nội dung các bài học. Các bài học trong sách *Tiếng Việt 4* vẫn thống nhất với cấu trúc sách *Tiếng Việt* lớp 1, lớp 2, lớp 3 và lớp 5 của bộ KNTTVCS song đã có những điểm đổi mới theo quy định của chương trình *Tiếng Việt 4* (Chương trình GDPT 2006). Sách lớp 4 sẽ không có nội dung viết chính tả, không có nội dung làm bài tập chính tả, không có nội dung luyện viết chữ hoa nhưng lại có những yêu cầu mới về kiến thức *Tiếng Việt* và kĩ năng ngôn ngữ. Trong đó, hoạt động đọc luôn được xếp ở những tiết học đầu tiên của mỗi bài và thường được phân bổ số tiết nhiều hơn so với các hoạt động khác.

Có thể thấy, sách *Tiếng Việt 4* (KNTTVCS) chính là người bạn đồng hành của các em HS trong việc học tập, rèn luyện phẩm chất và năng lực. Mỗi bài học có nhiều hoạt động giúp em tự khám phá và tiếp thu kiến thức mới. Ở mỗi hoạt động các em được khơi gợi hứng thú, phát huy tính tích cực, chủ động bằng sự đa dạng của nhiệm vụ học tập. Kĩ năng các em có được từ các hoạt động đó là yếu tố quan trọng để phát triển năng lực tự tìm hiểu, khám phá môn *Tiếng Việt* nói riêng cũng như các môn học khác nói chung trong suốt chặng đường học tập sau này.

1.1.2. Giới thiệu về các văn bản phần *Đọc* trong SGK *Tiếng Việt 4* (Bộ sách KNTTVCS)

Đối với nội dung phần *Đọc*, sách *Tiếng Việt 4* (KNTTVCS) đưa vào nhiều thể loại văn bản (thơ, truyện, văn bản thông tin, kịch...), nội dung các văn bản đọc phù hợp với tâm lí tiếp nhận của HS lớp 4. Trong mỗi bài đọc, chủ thể chia sẻ cảm xúc suy nghĩ phần lớn là trẻ em, chia sẻ những câu chuyện của chính các em, vừa gần gũi lại vừa gắn kết với cuộc sống. Nên những văn bản *Đọc* trở nên cuốn hút hơn, chân thực hơn, gần gũi với các em HS lớp 4. Điều này giúp cho mỗi bài học *Đọc* không còn khô khan, cứng nhắc, giáo điều mà ngược lại, HS cảm thấy hứng thú, yêu thích việc học hơn, giúp các em có thêm nhiều tri thức, nhiều bài học nhân văn, dạy các em về các giá trị đạo đức, về tình yêu thương, sự sẻ chia, lòng trung thực, lòng dũng cảm, trách nhiệm...

Các văn bản được chọn lọc trong phần *Đọc* cần phù hợp với độ tuổi và tâm lí của HS lớp 4, có nội dung dễ tiếp cận và gần gũi với cuộc sống. Trong đó, kiến thức được phân bố đều trong mỗi tập sách, đảm bảo tính liên mạch và

phát triển. Văn bản *Đọc* ở tập 1 gắn liền với đời sống phong phú của chính HS. Từ ý thức về sự khác biệt trong cá tính, ngoại hình của mỗi cá nhân với bạn bè xung quanh đến sự háo hức, vui tươi khi được trải nghiệm khám phá sáng tạo những điều mới lạ và ước mơ làm được những điều mà bản thân hằng mong ước. Sang đến tập 2 các văn bản *Đọc* được mở rộng sang những phạm vi khác trong đời sống giúp các em có thêm hiểu biết về những trải nghiệm, về tình yêu thương, về lòng biết ơn; bồi đắp cho các em những cảm xúc trong sáng về quê hương, đất nước và đến với một thế giới rộng mở, biết mong ước về một thế giới bình yên, hạnh phúc.

Các văn bản *Đọc* trong SGK *Tiếng Việt 4* (Bộ sách KNTTVCS) được thống kê trong bảng 1.1.1 (phụ lục) đã liệt kê đầy đủ các văn bản trong cả hai tập sách, thuộc các chủ điểm; đồng thời phân loại các văn bản *Đọc* theo các thể loại tương ứng (thơ, văn bản thông tin, kịch, truyện và văn bản miêu tả...). Qua bảng thống kê, có thể thấy sự đa dạng và phong phú về các thể loại trong các bài *Đọc*. Mỗi thể loại sẽ có những đặc trưng riêng về hình thức trình bày và cách thức chuyển tải nội dung, tư tưởng, thông điệp, bài học giáo dục. Tuy nhiên, qua bảng thống kê, cũng có thể nhận thấy rằng, số lượng và tỉ lệ các văn bản thuộc các thể loại được đưa vào chương trình không đồng đều, có những thể loại có nhiều tác phẩm hơn, có thể loại ít tác phẩm hơn. Sự khác biệt về tỉ lệ đó được thể hiện cụ thể qua bảng sau:

Bảng 1.1.2. Số lượng và tỉ lệ các văn bản *Đọc* theo thể loại trong SGK *Tiếng Việt 4* (Bộ KNTTVCS)

Thể loại	Số lượng	Tỉ lệ
Văn bản thơ	16 văn bản	25,8 %
Văn bản truyện và miêu tả	37 văn bản	59,6%
Văn bản thông tin	8 văn bản	13%
Văn bản kịch	1 văn bản	1,6%
Tổng	62 văn bản	100%

Văn bản truyện và miêu tả chiếm tỉ lệ cao nhất vì đây là thể loại dễ tiếp cận, gần gũi với lứa tuổi HS lớp 4. Các em đang trong giai đoạn phát triển tư duy hình ảnh, cảm xúc và khả năng kể chuyện. Đồng thời các văn bản *Đọc* thể loại này cũng giúp các em phát triển kỹ năng đọc hiểu, cảm thụ văn học, rèn luyện khả năng diễn đạt, khả năng tưởng tượng, mô tả và kể lại câu

chuyện. Việc ưu tiên thể loại này là phù hợp với yêu cầu của chương trình và sự phát triển nhận thức, ngôn ngữ của HS. Văn bản thơ chiếm hơn 1/4 tổng số các văn bản *Đọc*, qua đó, nhằm giúp HS làm quen với ngôn ngữ giàu hình ảnh, nhịp điệu và cảm xúc. Thể loại này phù hợp để giáo dục tình cảm, thẩm mỹ và phát triển vốn từ cho HS. Văn bản thông tin có tỉ lệ vừa phải (13%). Các văn bản thông tin sẽ giúp HS làm quen với kỹ năng đọc hiểu văn bản phi hư cấu - một năng lực quan trọng trong chương trình giáo dục hiện đại. Văn bản thông tin mang tính thực tế, khoa học, giúp mở rộng vốn hiểu biết về thế giới xung quanh, HS có thể tích hợp kỹ năng ngôn ngữ và kiến thức liên môn (tự nhiên, xã hội, lịch sử...). Bên cạnh đó, chỉ có 1 văn bản kịch được đưa vào chương trình. Văn bản kịch là thể loại tương đối khó tiếp nhận đối với HS cấp tiểu học. Thể loại này đòi hỏi các kỹ năng phức tạp hơn để tiếp nhận và ghi nhớ. Dù số lượng ít, nhưng việc xuất hiện thể loại này là cần thiết để giúp HS nhận ra sự đa dạng về hình thức thể hiện của văn học; giúp HS bước đầu làm quen với một thể loại văn học tuy có độ khó cao nhưng phổ biến và cũng rất giàu giá trị nhân văn.

Từ những phân tích trên đây, có thể thấy, sự phân bố thể loại các văn bản *Đọc* trong SGK *Tiếng Việt 4* là hợp lí, đáp ứng mục tiêu giáo dục *Tiếng Việt* ở tiểu học. “*Tiếng Việt 4* chú trọng tăng tỉ lệ văn bản thông tin và giảm tỉ lệ văn bản văn học so với các sách HS *Tiếng Việt* lâu nay. Hệ thống chủ đề đa dạng, phong phú, bao quát được nhiều lĩnh vực đời sống của HS, đáp ứng nhu cầu tìm hiểu, khám phá thế giới của các em. Nội dung của ngữ liệu được chọn lựa, sắp xếp phù hợp với hiểu biết và trải nghiệm của người học; giúp HS có cơ hội kết nối với trải nghiệm cá nhân, phát triển cá tính lành mạnh và tư duy độc lập” [5, tr.9].

1.2. Giá trị nội dung của các văn bản

Các văn bản *Đọc* trong SGK *Tiếng Việt 4* (Bộ sách KNTTVCS) đa dạng về thể loại, phong phú về số lượng. Tuy nhiên chúng vẫn có sự thống nhất chung về các đặc điểm nội dung và nghệ thuật. Đặc biệt, điều làm nên sức hấp dẫn và giá trị của các văn bản chính là nội dung, tư tưởng, thông điệp mà mỗi văn bản muốn chuyển tải đến các em HS. Qua khảo sát, đánh giá, chúng tôi nhận thấy rằng, các văn bản *Đọc* trong SGK *Tiếng Việt 4* (Bộ sách KNTTVCS) có những giá trị nội dung cơ bản sau:

1.2.1. Bài học về trân trọng sự khác biệt

Xã hội người vốn đa dạng, muôn màu. Mỗi con người là một cá thể độc đáo và duy nhất bởi cá tính, lối sống, suy nghĩ...riêng biệt. Để hòa mình với xã hội chung ấy, chúng ta cần phải học cách chấp nhận và tôn trọng những sự khác biệt này. Đó có thể là sự khác biệt về ngoại hình, ngôn ngữ, tính cách, hành động; đó cũng có thể là sự khác biệt về thói quen, sở thích... Nếu không có sự đa dạng trong cách sống, sự độc đáo trong tính cách của con người thì cuộc sống này thật đơn điệu. Chỉ có điều, để hài hòa thì mỗi cá nhân đều phải ý thức được rằng, sự khác biệt là tất yếu, và có khi, sự khác biệt chính là giá trị. Tôn trọng sự khác biệt là việc chấp nhận, đánh giá cao và đối xử công bằng với sự đa dạng trong các khía cạnh của cuộc sống, bao gồm quan điểm, văn hóa, tín ngưỡng, giới tính, sở thích, khả năng, lối sống... Việc tôn trọng sự khác biệt không chỉ giúp xây dựng một xã hội hài hòa mà còn khuyến khích sự sáng tạo, hợp tác và thấu hiểu lẫn nhau, từ đó giảm bớt định kiến, xung đột và phân biệt đối xử.

Tuy nhiên, để chấp nhận cái riêng, cái khác biệt có lúc lại không phải là việc dễ dàng, nhất là với trẻ em. Chính vì vậy, các văn bản *Độc* trong SGK *Tiếng Việt 4* (KNTTVCS) đã khéo léo lồng ghép những bài học giáo dục về việc tôn trọng sự khác biệt cho HS qua những bài thơ, câu chuyện của chính các em. Những bài học về việc phải tôn trọng sự khác biệt tập trung nhất ở các văn bản *Độc* thuộc chủ điểm “Trân trọng sự khác biệt” như chính tên của chủ điểm. Mỗi bài *Độc* lại mang đến cách giáo dục khác nhau, giúp HS nhận thức và trân trọng sự đa dạng trong tính cách, sở thích và khả năng của mỗi người.

Bài thơ “Điều kì diệu” [3, tr.8] của Huỳnh Mai Liên là văn bản *Độc* mở đầu cho chủ điểm này. Các em nhận thức về sự khác biệt bằng những hình ảnh, sự việc trực quan, cụ thể:

Bạn có thấy lạ không
Mỗi đứa mình một khác
Cùng ngân nga câu hát
Chẳng giọng nào giống nhau.

Có bạn thích đứng đầu
Có bạn hay giận dỗi
Có bạn thích thay đổi
Có bạn nhiều ước mơ.

Bài thơ mở đầu bằng câu hỏi nhẹ nhàng: *“Bạn có thấy lạ không / Mỗi đứa mình một khác”*. Hai câu thơ hồn nhiên, nhí nhảnh như một lời mời gọi người đọc suy nghĩ về điều tưởng chừng bình thường, nhưng lại rất sâu sắc: chúng ta không ai giống ai. Mỗi người là một cá thể riêng biệt, với cách nghĩ, cảm xúc, và hành động khác nhau. *“Cùng ngân nga câu hát / Chẳng giọng nào giống nhau”*. Hình ảnh *“ngân nga câu hát”* là một ẩn dụ rất hay. Dù cùng *“hát”* tức cùng sống, cùng học, cùng làm, cùng chơi... nhưng *“giọng”* lại không giống nhau. Sự khác biệt không phải là lỗi, mà là bản chất tự nhiên của con người, cũng giống như chính các em: *“Có bạn thích đứng đầu / Có bạn hay giận dỗi / Có bạn thích thay đổi / Có bạn nhiều ước mơ”*. Biện pháp tu từ liệt kê đã giúp các em HS nhận ra nhiều tính cách khác nhau của con người về tham vọng, nhạy cảm, thích đổi mới, mơ mộng... Bài thơ không hề phán xét rằng tính cách nào là tốt hay xấu, mà đơn giản chấp nhận và tôn trọng chúng như một phần của sự đa dạng.

Bạn có nghĩ vu vơ
Mình khác nhau nhiều thế
Nếu mỗi người một vẻ
Liệu mình có cách xa?

Những câu thơ như những lời thủ thỉ, nhẹ nhàng của những người bạn. Đó cũng chính là một dòng suy nghĩ mộc mạc, chân thật của các em khi thắc mắc và *“trăn trở”* về sự khác biệt. *“Nếu mỗi người một vẻ / Liệu mình có cách xa?”*. Khi sở thích, quan điểm, hay tính cách không giống nhau... thì liệu có thể gần bó không? Và ngay sau đó là lời giải đáp của bạn nhỏ, tuy rất hồn nhiên nhưng cũng đầy chất trí tuệ.

Tớ bỗng phát hiện ra
Trong vườn hoa của mẹ
Lung linh màu sắc thế
Từng bông hoa tươi xinh.

Vườn hoa không chỉ là một không gian đẹp mắt, mà còn là phép ẩn dụ cho một cộng đồng nhiều màu sắc, mỗi bông hoa như mỗi con người, không hoa nào giống hoa nào, nhưng chính sự khác biệt ấy làm nên vẻ rực rỡ của cả khu vườn.

Cũng giống như chúng mình
Ai cũng đều đáng mến
Và khi giọng hòa quyện

Dàn đồng ca vang lòng.

Bạn nhỏ chuyển từ việc nói chuyện về thiên nhiên sang nói chuyện của chính các em một cách rất tự nhiên. Không có ai bị so sánh, không có ai bị gạt ra và mọi người đều đáng mến. Câu thơ “*Và khi giọng hòa quyện / Dàn đồng ca vang lòng*” một lần nữa khẳng định chân lí đó là khi những cá thể khác nhau biết hòa chung, sẽ tạo nên một điều lớn lao hơn cả bản thân mỗi người, một bản hòa âm đặc biệt. Đó chính là hình ảnh đẹp nhất cho việc trân trọng sự khác biệt, không chỉ chấp nhận, mà còn kết nối, cộng hưởng và cùng tỏa sáng. Bài thơ nhẹ nhàng, trong trẻo, sử dụng những hình ảnh gần gũi, ngôn từ giản dị, hồn nhiên nhưng giàu cảm xúc từ đó truyền tải thông điệp sâu sắc về việc hãy trân trọng sự khác biệt của mỗi người.

Câu chuyện về cuộc “Thi nhạc” [3, tr.12] của muôn loài lại là một cách truyền tải thông điệp độc đáo nhưng cũng đầy ý nghĩa và nhân văn về việc tôn trọng sự khác biệt. Vẫn là chuyện của những người bạn, của chính các em dưới hình thức ẩn dụ về chuyện của các loài vật như chim vàng anh, ve sầu, gà trống...trong một lớp học. Các học trò của “*thầy giáo vàng anh*” xuất hiện vô cùng ấn tượng bởi dấu ấn riêng. Anh ve sầu tự tin thể hiện phong cách âm nhạc của mùa hè với một bản nhạc đầy năng lượng, “sáng chói” và cảm xúc. Anh gà trống với phần thi đầy sức sống và niềm vui. Gà trống thể hiện bản nhạc “*Bình minh*” với tiết tấu nhanh, khỏe và hứng khởi. Cách sử dụng bộ gõ để tạo ra những âm thanh vui nhộn thể hiện tinh thần lạc quan, đầy sức sống. Ngược lại với sự mạnh mẽ, vui tươi, Dế mèn lại lựa chọn phong cách dịu dàng và tinh tế. Dế mèn mang đến một bản nhạc “*Mùa thu*” với hình ảnh nhẹ nhàng và thư thái: lá rơi, gió xào xạc. Bản nhạc của Dế Mèn chứa đựng sự bình yên đi kèm sự nhẹ nhàng, du dương. Còn Hoạ Mi lại ghi dấu với bản nhạc “*Mùa xuân*” đầy lời cuốn và say đắm. Từ giai điệu réo rắt chuyển sang tiết tấu tung bừng, Hoạ Mi thể hiện một sức sống mới mẻ và dịu dàng. Hoạ Mi hoàn toàn khác biệt với các loài vật còn lại, nhưng lại thêm một màu sắc khác cho bức tranh âm nhạc muôn màu. Bài nhạc nào cũng hay, cũng cuốn hút, mỗi bài thi là một cá tính riêng, màu sắc riêng. Chính vì thế, cuối buổi thi, thầy giáo Vàng Anh đã thực sự “đau đầu” khi phải làm giám khảo lựa chọn và đánh giá xếp loại các bài thi. Cuối cùng, không thể phân định thắng thua, thầy đã thực sự xúc động cảm ơn các học trò vì đã mang đến những bản nhạc tuyệt vời, mỗi bản nhạc là một phần đóng góp quan trọng trong bức tranh âm nhạc chung của cuộc sống. Bài *Độc* đã khéo léo truyền tải thông

điệp về sự trân trọng sự khác biệt: mỗi cá nhân đều có những giá trị riêng, và chính những sự khác biệt ấy tạo nên một bức tranh phong phú và đa dạng của cuộc sống này. Chúng ta không cần phải giống nhau để tồn tại mà hãy cùng nhau tạo ra những điều tuyệt vời từ chính sự khác biệt của mỗi cá nhân. Sự khác biệt không phải là một điều cản trở, mà là yếu tố làm phong phú thêm cộng đồng và tạo ra sự hài hòa. Từ những chi tiết này, chúng ta thấy được rằng, giống như các loài vật trong đoạn văn, mỗi con người đều có một phong cách, một cá tính và một giá trị riêng biệt, và khi tất cả được tôn trọng, chúng ta có thể tạo ra một thế giới đa dạng đầy sắc màu và ý nghĩa.

Văn bản *Độc* “Anh em sinh đôi” [3, tr.16] tiếp tục khẳng định thông điệp về ý nghĩa của sự khác biệt. Mỗi người chỉ thực sự tự tin và tỏa sáng khi được là chính mình. Thông điệp ấy được gửi gắm trong câu chuyện kể hai anh em sinh đôi Khánh và Long. Mặc dù bề ngoài hai anh em rất giống nhau: *“Hai anh em giống nhau như đúc”* khiến cho *“mọi người không nhận ra ai là anh, ai là em”* [3, tr.16], chính điều đó khiến Long *“khoái chí”* lắm. Nhưng dần dần, Long cảm thấy buồn rầu và phiền phức vì sự giống nhau ấy. Cậu bắt đầu cố gắng thể hiện sự khác biệt bằng cách thay đổi phong cách cá nhân từ cách nói, dáng đi đến trang phục, kiểu tóc. Long muốn khẳng định cá tính riêng của mình và không muốn bị đồng hóa với anh trai. Hai anh em, tuy giống nhau y đúc về ngoại hình nhưng thực ra họ vẫn là hai cá thể, hai con người hoàn toàn khác nhau về cả suy nghĩ, hành động, tính cách... Chính những điều khác nhau ấy mới là *“dấu hiệu nhận diện”* riêng của mỗi người. Bạn bè và mọi người xung quanh không hề bị nhầm lẫn, họ nhận ra sự khác biệt của hai anh em không phải ở bề ngoài mà ở các đặc điểm cá nhân khác, như nụ cười, thái độ, tốc độ, và tính cách... Cuối truyện, Long được giải tỏa, em hiểu ra rằng: *“Cậu vẫn là cậu, anh Khánh vẫn là anh Khánh”* [3, tr.17], bạn bè vẫn có thể nhận ra hai anh em một cách dễ dàng bởi chính cá tính của hai bạn.

Tầm quan trọng của sự khác biệt còn được thể hiện qua văn bản *Độc* “Công chúa và người dẫn chuyện” [3, tr.20]. Cô bé Giэт-xi rất vui mừng khi được chọn đóng vai công chúa trong vở kịch quan trọng của lớp. Thế nhưng, khi lên sân khấu, cô không thể nhớ lời thoại, và cô giáo phải quyết định thay đổi vai diễn của Giэт-xi, giao cho cô vai người dẫn chuyện. Mặc dù cô giáo đã nhẹ nhàng và tế nhị thông báo, Giэт-xi vẫn cảm thấy rất buồn. Cô cảm thấy thất vọng khi không thể giữ vai chính mà mình đã mong chờ. Khi Giэт-xi

buồn bã về việc phải nhường vai công chúa cho bạn, mẹ cô không chỉ an ủi mà còn dạy cho cô một bài học quý giá. Mẹ đưa ra hình ảnh về khu vườn nhà và loài hoa bồ công anh. Mặc dù bồ công anh không phải là một loài hoa đẹp nhất trong mắt nhiều người, nhưng mỗi loài hoa đều có vẻ đẹp riêng. Mẹ nhấn mạnh rằng con người cũng vậy, không phải ai cũng có thể đạt được những vai trò lấp lánh, như công chúa, nhưng không có gì là xấu hổ về việc này. Mẹ Giэт-xi cũng đã chỉ ra rằng cô có giọng đọc truyền cảm rất phù hợp với vai người dẫn chuyện. Vai trò này cũng quan trọng và không thể thiếu trong vở kịch. Bằng cách này, mẹ không chỉ giúp Giэт-xi vượt qua nỗi buồn mà còn giúp cô hiểu rằng mỗi người đều có điểm mạnh và vai trò riêng, và những vai trò này đều có giá trị đóng góp quan trọng vào thành công chung. Sự thay đổi vai diễn không phải là một thất bại mà là một cơ hội để Giэт-xi nhận ra sở trường và tỏa sáng nhờ vào chính sở trường ấy. Văn bản đã mang đến một thông điệp sâu sắc về trân trọng sự khác biệt. Mỗi người đều có những khả năng, điểm mạnh, điểm yếu riêng. Việc chấp nhận và phát huy những khác biệt và sở trường cá nhân chính là cách để mỗi người tìm thấy giá trị và ý nghĩa của mình trong cuộc sống. Cũng như cô bé Giэт-xi, có thể em không làm công chúa, nhưng em hoàn toàn có thể làm người dẫn chuyện một cách xuất sắc.

Văn bản *Đọc* “Thần lằn xanh và tắc kè” [3, tr.23] là một câu chuyện đơn giản nhưng cũng là một văn bản ý nghĩa về việc trân trọng sự khác biệt. Thần lằn xanh và tắc kè có sự khác biệt rõ rệt về thói quen và cách thức sinh sống: thần lằn xanh kiếm thức ăn vào ban ngày, thường xuyên leo trèo trên cành cây, trong khi tắc kè hoạt động vào ban đêm và kiếm ăn trên các bức tường. Ban đầu, cả thần lằn và tắc kè đều thấy thích thú và tò mò về lối sống của đối phương. Tắc kè muốn thử cuộc sống ban ngày trên cây của thần lằn, và thần lằn lại muốn thử kiếm ăn vào ban đêm trên tường như tắc kè. Cả hai đều muốn trải nghiệm một cuộc sống khác với những thói quen và đặc điểm riêng biệt của mình. Câu chuyện giống như tâm lý muốn thay đổi và khám phá của các em nhỏ, đôi khi các em nghĩ rằng cuộc sống của người khác sẽ thú vị hơn của mình. Khi hai bạn thử thay đổi cuộc sống cho nhau, họ mới nhận ra rằng thật khó khăn để thích nghi. Thậm chí, nếu cố gắng để trở thành người khác, đánh mất mình thì họ có thể không còn tồn tại. Thần lằn xanh không thể bám dính lên tường giống như tắc kè, còn tắc kè lại không chịu nổi sức nóng ban ngày. Sự khác biệt giữa hai loài là rõ ràng, và họ phải chấp nhận điều đó.

Kết quả là cả hai đều quay lại với cuộc sống ban đầu của mình còn cuộc thử nghiệm tráo đổi đã thất bại hoàn toàn. Thần lẫn xanh lại tìm thấy niềm vui khi kiếm ăn vào ban ngày trên cây, còn tắc kè lại vui vẻ kiếm thức ăn vào buổi tối trên tường. Truyện khép lại bằng việc cả hai bạn lại tiếp tục cuộc sống của mình, thảnh thơi gặp nhau và trò chuyện. Thông qua câu chuyện này, các em HS hiểu rằng, mỗi người đều có những đặc điểm riêng biệt và những gì khiến chúng ta khác biệt cũng chính là những yếu tố làm nên giá trị của mỗi cá nhân. Câu chuyện khẳng định: sự khác biệt không phải là điều cần phải thay đổi mà là thứ cần được hiểu và trân trọng. Thay vì cố gắng sao chép cuộc sống của người khác, mỗi người nên tìm ra những điều làm mình đặc biệt và phát huy những điểm mạnh đó.

“Nghệ sĩ trống” [3, tr.26] - cô bé Mi-lô - là một người truyền cảm hứng về việc trân trọng sự khác biệt - sự khác biệt về giới tính, ước mơ và cách nhìn nhận bản thân. Qua hành trình chạm tới ước mơ trở thành một nghệ sĩ trống, Mi-lô không chỉ vượt qua định kiến giới tính mà còn khẳng định giá trị của sự dũng cảm, khác biệt và kiên trì theo đuổi đam mê. Ngay từ đầu, Mi-lô đã thể hiện sự khác biệt với những cô bé khác sống trên hòn đảo Cu-ba - nơi âm nhạc tràn ngập nhưng lại ngầm có quy ước rằng chỉ con trai mới được chơi trống. Khi Mi-lô theo đuổi đam mê gõ trống, cô bị phản đối và ngăn cản với những lời như: *“Về nhà ngay! Nhạc cụ này không dành cho con gái!”* [3, tr.26], sự khác biệt của Mi-lô không chỉ ở sở thích cá nhân, mà còn là sự phá vỡ quy tắc vốn đã ăn sâu trong suy nghĩ của cộng đồng. Cô bé đại diện cho những con người không cam chịu bị đóng khung bởi những định kiến. Dù bị phản đối, Mi-lô không từ bỏ đam mê. Sau này, Mi-lô trở thành nghệ sĩ trống nổi tiếng thế giới, một minh chứng cho giá trị của người dám sống với ước mơ, dám khám phá tiềm năng bản thân và vượt lên trên những định kiến xã hội. Câu chuyện gửi gắm thông điệp rằng khác biệt không đáng xấu hổ, mà có những lúc, khác biệt lại có thể thay đổi được cách nghĩ, thói quen lạc hậu của con người.

Qua bức tranh ở văn bản *Đọc “Những bức chân dung”* [3, tr.30] của tác giả Ni-cô-lai Nô-xốp chúng ta càng thấy rõ hơn rằng chúng ta nên là chính mình, không nên ép bản thân theo một khuôn mẫu của ai. Ban đầu, Màu Nước vẽ hai bức chân dung của Bông Tuyết và Mắt Xanh, mỗi người một vẽ, được thể hiện rất thật và rất riêng. Hai bức chân dung đó là tác phẩm nghệ thuật không chỉ vì chúng đẹp, mà vì chúng thể hiện đúng bản chất và nét riêng của người trong tranh. Khi Hoa Nhỏ đến xin vẽ chân dung, cô bé không muốn

được vẽ như thật, mà liên tục yêu cầu Màu Nước vẽ khác đi: “*mắt to hơn, miệng nhỏ hơn, lông mi dài hơn*” để theo những “chuẩn đẹp” đang được ưa chuộng. Dưới áp lực, Màu Nước đồng ý. Sau khi Hoa Nhỏ có tranh, nhiều cô bé khác cũng muốn được “đẹp như vậy”, dẫn đến việc mọi bức tranh trở nên giống nhau, mất đi vẻ đẹp riêng biệt vốn có. Và khi các bức chân dung giống nhau được đặt cạnh nhau, không cô bé nào nhận ra được đâu là tranh của mình. Từ đó khiến các cô bé bắt đầu nhận ra sai lầm rằng khi ai cũng giống ai thì không còn ai nổi bật hay đặc biệt nữa, sẽ chẳng còn bức tranh nào là “đẹp” nữa. Nếu ai cũng giống nhau, chúng ta sẽ bị hòa tan và mất đi chính mình. Câu chuyện gửi đến người đọc, đặc biệt là các bạn nhỏ một thông điệp nhân văn về sự tự tin về chính mình, mỗi người đều là một “tác phẩm nghệ thuật” duy nhất và tuyệt vời nhất.

Mỗi con người đều có nét đẹp riêng của mình, chúng ta cần gìn giữ và tự tin về những điểm riêng biệt đó. Tác giả Võ Quảng một lần nữa khẳng định vai trò của mỗi người trong xã hội là khác nhau thông qua văn bản “Đò ngang” [3, tr.34]. Đò ngang mỗi ngày lặng lẽ đưa khách từ bờ bên này sang bờ bên kia, công việc lặp lại, không hào nhoáng, không đi xa, không “*tung bay như chim khổng lồ*” như thuyền mảnh. Chính vì vậy, đò ngang có lúc cảm thấy mình tầm thường và vô dụng, muốn được như người khác - cụ thể là muốn trở nên “*lớn lao*” như thuyền mảnh. Đây là tâm lí rất thật của con người - dễ tự ti khi so sánh mình với người khác. Anh thuyền mảnh có vẻ ngoài mạnh mẽ, đi khắp nơi, đến những vùng đất mới mẻ. Đây là hình ảnh ẩn dụ cho những người mang trong mình ước mơ lớn, khát khao khám phá, thành công. Đò ngang ngưỡng mộ và khao khát được như vậy. Thế nhưng, dưới góc nhìn của thuyền mảnh, đò ngang lại rất quan trọng. Anh ấy cho rằng: “*Ở bất cứ đâu cũng có những điều để chúng ta học hỏi*” [3, tr.35], không phải chỉ đi xa mới có giá trị, “*quan trọng nhất là đò ngang được mọi người quý mến vì làm công việc nối lại đôi bờ. Mỗi khi đò ngang cập bến, mọi người đều ủa ra reo mừng. Quả thật, tôi cũng muốn được như vậy.*” [3, tr.35]. Đây là sự công nhận, sự trân trọng dành cho giá trị riêng biệt của đò ngang. Mỗi người một sứ mệnh: Thuyền mảnh mở mang chân trời, Đò ngang kết nối con người. Không ai “hơn” ai, họ chỉ khác nhau về vai trò, và đều có ý nghĩa không thể thiếu. Mỗi người là một mảnh ghép độc đáo trong cuộc sống. Không ai nhỏ bé hay vô nghĩa, chỉ cần bạn hiểu và trân trọng giá trị của chính mình.

Những văn bản *Đọc* trong chủ điểm “Trân trọng sự khác biệt” giúp HS nhận ra rằng mỗi người đều có nét riêng đáng quý, và sự khác biệt chính là điều làm nên giá trị và vẻ đẹp của mỗi cá nhân. Thậm chí, có lúc sự mạnh mẽ kiên định với sự khác biệt còn giúp con người xóa bỏ những định kiến lạc hậu, áu trĩ trong cuộc sống, khẳng định được giá trị của bản thân mình. Qua chủ điểm này các em HS học được cách trân trọng sự khác biệt. Đồng thời khuyến khích các em biết tôn trọng, chấp nhận và học hỏi từ những sự khác biệt đó, góp phần xây dựng một môi trường học tập và xã hội đa dạng, hòa đồng.

1.2.2. Những trải nghiệm, khám phá và sáng tạo thế giới

Trải nghiệm, khám phá là một cách để các em nhỏ dần lớn lên, dần trưởng thành. Vì vậy, hoạt động trải nghiệm và khám phá là một yêu cầu quan trọng trong chương trình GDPT hiện nay. Trải nghiệm là việc tiếp xúc, tham gia và cảm nhận thực tế từ những hoạt động đời sống hàng ngày hoặc qua các tình huống học tập, vui chơi. Nó giúp HS phát triển kỹ năng sống, kỹ năng giao tiếp và khả năng thích nghi với môi trường. Cung cấp cơ hội học hỏi từ thực tế, thay vì chỉ qua sách vở. Khám phá là việc tìm hiểu và nghiên cứu những điều mới mẻ, thú vị trong thế giới tự nhiên, xã hội, và khoa học. Giúp trẻ phát triển khả năng tò mò, tư duy phản biện và kỹ năng tìm kiếm thông tin. Khuyến khích sự tự lập trong việc học hỏi và giải quyết vấn đề. Từ những trải nghiệm và khám phá, HS có thể dễ dàng học hỏi các tri thức của đời sống, làm giàu hơn các kỹ năng và vốn sống của mình để từ đó có thể sáng tạo để phát triển bản thân. Sáng tạo là việc sử dụng trí tưởng tượng và kiến thức để tạo ra điều mới mẻ, giải quyết vấn đề hoặc thể hiện ý tưởng cá nhân. Giúp HS phát triển khả năng tư duy độc lập, linh hoạt, tăng cường sự tự tin, khả năng biểu đạt bản thân.

Việc trải nghiệm, khám phá và sáng tạo thế giới mang lại rất nhiều lợi ích, đặc biệt là với HS tiểu học. Giúp các em phát triển khả năng tư duy toàn diện (cả logic và sáng tạo); học cách quan sát, đặt câu hỏi và tìm kiếm câu trả lời một cách tích cực; khám phá tiềm năng bản thân và phát triển đam mê trong các lĩnh vực khác nhau.

Các văn *Đọc* trong SGK *Tiếng Việt 4* (KNTTVCS) đã khéo léo đưa vào những bài học giáo dục HS về sự trải nghiệm, khám phá và dám bứt phá để sáng tạo. Đó cũng chính là một giá trị nội dung quan trọng của các văn bản đọc hiểu. Mỗi văn bản lại vẫn là câu chuyện của chính các em về sự tò mò khám phá thế giới đầy kì thú. Những sự tò mò đó đã kích thích bản năng

muốn khám phá và tìm tòi những điều thú vị mới lạ bên ngoài thế giới bao la kia của các bạn nhỏ. Những thông điệp nhẹ nhàng mà sâu sắc về mong muốn trải nghiệm, khám phá và sáng tạo thế giới của các em nhỏ được tập trung trong các văn bản *Độc thuộc chủ điểm “Trải nghiệm và khám phá”* [3, tr.38], và “Niềm vui sáng tạo” [3, tr.76].

Bài thơ “Bầu trời trong quả trứng” [3, tr.39] của Xuân Quỳnh là một tác phẩm giàu hình ảnh và cảm xúc, thể hiện hành trình trải nghiệm, khám phá sự hình thành của một sinh linh bé nhỏ - một chú gà con. Bằng những ngôn từ giản dị, nhà thơ đã gửi gắm một thông điệp sâu sắc về quá trình trưởng thành, khát vọng sống và niềm vui được bước ra khám phá thế giới rộng lớn bên ngoài của chú gà hay chính là các bạn nhỏ. Ban đầu, “*bầu trời trong quả trứng*” hiện lên tĩnh lặng, nhàm chán và đơn sắc, chỉ là “*màu nâu*”, không gió, không nắng, không cảm xúc. Chú gà con chưa biết đói - no, buồn - vui, thậm chí chưa hiểu lí do mình được sinh ra. Đó là một thế giới khép kín, an toàn nhưng thiếu sự sống động. Hình ảnh quả trứng mang tính biểu tượng, nó đại diện cho sự giới hạn, vòng tròn an toàn mà ai cũng từng trải qua trước khi bước vào thế giới thật. Nhưng chú gà nhỏ không chấp nhận sự chật hẹp ấy mà phá bĩnh: “*Tôi đập vỡ màu nâu/ Bầu trời trong quả trứng*”. Hành động đập vỡ vỏ trứng không chỉ là bước ngoặt sinh học, mà còn mang ý nghĩa biểu tượng lớn lao đó là khát vọng vượt ra khỏi thế giới cũ, tìm đến điều mới lạ, không còn sợ hãi với cái chưa biết. Sự can đảm để bước ra khỏi vùng an toàn là bước đầu tiên của hành trình khám phá và sáng tạo. Để rồi, chú nhận được thành quả ngọt ngào từ sự bứt phá ấy: “*Bỗng thấy nhiều gió lộng / Bỗng thấy nhiều nắng reo / Bỗng tôi thấy thương yêu*”. Sau khi thoát ra, chú gà con cảm nhận thế giới bên ngoài với tất cả giác quan, cảm xúc và trái tim. Có gió, có nắng, có sự sống và đặc biệt là tình yêu từ mẹ. Những điều đó khiến chú bắt đầu hiểu ý nghĩa cuộc sống: có đói - no, có yêu thương, có hành động (*tìm giun để, xoải cánh phơi nắng*). Đây chính là giai đoạn “trải nghiệm thật” - nơi kiến thức không còn đến từ lời kể, mà từ chính hành động và cảm xúc cá nhân. “*Bầu trời ở bên ngoài/ Sao mà xanh đến thế*” Lời thơ kết thúc bằng cảm xúc vỡ òa trước vẻ đẹp của thế giới. Sự ngạc nhiên, hạnh phúc và biết ơn hiện lên nhẹ nhàng. Bài thơ là một ẩn dụ đẹp về hành trình trưởng thành, từ “quả trứng” nhỏ bé đến bầu trời xanh bao la là nhận thức mới mẻ của các em về lòng dũng cảm, về thành quả của sự mạnh mẽ, dám bứt phá để đạt thành tựu.

“Tiếng nói của cỏ cây” [3, tr.44] lại là một câu chuyện nhẹ nhàng, đầy hình ảnh và cảm xúc trong hành trình trải nghiệm, khám phá thế giới xung quanh của cô bé Ta-nhi-a. Câu chuyện tuy giản dị nhưng lại là những bài học về sự quan sát tinh tế, về tình yêu thiên nhiên và khả năng tạo ra sự thay đổi tích cực từ những điều nhỏ bé. Ngay từ đầu câu chuyện, Ta-nhi-a đã không chỉ ngắm nhìn khu vườn một cách thụ động, mà cô bé còn chủ động tương tác với thiên nhiên: *“Thấy khóm hoa hồng bạch có vẻ chật chỗ, cô bé liền bứng một cây nhỏ nhất trồng vào chỗ đất trống dưới cửa sổ”* [3, tr.44]. Ta-nhi-a không chờ ai chỉ dẫn, không bị động mà tự mình quan sát và thử nghiệm. Việc di chuyển cây hoa đến vị trí khác chính là cách cô bé bước đầu khám phá mối quan hệ giữa cây trồng và môi trường sống. *“Ô kìa! Bụi hoa hồng được chuyển chỗ mới đẹp làm sao! Những bông hoa màu trắng dịu, cánh hoa trong suốt lung linh.”* [3, tr.44]. Sau thời gian chăm sóc và theo dõi, Ta-nhi-a nhận ra sự thay đổi rõ rệt của cả hoa hồng và hoa huệ khi được trồng ở nơi thoáng đãng. Cây cối không chỉ sống tốt mà còn nở hoa đẹp hơn, rực rỡ hơn. Cô bé thấy rằng môi trường tốt tạo điều kiện cho cái đẹp tự nhiên được phát huy. Đây là một quá trình học hỏi và khám phá sâu sắc, đến từ sự quan sát tỉ mỉ và lòng yêu thiên nhiên của một đứa trẻ. Điều đặc biệt ở đoạn kết là hình ảnh hoa hồng và hoa huệ thì thầm với nhau bằng một thứ ngôn ngữ dịu dàng: *“Bạn thân mến! Hơi thở của bạn làm tôi dễ chịu quá.”*, *“Không có bạn, tôi làm sao được tươi tắn thế này”* [3, tr.45]. Đây là cách tác giả nhân hoá thế giới cỏ cây, nhưng đồng thời cũng phản ánh rằng sự thay đổi không chỉ là vật lí mà còn là tinh thần: cây cối cảm thấy dễ chịu, hạnh phúc khi được sống cạnh nhau trong môi trường phù hợp. Ta-nhi-a không chỉ là người trồng cây, mà còn là người kiến tạo một thế giới hài hòa, giúp sự sống phát triển rực rỡ hơn. Hành động nhỏ của cô bé đã tạo ra điều khác biệt cho khu vườn. Câu chuyện “Tiếng nói của cỏ cây” nhẹ nhàng nhưng sâu sắc, không chỉ cho thấy hành trình trải nghiệm và khám phá thiên nhiên của Ta-nhi-a, mà còn thể hiện khả năng sáng tạo một thế giới tốt đẹp từ những điều nhỏ nhất. Học sinh qua đó được truyền cảm hứng để yêu thiên nhiên, biết quan sát, cảm nhận và dũng cảm tạo nên điều mới mẻ.

Văn bản “Tập làm văn” [3, tr.48], tác giả Trần Quốc Toàn lại kể về quá trình tự khám phá thiên nhiên để có những kiến thức chân thật nhất mà viết bài văn tả cây hoa hồng của một bạn nhỏ. Qua từng chi tiết, câu chuyện cho thấy rõ quá trình tiếp cận thế giới tự nhiên bằng cả sự quan sát, cảm nhận và

sáng tạo chân thành, hồn nhiên của một đứa trẻ. Hành trình khám phá bắt đầu từ một mục tiêu rất học sinh: tìm cảm hứng viết văn. Bạn nhỏ được ba cho về quê với mong muốn tìm ý cho đề bài “Tả cây hoa nhà em”. Đây là trải nghiệm thú vị về không gian làng quê, thiên nhiên tươi mới và gần gũi, là chất liệu sống chân thật, trực quan giúp em học tốt hơn: *“Chiều thứ Bảy về quê, tôi gặp lại cây hoa hồng mà ngoại đã trồng ở mảnh vườn trước cửa.”* [3, tr.48]. Dù hôm đó trời tối và các loại cây trông giống nhau, nhưng điều đó không làm bạn nản lòng. Trải nghiệm ban đầu chưa thành công, nhưng lại khơi gợi sự tò mò và quyết tâm quan sát vào sáng hôm sau. Buổi sáng hôm sau, thiên nhiên làng quê hiện lên sinh động: *“Gió xào xạc trên tàu dừa. Cây hoa hồng bỗng giật mình, rung rinh, những giọt sương từ mặt lá rơi xuống...”* [3, tr.48]. Câu văn có chất thơ, thể hiện sự hòa mình vào thiên nhiên, tinh tế quan sát từng cử động nhỏ của cây, từng hạt sương rơi, từng cánh hoa rung rinh. Từ những quan sát tỉ mỉ, bạn nhỏ bắt đầu viết được những câu đầu tiên trong bài tập làm văn của mình: *“Thân cây hoa to bằng ngón tay cái. Cành hoa nhỏ như ngón tay út, xoè ra nhiều lá hình trái tim viền răng cưa”* [3, tr.48]. Ngay cả việc vô tình bị gai cào trúng tay cũng trở thành chất liệu sáng tạo: *“Hồng không phải mít mà cũng có gai. Gai hồng không nhẽ được óc lược như gai bưởi. Gai hồng giữ cho bông hồng thả sức đẹp...”* [3, tr.49]. Đây là một khám phá mới mẻ từ chính trải nghiệm thực tế mà sách vở không thể dạy. Sáng tạo của bạn nhỏ không chỉ nằm ở việc mô tả chính xác, mà còn ở cách diễn đạt độc đáo, thú vị và rất “trẻ con”: So sánh gai hồng với gai mít, gai bưởi, vừa ngộ nghĩnh vừa chân thật. Tưởng tượng chiếc bình tưới như chú voi con đang đưa vòi, cách so sánh đáng yêu khiến hành động tưới nước trở thành hình ảnh sinh động: *“Từ tay tôi, cái bình tưới như chú voi con dễ thương đang đưa vòi...”* [3, tr.49]. Ngay cả sự vấp ngã *“té cái oạch”* cũng được kể lại chân thành, khiến bài văn trở nên chân thực và sinh động hơn. Qua hành trình về quê để viết bài văn, bạn nhỏ không chỉ hoàn thành được nhiệm vụ học tập mà còn trải qua một cuộc phiêu lưu của cảm xúc và trí tưởng tượng, óc quan sát. Từ việc nhìn thấy những giọt sương, cảm nhận mùi hương, đến việc bị gai cào, rồi tưới nước cho hoa... tất cả đều trở thành nguyên liệu của trải nghiệm, khám phá để sáng tạo. Câu chuyện là minh chứng rằng: khi ta sống hết mình với những điều bình dị, ta sẽ tìm thấy thế giới kì diệu nhất từ chính nơi ta gần gũi nhất.

Vẫn là chủ đề trải nghiệm, khám phá và sáng tạo, văn bản *Độc* “Nhà phát minh 6 tuổi” [3, tr.51] lại kể lại câu chuyện thú vị về tuổi thơ đặc biệt của nhà khoa học Ma-ri-a. Qua câu chuyện, người đọc thấy rõ quá trình từ quan sát thực tế đến tò mò đặt câu hỏi sang thử nghiệm để tìm ra lời giải chính là con đường dẫn đến sáng tạo. Khởi đầu từ những điều tưởng như rất đổi bình thường trong cuộc sống, Ma-ri-a bắt đầu hành trình khám phá. Chỉ từ một hiện tượng nhỏ trong bữa tiệc: *“tách trà trượt rồi dừng lại trên đĩa”* [3, tr.51]. Không giống những đứa trẻ cùng tuổi, cô bé ngay lập tức bị cuốn hút bởi nó: *“Mỗi lần gia nhân bung trà lên, tách đựng trà thoát đầu trượt trong đĩa. Nhưng khi nước trà rót ra đĩa thì tách trà kia bỗng dừng chuyển động”* [3, tr.51]. Không chỉ dừng lại ở việc thắc mắc, Ma-ri-a đã chủ động tiến hành thí nghiệm - một hành vi khám phá đậm chất khoa học: *“Cô bé vào bếp, lấy một bộ đồ trà ra và tự mình làm đi làm lại thí nghiệm”* [3, tr.51]. Từ đó, cô rút ra kết luận: *“Khi giữa tách trà và đĩa có một chút nước thì tách trà sẽ đứng yên”*. Dù mới 6 tuổi, cô bé đã có tư duy của một nhà khoa học: quan sát - đặt câu hỏi - kiểm chứng giả thuyết - rút ra kết luận. Khả năng biến thắc mắc thành khám phá chính là bước đầu cho sự sáng tạo. Ma-ri-a không học từ sách vở, không ai dạy cô điều đó, cô tự tạo ra tri thức cho mình bằng cách trải nghiệm và kiểm chứng. Sự kiện đó như một dấu mốc đánh thức tư duy sáng tạo, đặt nền móng cho một nhà khoa học tương lai: *“Cha cô hết sức vui mừng. Ông nâng bổng cô con gái nhỏ lên vai, đi thẳng ra phòng khách, hân hoan nói: Đây sẽ là giáo sư đời thứ bảy của gia tộc tôi!”* [3, tr.51]. Và quả đúng như vậy, Ma-ri-a sau này trở thành giáo sư, và đoạt Giải thưởng Nobel Vật lý năm 1963 - một minh chứng cho hành trình sáng tạo được khơi nguồn từ thuở thơ ấu. Qua câu chuyện của Ma-ri-a, người đọc nhận ra rằng trải nghiệm - khám phá - sáng tạo là một chuỗi gắn kết tự nhiên. Nếu biết quan sát, không ngại tò mò, dám thử nghiệm và học hỏi từ chính cuộc sống hằng ngày, mỗi người, kể cả một đứa trẻ, cũng có thể mở ra cánh cửa tri thức và thay đổi thế giới.

Trải nghiệm của Tú trong “Con vệt xanh” [3, tr.55] của tác giả Lý Lan cũng là một hành trình nhận thức cảm động, mang nhiều ý nghĩa. Tú từ một cậu bé vô tư, có phần bướng bỉnh đến một người biết tự nhìn lại bản thân, tiết chế, biết yêu thương và sửa đổi. Ngay từ đầu câu chuyện, Tú đã có một trải nghiệm mới mẻ khi chăm sóc một chú vệt bị thương. Đây là một việc làm đầy tình thương và cũng là trải nghiệm đầu tiên về tinh thần trách nhiệm: *“Thương vệt, Tú chăm sóc nó rất cẩn thận”* [3, tr.55]. Trong quá trình chăm

sóc ấy, Tú không chỉ cho vẹt ăn, dạy vẹt nói, mà còn dành cho nó tình cảm yêu mến như một người bạn nhỏ. Nhờ vậy, Tú bắt đầu gắn bó với vẹt, bước đầu học được sự kiên nhẫn, sự chăm chút và lòng yêu thương với sinh vật xung quanh. Tú háo hức muốn dạy vẹt nói “*dạ*”, nhưng rốt cuộc lại giật mình khi vẹt... bắt chước chính thói quen vô lễ của mình khi được gọi - “*Cái gì?*” [3, tr.55]. Chính từ khoảnh khắc bất ngờ ấy, Tú bắt đầu khám phá một điều quan trọng về bản thân: những lời nói, hành vi mà em tưởng là bình thường lại không đúng đắn và có thể để lại ảnh hưởng xấu kể cả cho một chú chim. Tú tự nhận thức lại mình: “*Tú nhớ lại bao lần anh gọi, Tú đã trả lời “Cái gì?” và cần nhằn “Kêu chi kêu hoài”. Tú hối hận quá...*” [3, tr.56]. Sau cú sốc ban đầu, Tú không đổ lỗi cho vẹt, mà biết nhận trách nhiệm về chính mình, rồi từ đó mong muốn thay đổi: “*Tú hối hận quá, chỉ mong anh gọi để Tú ‘dạ’ một tiếng thật to, thật lễ phép*” [3, tr.56]. Tú bắt đầu tái thiết lập lại hành vi, cách cư xử, và thái độ sống của mình. Qua trải nghiệm nuôi vẹt, Tú đã học được sự tôn trọng và lễ phép, biết lắng nghe, hỏi lỗi và mong muốn trở nên tốt hơn. Hình ảnh cuối cùng con vẹt xù lông, gù một cái nghe như “*dạ*” là kết thúc nhẹ nhàng nhưng sâu sắc. Đó là lời “xin lỗi” không lời, là sự đồng cảm giữa người và vật khi cả hai cùng học được một điều quý giá từ nhau. “Con vẹt xanh” là một câu chuyện giản dị nhưng nhân văn. Qua văn bản, các em HS có thể nhận ra rằng khám phá không chỉ là khám phá thiên nhiên hay điều mới mẻ bên ngoài, mà còn là hành trình khám phá chính bản thân. Đó cũng là bài học quý giá cho mọi bạn nhỏ, phải biết yêu thương, biết sửa sai, và biết học từ chính những điều gần gũi nhất quanh mình.

Trong cuộc sống chúng ta, những trải nghiệm luôn là để lại cho chúng ta những kỉ niệm. Đôi khi là những kỉ niệm vui, đôi khi lại là những kỉ niệm buồn, nhưng dù là kỉ niệm gì đi nữa vẫn để lại một phần kí ức trong chúng ta. Trong văn bản *Độc* “Trước ngày xa quê” [3, tr.66] của tác giả Kao Sơn, bạn nhỏ đã kể lại những kỉ niệm đẹp của tuổi thơ khi được học tập tại quê. Trải nghiệm đầu tiên và nổi bật nhất trong bài *Độc* là trải nghiệm cảm xúc chia li. Đây không phải là một chuyến đi du lịch ngắn ngày, mà là một sự thay đổi môi trường sống và học tập, gắn liền với nỗi buồn sâu sắc: “*Nghe bố nói, tôi òa khóc như khi bị đòn oan. Tôi không muốn đi nhưng vẫn phải chuẩn bị lên đường*” [3, tr.66]. Những hình ảnh như: “*Con đường làng gồ ghề, vàng óng rom mùa gặt, những lùm cây giậu đầy quả ổi, quả mâm xôi chín mọng...*” [3, tr.66] cứ vương vất mãi trong tâm trí “tôi”. Những cảm xúc lúc này thật tự

nhiên, rất thật, thể hiện nỗi luyến tiếc, sợ hãi và hoang mang khi phải rời xa điều thân thuộc: bạn bè, thầy giáo, những con đường làng, rơm mùa gặt, quả mâm xôi, quả ổi... Chính những điều giản dị ấy làm nên tuổi thơ của nhân vật “tôi”. Và việc phải rời xa nó là một trải nghiệm đầu đời đầy day dứt. Dù chưa đặt chân đến thành phố, nhân vật “tôi” đã hình dung ra một thế giới mới: *“Tôi biết nơi đó có những chiếc xe sang trọng phóng vun vút trên đường nhựa phẳng lì”* [3, tr.66]. Đây là biểu hiện của sự tưởng tượng và khái quát ban đầu về thế giới khác biệt: hiện đại hơn, năng động hơn nhưng cũng xa lạ và không dễ hòa nhập. Hình ảnh thành phố hiện lên như một thử thách, nhưng đồng thời cũng là một cơ hội để khám phá, học hỏi và trưởng thành. Sự chia li với quê hương không phải là một kết thúc, mà là một nền tảng tạo nên cảm hứng và sức mạnh nội tâm để nhân vật “tôi” có thể bước tiếp. Sự trưởng thành bắt đầu từ những trải nghiệm rời xa vòng tay thân thuộc. Khám phá một thế giới mới không dễ dàng, nhưng cũng là cơ hội để phát triển bản thân. Những kí ức quê hương sẽ mãi là nguồn động lực và cảm hứng sáng tạo, dù đi đến đâu. Qua đoạn văn, người đọc cảm nhận được quá trình trưởng thành của nhân vật “tôi”, dù vẫn còn nặng lòng với quê hương nhưng nhân vật đang đứng trước một cánh cửa lớn mở ra cuộc sống mới, nơi em sẽ viết tiếp hành trình của chính mình.

Sự sáng tạo của trẻ thơ là vô cùng phong phú và đa dạng, mỗi bạn nhỏ sẽ có những cách để sáng tạo riêng và để lại dấu ấn cá nhân của chính mình. Bạn nhỏ trong văn bản *Đọc “Vẽ màu”* [3, tr.77] đã vẽ một bức tranh tràn ngập màu sắc với những nét chấm phá riêng biệt. Mỗi điểm màu của bạn từng chút, từng chút một góp phần hoàn chỉnh bức tranh. Những màu sắc tưởng chừng như rất đơn giản nhưng qua cây bút tài nghệ của bạn nhỏ đã hiện lên một bức tranh vô cùng sống động về cuộc sống. Đó là màu đỏ của cánh hoa hồng, màu xanh của chiếc lá, màu tím của chiếc áo, của sự giao thoa đất trời, màu biển biếc của những đôi mắt biết nói, màu nâu của đại ngàn xa thẳm, màu mực của đêm... Những gam màu ấy cũng chính là những gam màu đa dạng và tinh tế của cuộc sống này. Qua cây bút, em nhỏ đã vẽ lại cả một thế giới rộn ràng, sống động, vui tươi. Lại có lúc, với em nhỏ, màu sắc không còn phải để trực quan, nhìn ngắm và tái hiện thế giới, mà màu sắc lại để thể hiện tình cảm, cảm xúc, sự xúc động:

Mắt nhìn khắp muôn nơi
Sắc màu không kể hết

Em tô thêm màu trắng
Trên tóc mẹ sương hơn...

Khổ thơ cuối cùng mang đến một cảm giác rộng mở, tựa như một cái nhìn bao quát, nhìn thấy vẻ đẹp và sự phong phú của thế giới xung quanh. Câu thơ cảm động, đầy yêu thương: *“Em tô thêm màu trắng / Trên tóc mẹ sương hơn...”*. Em nhỏ như trưởng thành hơn, hiểu hơn về những vất vả, lo toan của mẹ, thời gian phai nhạt trên tóc mẹ. Việc sáng tạo của em không chỉ còn là để khám phá thế giới muôn màu mà còn để thể hiện cảm xúc và tình yêu thương.

Vẫn là việc sáng tạo qua các bức tranh vẽ, Ma Văn Kháng lại có cách khai thác chủ đề theo cách riêng qua văn bản *Đọc “Đồng cỏ nở hoa”* [3, tr.81]. Tác phẩm kể về cô bé mà mọi người thường yêu thương gọi là bé Bống. Điều đặc biệt của Bống là sự đam mê và tài năng trong sáng tạo nghệ thuật. Bống vẽ tranh rất giỏi, ai cũng khen: *“Nó vẽ như người ta thổi, như người ta nhìn, như người ta nghe”* [3, tr.81]. Tài năng nghệ thuật là thế, nhưng Bống vẫn là một cô bé rất hồn nhiên, đáng yêu. Những nét vẽ của cô bé chân thật khiến ai cũng phải bật cười: *“- Sao dưới bụng con gà mái mẹ lại có một hàng chấm chấm? - Đó là tí của nó ạ. Không có tí, gà con bú mẹ sao được ạ. - Thế con chuột nhắt đứng cạnh cái vòng tròn có hai chóp nhọn là cái gì? - Là lưng con mèo. Ý cháu là... hồi tên chuột kia, mi hãy giở hồn, mèo chưa quay đầu lại đâu!”* [3, tr.81]. Dù sáng tạo nhưng những bức vẽ của Bống vẫn rất chân thật. Có lẽ đó chính là điều khiến ai cũng “mê” tranh của Bống. Sáng tạo không có nghĩa là phá bỏ những quy tắc của đời sống, mọi sự sáng tạo đều phải bắt nguồn từ đời sống hiện thực và phản ánh chính đời sống hiện thực của con người. Đó chính là thông điệp về sự sáng tạo mà Ma Văn Kháng muốn chuyển tải qua văn bản *Đọc “Đồng cỏ nở hoa”*.

Khả năng sáng tạo của con người là không giới hạn. Những sáng tạo lớn lao, thậm chí thay đổi cả thế giới loài người thường cũng bắt đầu từ những điều nhỏ bé, bình dị. Và để giúp hình thành và bồi đắp khả năng sáng tạo của các bạn nhỏ, giúp các bạn nhận thức được, cảm nhận được cuộc sống muôn màu, thầy giáo trong *“Bầu trời mùa thu”* [3, tr.89] đã có một đề nghị thú vị: *“Các em hãy nhìn lên bầu trời. Mùa hè, nó rất nóng với những tia nắng mặt trời chói chang. Còn bây giờ, bầu trời thế nào? Các em hãy suy nghĩ và chọn những từ ngữ thích hợp để nói về bầu trời”* [3, tr.89]. Và thế là, các bạn HS cũng được thỏa sức suy nghĩ và tưởng tượng để nói về bầu trời theo cách cảm

nhận riêng của mình. Có bạn nói “*Bầu trời xanh biếc*”, có bạn lại nói “*Bầu trời buồn bã*”, “*Bầu trời trầm ngâm*”, “*bầu trời dịu dàng*”... Và thông điệp sâu sắc mà văn bản muốn chuyển tải đến các em nhỏ là trí tưởng tượng của mỗi người một khác và không bao giờ có giới hạn. Hãy cứ sáng tạo theo một cách riêng của mình.

Không chỉ là những bài học lí thuyết khô cứng, bài *Đọc* “*Làm thỏ con bằng giấy*” [3, tr.93] đã hướng dẫn rất chi tiết từng bước cụ thể để giúp các em có thể tự mình làm, tự mình sáng tạo được một chú thỏ con ngộ nghĩnh, đáng yêu. Đồ vật nhỏ xinh ấy có thể trở thành người bạn của các em HS, cũng có thể trở thành món quà để các em đem tặng những người mà các em yêu quý.

Câu chuyện của Quy và bài tập làm văn của mình trong “*Bức tường có nhiều phép lạ*” [3, tr.97] lại là một sự hướng dẫn, một gợi ý để giúp các em HS có thể dần dần quan sát, tìm ý và sáng tạo được bài văn thú vị. Ngay từ đầu truyện, Quy gặp khó khăn khi đọc đề bài “*Tả lại quang cảnh một trận mưa rào*” trong khi thời tiết ngoài trời lại nắng to. Cậu bé hoang mang, không biết phải viết gì vì không có “*cảnh mưa*” trước mắt. Nhưng đâu cần phải có mưa, Quy có thể tưởng tượng lại hình ảnh của những cơn mưa trong kí ức, những cơn mưa mà em đã từng trải nghiệm: “*Con chạy ra nghịch mưa, ướt hết.*” [3, tr.97], tưởng tượng về mưa qua lời kể: “*Bố còn gặp lại trận mưa bão khi bố còn bé tí...*” [3, tr.98]... Từ lời gợi nhắc của bố, những trải nghiệm trong quá khứ của Quy được đánh thức, đó là thuyền giấy trôi bồng bềnh trong sân, là chiếc ô tô lướt qua trong cơn mưa, là âm thanh rào rào của những hạt mưa lớn... Tất cả đều trở thành tư liệu sống, giúp Quy viết nên bài văn đầy hình ảnh và cảm xúc. Sự khám phá có thể không cần phải trực quan ngay lập tức, không đến từ bên ngoài, mà đến từ trí nhớ, từ những lời kể, từ cảm xúc và trải nghiệm cá nhân. Chẳng có bức tường nào có phép lạ, điều các em có được chính là bởi sự cố gắng của chính các em. Bài học giáo dục sâu sắc ấy được lồng ghép trong câu chuyện của chính các em, suy nghĩ của chính các em nên giáo dục mà rất nhẹ nhàng, bài học sẽ trở nên thú vị hơn rất nhiều.

Sức mạnh của trí tưởng tượng, của sự sáng tạo ngẫu hứng tiếp tục được nhấn mạnh trong văn bản “*Bét-Tô-Ven và bản xô-nát ánh trăng*”. Câu chuyện của một cô bé mù “*có một ước mơ duy nhất là được ngắm nhìn ánh trăng trên dòng Đa-nuýp*” [3, tr.102] và “*người cha đau khổ*” vì “*chẳng bao giờ ông có thể giúp con thực hiện được ước mơ của mình*” dù họ sống ngay cạnh dòng sông. Và Bét-tô-ven bằng tài năng âm nhạc của mình đã đem ánh trăng

trên dòng Đa-nuýp đến cho cô bé, hiện thực ước mơ bấy lâu nay cô hằng ao ước. Bản nhạc “xô-nát Ánh trăng” với *“Những nốt nhạc ngẫu hứng vang lên, tràn đầy cảm xúc yêu thương của nhà soạn nhạc thiên tài, lúc êm ái, nhẹ nhàng như ánh trăng, lúc lại mạnh mẽ như sóng sông Đa-nuýp”* đã cứu vớt hai cha con khỏi buồn rầu, tuyệt vọng. *“Trong tâm trí của hai cha con, dường như không còn cuộc sống khổ đau vì tật bệnh, chỉ còn một thế giới huyền ảo, lung linh, tràn ngập ánh trăng. Cô gái mù có cảm giác mình đang được ngắm nhìn, đùa giỡn với ánh trăng trên dòng sông Đa-nuýp”* [3, tr.102]. Câu chuyện đầy nhân văn, xúc động và cũng là một thông điệp về quá trình sáng tạo của con người. Đôi khi, sự sáng tạo là đầy ngẫu hứng, sự sáng tạo ấy bắt nguồn từ những niềm xúc động, sự cảm thông, sự trăn trở, lòng trắc ẩn của con người. Sự sáng tạo có thể cứu rỗi tâm hồn con người khỏi những đau khổ, tuyệt vọng. Đó mới thực sự là sáng tạo có ý nghĩa, nhân văn là sự sáng tạo thực sự cần thiết cho con người.

Chủ điểm “Trải nghiệm, khám phá và sáng tạo thế giới” đã mở ra một hành trình học tập đầy cảm hứng, nơi mỗi văn bản *Đọc* là một cánh cửa dẫn HS đến với thế giới phong phú và đầy màu sắc của tri thức, cảm xúc và tư duy sáng tạo. Thông qua những câu chuyện gần gũi, HS không chỉ được phát triển óc quan sát và tư duy phản biện mà còn học cách khám phá chính bản thân mình cũng như cuộc sống xung quanh trong từng trải nghiệm.

1.2.3. Tình yêu thương giữa con người với con người

Tình yêu thương giữa con người với con người là một chủ đề sâu sắc và quan trọng trong cuộc sống, phản ánh mối quan hệ hòa hợp, sự quan tâm và chia sẻ giữa mọi người. Đó có thể là những người trong gia đình, là bạn bè, là những người đồng chí, đồng bào... Tình yêu thương không chỉ là cảm xúc mà còn là hành động thể hiện qua sự thấu hiểu, tôn trọng, giúp đỡ và bảo vệ nhau. Tình yêu thương là nền tảng cho mối quan hệ bền vững và hạnh phúc trong gia đình, bạn bè và cộng đồng. Người được yêu thương cảm thấy an toàn, tự tin và hạnh phúc hơn. Khi con người yêu thương nhau, họ dễ dàng chia sẻ và hỗ trợ nhau, làm cho xã hội trở nên văn minh và tốt đẹp hơn.

Có lẽ, văn bản *Đọc* nào trong SGK *Tiếng Việt 4* (Bộ KNTTVCS) cũng là một văn bản chất chứa tình yêu thương. Mỗi văn bản lại là một câu chuyện của chính các em để tự nhận thức về giá trị và ý nghĩa của tình cảm chân thành, sự xúc động, lòng trắc ẩn... Trong cuộc sống, chính những tình cảm chân thành sẽ là sức mạnh giúp con người vượt qua tất cả những khó

khăn, thử thách. Và các bài *Đọc* trong SGK *Tiếng Việt 4* (KNTTVCS) sẽ giúp các bạn nhỏ nhận ra điều đó. Tình yêu thương giữa người với người có thể chính là tình bạn, tình cảm gia đình, tình thầy trò, hay thậm chí là sự yêu thương, quan tâm, chăm sóc của những con người xa lạ dành cho nhau.

Tình yêu thương giữa người với người có thể thể hiện ở sự giúp đỡ người khác một cách chân thành, vô tư. Đó là câu chuyện về cô bé mù và bản nhạc “Xô-nát Ánh trắng” của Bét-tô-ven, bên dòng Đa-nuýp, chính sự đồng cảm và tình yêu thương của người nghệ sĩ tài năng dành cho cô bé đã biến thành sức mạnh giúp cô bé ấy có thể thực hiện được ước mơ của mình, được “*ngắm nhìn ánh trắng trên dòng Đa-nuýp*” [3, tr.102]; đó cũng là sự quan tâm, chăm sóc ân cần, sự giúp đỡ vô tư và chí tình của người bạn đã giúp cậu bé bị liệt có thể “bay”, cậu hạnh phúc nhìn bố đầy kiêu hãnh mà hét lên: “*Con đang bay, bố ơi! Con đang bay!*” [3, tr.129]; còn “*người cha đứng lặng nhìn theo, mắt rung rung*” bởi giây phút hạnh phúc của đứa con nhỏ của mình.

Câu chuyện về người thầy thuốc y đức như từ mẫu “Hải Thượng Lãn Ông” [4, tr.8] đã truyền cảm hứng đến cho các em HS về lòng yêu thương con người. Qua bài học, tấm gương của Hải Thượng Lãn Ông - người thầy thuốc hết lòng yêu thương và chăm sóc người bệnh - trở thành một tấm gương sáng về ý thức tự học để trở thành thầy thuốc giỏi, một bậc danh y của nước ta và cũng là một người sẵn sàng làm tất cả để cứu giúp mọi người. “*Ông không quản ngày đêm, mưa nắng, trèo đèo lội suối đi chữa bệnh cứu người. Đối với người nghèo, hoàn cảnh khó khăn, ông thường khám bệnh và cho thuốc không lấy tiền*” [4, tr.8]. Đối với ông mà nói tính mạng con người là quan trọng hơn cả. Ông luôn dành sự tâm huyết đối với nghề và dành tình yêu thương bao la, rộng lớn đối với những hoàn cảnh khó khăn. Không ích kỉ giữ lại những bài thuốc cho riêng mình, ông đã ghi chép lại tất cả những “bí quyết”, kinh nghiệm của mình trong nghề Y và tập hợp thành cuốn “*Y học, văn hóa và lịch sử*” để truyền lại cho mọi người. Qua bài *Đọc*, các em hiểu thêm rằng tình yêu thương trong xã hội là nền tảng để hình thành nhân cách và giá trị người. Giúp HS nhận thức về tầm quan trọng của tình yêu thương trong xã hội. Tạo cơ hội cho HS thể hiện tình cảm với mọi người xung quanh.

Văn bản *Đọc* “Tờ báo tường của tôi” [4, tr.24] cũng là một minh chứng cho bài học về tình yêu thương giữa người với người qua sự đồng cảm và sẵn sàng hành động để cứu giúp người khác, kể cả khi họ là người xa lạ. Bài *Đọc* giúp HS nhận thức rõ hơn về lòng dũng cảm, lòng nhân hậu, biết quan tâm,

giúp đỡ mọi người xung quanh để trở thành một người tốt luôn sẵn sàng giúp đỡ, chia sẻ, hỗ trợ mọi người lúc gặp khó khăn, họa nạn. Tình yêu thương không được thể hiện bằng những lời hoa mỹ, mà bằng hành động cụ thể, giản dị và đúng lúc. Cậu bé gặp người bị nạn, không quay lưng bỏ đi, cũng không do dự quá lâu. Em chọn cách chạy đi tìm người giúp đỡ dù trời đã tối, đường thì lại xa và rừng rậm ẩn chứa đầy nguy hiểm. Khi nghe tin báo từ cậu bé, chú bộ đội không chần chừ, ngay lập tức liên lạc với đồng đội để cứu giúp người bị tai nạn. Chú không chỉ xử lý tình huống, mà còn trân trọng tấm lòng của em HS bằng lời khen và sự cảm kích. Tình yêu thương có thể lan tỏa, từ một người đến nhiều người khác, tạo thành sợi dây kết nối bền chặt giữa con người với con người. Sau tất cả, cậu bé không chỉ thấy vui vì đã làm việc tốt, mà còn tìm được cảm hứng để đặt tên cho tờ báo tường là “*Trăng Rằm yêu thương*” - một nhan đề mang giá trị tinh thần và thông điệp nhân ái.

Tố Hữu là một nhà thơ lớn trong nền thơ ca Việt Nam hiện đại. Thơ ông toả sáng đến mọi tâm hồn vì dạt dào lòng nhân ái, vì chan chứa tình yêu thương giữa con người với con người. Bài “Tiếng ru” [4, tr.28] là một bài thơ như thế.

Con ong làm mật yêu hoa
Con cá bơi yêu nước, con chim ca yêu trời
Con người muốn sống, con ơi
Phải yêu đồng chí, yêu người anh em...

Hai câu thơ đầu mang đến một hình ảnh rất sinh động và ý nghĩa về mối quan hệ gắn bó giữa các sinh vật và môi trường sống của chúng. Mỗi con vật, mỗi sinh linh đều có một tình yêu sâu sắc và sự kết nối đặc biệt với nơi chúng sinh sống và phát triển. Từ những hình ảnh gần gũi và trực quan, nhà thơ gửi lời nhắn nhủ hết sức nhẹ nhàng mà giàu tính giáo dục: “*Con người muốn sống con ơi / Phải yêu đồng chí, yêu người anh em...*”. Câu thơ nhấn mạnh rằng để sống thật sự có ý nghĩa, con người không thể thiếu tình yêu thương, sự đoàn kết và lòng nhân ái đối với những người xung quanh. Tình yêu thương này là nền tảng của sự hòa hợp, là sức mạnh giúp con người vượt qua khó khăn, thử thách trong cuộc sống. Và để tiếp nối mạch cảm xúc ấy, Tố Hữu đã dùng hàng loạt các hình ảnh khác để liên tưởng về ý nghĩa sức mạnh của tình người, tình đoàn kết:

Một ngôi sao, chẳng sáng đêm
Một thân lúa chín, chẳng nên mùa vàng.

Một người - đâu phải nhân gian?
Sống chẳng, một đốm lửa tàn mà thôi!
Núi cao bởi có đất bồi
Núi chê đất thấp, núi ngời ở đâu?
Muôn dòng sông đổ biển sâu
Biển chê sông nhỏ, biển đâu nước còn?

Những câu thơ như những lời thủ thỉ tâm tình với người đọc, tuy nhẹ nhàng nhưng lại là những bài học giáo dục sâu sắc dành cho mỗi người về sự đoàn kết, về sự tôn trọng, về lòng biết ơn, sự kết nối, về ước mơ, về sự phát triển và đặc biệt là về sức mạnh của tình yêu thương, về lòng nhân ái... Câu cuối chính là lời khẳng định mạnh mẽ hơn nữa về vai trò của tình yêu thương đối với con người: *“Tre già yêu lấy măng non / Chắt chiu như mẹ yêu con tháng ngày”*, đó chính là nền tảng để các con trưởng thành, bản lĩnh: *“Mai sau con lớn hơn thầy / Các con ôm cả hai tay đất tròn”*.

Tình yêu thương giữa người với người còn thể hiện ở sự đồng cảm, thông cảm và thấu hiểu.

Vì không hiểu bạn mà Minh trong bài “Vết phấn trên mặt bàn” [4, tr.12], đã “khó chịu” với Thi Ca, cô bạn mới chuyển đến lớp và được xếp ngồi cùng bàn với Minh. Minh thấy phiền khi ngồi viết bài, Thi Ca đã không ít lần va phải tay Minh, còn quyển vở của Minh trông bị xấu đi. Minh đã quyết định vạch ra ranh giới với cô bạn và yêu cầu: *“Đây là ranh giới. Bạn không được để tay thò qua chỗ mình nhé!”* [4, tr.13]. Thi Ca rất buồn nhưng Minh không để tâm tới. Vạch ranh giới cứ tồn tại ở đó cho đến một ngày Minh không thấy Thi Ca đến lớp học, sau khi nghe cô giáo thông báo bệnh của bạn cùng bàn, Minh mới nhận ra bản thân mình đã không đúng. Minh hiểu rằng, vì tay Thi Ca bị đau, bạn ấy không hề cố tình khiến mình viết xấu, cũng không cố tình làm Minh khó chịu. Khi đã đồng cảm và thấu hiểu, giờ đây cậu chỉ hi vọng Thi Ca mau khỏi bệnh để quay trở lại lớp học, cậu đã xóa đi vạch lằn ranh giới tình bạn của mình và Thi Ca trên mặt bàn.

Tình yêu thương giữa con người với con người đôi khi thể hiện một cách âm thầm. Như cách “ông Bụt” trong “Ông Bụt đã đến” [4, tr.16] giúp đỡ Mai. Mai đã vô tình làm gãy một cành hoa rất đẹp của chủ nhà - nơi mà gia đình Mai đang thuê. Bị mẹ phát hiện, em “òà khóc” trong sợ hãi. *“Cô bé lấm nhấm cả chục lần câu xin lỗi, mắt vẫn nhòa nước”* [4, tr.16]. Và rồi trong lúc run sợ cô bé đã thốt lên *“Ông Bụt ơi, cứu con!”* [4, tr.17]. Điều bất ngờ là

“Ông Bụt” đã giúp đỡ Mai thật. Chỉ có điều “Ông Bụt” đó lại chính là ông nhạc sĩ cho nhà Mai thuê nhà, ngày hôm qua đã bắt gặp “*những giọt nước mắt và nghe được những lời thì thầm*” [4, tr.17] của Mai nên ông đã đi mua một chậu lan mới thế vào vị trí của chậu cũ. Việc làm âm thầm, lặng lẽ nhưng cũng đủ thấy tình yêu thương mà ông dành cho Mai. Qua bài *Độc*, các em HS cũng có thể nhận ra một điều đó là người tốt không ở đâu xa mà ở ngay quanh chúng ta, cạnh chúng ta.

Cha ông ta vẫn thường ví von ông bà như cây cổ thụ, che chở cho thế hệ sau, và tình yêu thương của họ là nguồn sáng dẫn đường cho cuộc đời mỗi người. Tình yêu thương của ông bà dành cho con cháu là vô bờ, không gì có thể đo đếm được. Trong bài “Quả ngọt cuối mùa” [4, tr.20], tác giả Võ Thanh An đã một lần nữa nói lên tình cảm thiêng liêng ấy.

Trong vòm lá mới chồi non
Chùm cam bà giữ vẫn còn đung đưa
Quả ngon dành tận cuối mùa
Chờ con, phần cháu bà chưa trảy vào.

Khổ thơ mang đến một hình ảnh rất dịu dàng và đầy tình cảm. Những câu thơ bình dị, ấm áp như tình bà gửi gắm cho con, cho cháu: “*Quả ngon dành tận cuối mùa*”. Bà luôn để dành những thứ tốt đẹp nhất cho con cháu, âm thầm lo toan, chăm sóc, quan tâm. Đó là một minh chứng cho tình yêu thương vô bờ bến, sự hi sinh thầm lặng của người bà.

Giêng, Hai rét cửa như dao,
Nghe tiếng chào mào chống gậy ra trông
Nom Đòai rồi lại ngắm Đông
Bè lo sương tấp, bè phòng chim ăn
Quả vàng nằm giữa cành xuân
Mãi mê góp mặt, chuyên cần toả hương.

Cái lạnh cắt da cắt thịt của tiết “Giêng hai”, không làm bà chùn bước, bà vẫn “*chống gậy ra trông*” để “*Nom Đòai rồi lại ngắm Đông*”, để chờ con chờ cháu về. Và đáp lại tình bà, con cháu cũng luôn nhớ thương bà:

Bà ơi, thương mấy là thương
Vắng con xa cháu tóc sương da môi
Bà như quả ngọt chín rồi
Càng thêm tuổi tác càng tươi lòng vàng.

“Thương mấy là thương” là cách nói nhấn mạnh cảm xúc, tuy tình cảm mộc mạc nhưng thật đáng trân trọng. Đứa cháu bé nhỏ hiểu được những cô đơn, trống vắng của bà; thương nhớ bà mà không thể ở gần bà: *“Bà như quả ngọt chín rồi / Càng thêm tuổi tác càng tươi lòng vàng”*. Bài thơ là những lời nhắn nhủ nhẹ nhàng tới HS về tình yêu thương, về lòng hiếu thảo và sự trân trọng, kính trọng đối với ông bà, cha mẹ.

Sự gắn kết cội nguồn, gắn kết giữa người trong gia đình với nhau bằng tình yêu thương cũng được thể hiện rõ qua bài *“Con muốn làm một cái cây”* [4, tr.31]. Câu chuyện về Bum và cây ổi kỉ niệm. Cây ổi đã gắn bó với Bum từ rất lâu, từ trước cả khi bạn nhỏ ra đời, và hình ảnh ông - người mà Bum vô cùng thương mến gắn liền với cây ổi trong tâm trí của bạn: *“Ông bắt sâu cho cây ổi”, “bắt để cây có nhiều cành cao, thấp, vững chãi và sai quả”* [4, tr.31], *“Ông nội bắt ghé đầu ra sân gần cây ổi, ngồi đó vừa nghe đài vừa nheo nheo mắt nhìn lũ trẻ vui chơi...”* [4, tr.32]. Nhớ ông, thương ông, Bum bỗng có một mong ước kì lạ: *“Con muốn làm một cái cây. Con muốn làm cây ổi trong sân nhà cũ của con, muốn luôn bên bạn cùng chia nhau từng trái ổi chín và thấy ông ngồi cười hiền lành bên gốc ổi...”* [4, tr.32]. Cũng như Bum, trong bài *Đọc “Vườn của ông tôi”* [4, tr.55] bạn nhỏ và bà nội cũng đã phải rời xa ông nội nhưng những kỉ niệm về ông gắn liền với khu vườn và hình bóng ông không bao giờ phai nhạt. Vườn cây ông trồng và vun xới vẫn còn: *“Vào vườn, tôi nhớ đến ông và tự hình dung ra ông đã trồng cây, cặm cùi vun xới ra sao. Dù chỉ hoàn toàn là tưởng tượng nhưng bóng hình ông không thể phai nhạt khi vườn cây vẫn mãi xanh tươi”* [4, tr.56]. Dù ông của bạn nhỏ đã không còn nhưng mỗi khi nhìn vào khu vườn nhỏ, bao nhiêu kỉ niệm ngày ông còn sống đều ùa về trong kí ức của em và người thân trong gia đình, tình cảm dành cho ông không hề phai nhạt dù năm tháng qua đi.

Mẹ là người mang đến cho chúng ta tình yêu vô bờ bến, sự chăm sóc tận tụy và là chỗ dựa vững chắc suốt cuộc đời của chúng ta. Tình yêu của mẹ được nhà thơ Trương Nam Hương gửi gắm qua từng câu chữ trong bài thơ *“Trong lời mẹ hát”* [4, tr.59].

Tuổi thơ chở đầy cô tích
Dòng sông lời mẹ ngọt ngào
Đưa con đi cùng đất nước
Chòng chành nhịp võng ca dao.

Những câu thơ gợi lên một không gian đầy ắp những kí ức đẹp đẽ và ấm áp từ tuổi thơ. Những câu chuyện ngọt ngào, những giấc mơ và ước vọng mà mẹ đã truyền cho con, những bài học quý giá về cuộc sống và tình yêu. Mẹ không chỉ chăm sóc con mà còn dạy con biết bao điều quý giá (về tình yêu quê hương đất nước, về những giá trị truyền thống, về lịch sử và văn hóa, về cội nguồn...). Đó là một hành trình cùng con khôn lớn, phát triển và trưởng thành trong tình yêu thương. Những bài học cuộc sống về tình yêu thương, về quê hương đất nước không cứng nhắc, khô cứng mà gần gũi, nhẹ nhàng qua những hình ảnh quen thuộc: *Cánh cò trắng, dải đồng xanh, hoa mướp vàng, con gà cục tác...* Nhưng lắng đọng hơn, đó là những câu thơ đạt dào cảm xúc về tình mẫu tử:

Thời gian chạy qua tóc mẹ
Một màu trắng đến nôn nao
Lưng mẹ cứ còng dần xuống
Cho con ngày một thêm cao.

Dấu hiệu của thời gian hằn in trên tóc mẹ, lưng mẹ. Đó cũng chính là những hình ảnh khiến cho con cảm giác đau đớn, nghẹn ngào, tiếc nuối, lo lắng khi nhận ra rằng mẹ đang dần già đi. Suốt một đời mẹ đã hi sinh vì con. Sự đối lập: *“Lưng mẹ còng dần xuống - con ngày một thêm cao”* chính là biểu tượng của tình yêu vô điều kiện mà mẹ dành cho con. Mẹ càng gánh nặng, con càng được lớn lên, trưởng thành.

Mẹ ơi, trong lời mẹ hát
Có cả cuộc đời hiện ra
Lời ru chấp con đôi cánh
Lớn rồi con sẽ bay xa.

Khổ thơ cuối cùng tiếp tục khắc họa sự hi sinh, tình yêu và ước mơ của mẹ dành cho con. Câu thơ *“Mẹ ơi, trong lời mẹ hát / Có cả cuộc đời hiện ra”* thể hiện sự bao la, sâu sắc trong tình cảm của mẹ. Lời ru của mẹ không chỉ là âm thanh vỗ về, mà còn là những giá trị, những bài học, những kì vọng mà mẹ muốn trao gửi cho con. Lời ru ấy thể hiện khát vọng của mẹ về tương lai của con, mong muốn con vươn lên, vượt qua khó khăn để đạt được ước mơ: *“Lời ru chấp con đôi cánh / Lớn rồi con sẽ bay xa”*. Đây cũng là hình ảnh rất đẹp về tình mẹ, sự chăm sóc và hi sinh của mẹ giúp con có thể trưởng thành và tự lập. Và chúng ta cần phải luôn yêu thương, biết ơn và trân trọng mẹ của

mình. Đó cũng chính là những lời nhắn nhủ thân tình và chân thành mà Trương Nam Hương muốn gửi đến mỗi bạn nhỏ, mỗi người đọc.

Không chỉ có tình mẹ con mà tình cảm giữa cha và con cũng thật xúc động trong bài thơ “Cái cầu” [4, tr.102]. Nếu như mẹ luôn nhẹ nhàng, ngọt ngào thì cha lại chỉ bảo con theo một cách khác, cha dạy con phải luôn kiên cường, mạnh mẽ:

Cha gửi cho con chiếc ảnh cái cầu
Cha vừa bắc xong qua dòng sông sâu
Xe lửa sắp qua, thư cha nói thế
Con cho mẹ xem, cho xem hơi lâu.

Ngay từ khổ thơ đầu bài thơ đã mang đến một chi tiết vô cùng cảm động. Cha đang bận rộn đi làm nhiệm vụ nơi xa nhưng vẫn không quên gửi ảnh về cho con như một món quà. Bức ảnh chiếc cầu không chỉ là hình ảnh vật lí, mà còn là cầu nối yêu thương, là tấm lòng người cha hướng về gia đình, về đứa con nhỏ ở quê nhà. Chiếc cầu trở thành biểu tượng của tình cha - bền bỉ, âm thầm mà vững chãi. Tình cảm gia đình ba người (cha - mẹ - con) được thể hiện tinh tế, một bức ảnh nhỏ mà gói trọn cả yêu thương, nhớ nhung và tự hào.

Những cái cầu ơi, yêu sao yêu ghê!
Nhện qua chum nước bắc cầu tơ nhỏ
Con sáo sang sông bắc cầu ngọn gió
Con kiến sang ngòi bắc cầu lá tre.

Tác giả đưa ra hình ảnh hàng loạt các “*cái cầu*” từ thiên nhiên đến đời sống: Cầu tơ của nhện, cầu gió của con sáo, cầu tre đến nhà bà ngoại... Tất cả đều là những biểu tượng gần gũi, mộc mạc, mang tình cảm và kết nối. Cũng như vậy, chiếc cầu cha làm không chỉ nối hai bờ, mà còn nối những người xa lạ thành thân quen, góp phần xây dựng đất nước, tình làng nghĩa xóm, sự kết nối cộng đồng.

Yêu hơn cả cầu ao mẹ thường đãi đỗ
Là cái cầu này ảnh chụp xa xa
Mẹ bảo: cầu Hàm Rồng sông Mã
Con cứ gọi cái cầu của cha.

Qua hai câu thơ “*Yêu hơn cả cầu ao mẹ thường đãi đỗ / Là cái cầu này ảnh chụp xa xa*” ta thấy dù em bé yêu rất nhiều chiếc cầu gắn với tuổi thơ, nhưng chiếc cầu cha xây lại mang giá trị tinh thần đặc biệt nhất vì đó là kết quả lao động, tình yêu và niềm tự hào của người cha. Cách gọi của em trong

câu “*Con cứ gọi cái cầu của cha*” như một cách ghi dấu tình cảm cha con, khẳng định rằng chiếc cầu ấy không chỉ là một công trình mà là một biểu tượng của yêu thương, niềm tin và kết nối. Bài thơ “Cái cầu” là một bản hòa ca nhẹ nhàng nhưng sâu lắng về tình yêu thương giữa con người với con người; tình cảm giữa cha mẹ và con cái, tình cảm giữa con người với nhau trong cộng đồng.

Không chỉ có những bài học giáo dục về sức mạnh, giá trị của tình yêu thương trong gia đình, các văn bản *Đọc* trong SGK *Tiếng Việt 4* (KNTTVCS) còn là những bài học sâu sắc về tình thầy trò, về sự kính trọng và lòng biết ơn thầy cô, mái trường. Thầy luôn yêu thương học trò: “*thầy đến bên lau nước mắt cho tôi, xoa đầu tôi và cúi xuống nắm lấy hai bàn tay tôi*” [3, tr.66], định hướng cho học trò của mình hướng đến những giá trị tốt đẹp trong cuộc sống, luôn cùng học trò: “*nhìn lên bầu trời*” [3, tr.89] để khám phá cuộc sống tươi đẹp. Trong đó, bài *Đọc* “Người thầy đầu tiên của bố tôi” [4, tr.63] của tác giả A-mi-xi đã mang đến cho người đọc những xúc động về tình yêu, sự trân trọng mà người học trò nhỏ dành cho thầy giáo đáng kính của mình. Sau khoảng thời gian xa cách rất lâu, An-béc-tô Bốt-ti-ni đã có dịp đưa con trai của mình về thăm lại thầy giáo năm xưa của mình. Hành động bỏ mũ khi chào thầy giáo cũ của An-béc-tô nói lên ông rất lịch sự và tôn trọng người thầy giáo của mình. Ông đã cùng thầy giáo ngồi hàn huyên tâm sự biết bao câu chuyện, những câu chuyện ngày xưa như được tái hiện trước mắt qua lời tâm sự của hai thầy trò. Và có một món quà vô cùng đặc biệt mà thầy giáo dành cho ông, “*Cụ lục tìm trên giá sách, rút ra một tờ giấy đã ngả vàng đưa cho bố*” [4, tr.64]. An-béc-tô rung rung nước mắt khi nhận lại bài chính tả cũ của mình vì sự xúc động khi người thầy vẫn còn nhớ và giữ bài chính tả của mình. Chắc hẳn thầy phải yêu quý ông lắm mới có thể cất giữ kỉ niệm đó lâu đến vậy. Con trai của An-béc-tô cũng đã rất xúc động trước tình cảm của bố và người thầy của ông. Từ đó, câu chuyện cảm động của An-béc-tô với “người thầy đầu tiên” đã trở thành một bài học sâu sắc về tình thầy trò.

Các văn bản *Đọc* trong chủ điểm này không chỉ giúp HS phát triển khả năng ngôn ngữ mà còn nuôi dưỡng trong các em giá trị về tình yêu thương, sự quan tâm, và lòng nhân ái giữa con người với con người. Qua các bài *Đọc*, các em HS có thể thấy rằng tình yêu thương không còn là một khái niệm trừu tượng mà những câu chuyện, những tình huống, những con người cụ thể, từ đó giúp cho bài học không còn khô khan, cứng nhắc mà đầy thú vị và thực tế.

Tình yêu thương không chỉ là sự đồng cảm và thấu hiểu, mà còn bao gồm sự sẻ chia và giúp đỡ nhau. Đó là một sự liên kết tình cảm giữa con người và con người.

1.2.4. Tinh thần tự hào dân tộc

Tinh thần tự hào dân tộc là lòng tự tôn, niềm kiêu hãnh và sự tôn trọng sâu sắc đối với bản sắc văn hóa, lịch sử và các giá trị truyền thống của dân tộc. Đây là một yếu tố quan trọng trong việc duy trì và phát huy những nét đẹp văn hóa của mỗi quốc gia, giúp người dân cảm thấy gắn bó và đoàn kết hơn trong việc xây dựng và bảo vệ tổ quốc.

Tinh thần tự hào dân tộc không chỉ thể hiện qua những hành động lớn mà còn trong những việc làm hàng ngày, từ việc gìn giữ và phát huy các giá trị văn hóa, lịch sử, cho đến việc bảo vệ và phát triển đất nước, xây dựng tương lai. Nó thúc đẩy mọi người tự tin và mạnh mẽ hơn khi đối mặt với thử thách, và là động lực để phát triển đất nước.

Ở Việt Nam, tinh thần tự hào dân tộc là một truyền thống tốt đẹp, được thể hiện qua niềm tự hào về nguồn gốc giống nòi, qua các cuộc đấu tranh bảo vệ tổ quốc, những chiến thắng vang dội trong lịch sử, cũng như qua các phong trào văn hóa, nghệ thuật, thể thao và giáo dục... Tinh thần này cũng được truyền tải qua các bài học lịch sử, các tác phẩm văn học, âm nhạc, và qua những câu chuyện kể về các anh hùng dân tộc, những người đã cống hiến cho sự nghiệp bảo vệ độc lập, tự do của đất nước. Các văn bản *Độc* trong SGK *Tiếng Việt 4* (KNTTVCS) đã góp phần thể hiện và củng cố hơn nữa niềm tự hào dân tộc của người Việt Nam từ đó giúp HS hiểu hơn về truyền thống tốt đẹp này của dân tộc.

Mỗi người Việt đều lớn lên cùng những câu chuyện về cội nguồn. Trong đó, “Sự tích Con Rồng Cháu Tiên” [4, tr.40] đã khắc sâu vào tâm thức bao thế hệ như một biểu tượng thiêng liêng về giống nòi và lòng tự hào dân tộc Việt. Lạc Long Quân và Âu Cơ không chỉ đại diện cho yếu tố thần linh, mà còn cho thiên nhiên của đất nước Việt Nam: núi và biển. Hai người đem lòng yêu nhau rồi trở thành vợ chồng. Ít lâu sau, Âu Cơ sinh ra một cái bọc trăm trứng, “trăm trứng nở ra một trăm người con hồng hào, đẹp đẽ lạ thường” [4, tr.40]. Một hôm, Lạc Long Quân cảm thấy mình không thể sống mãi trên cạn được đành bàn với Âu Cơ dẫn năm mươi con xuống biển, nòng đưa năm mươi con lên núi. Cuộc chia tay giữa Lạc Long Quân và Âu Cơ không có mâu thuẫn, tranh chấp mà là sự thấu hiểu cho nguồn gốc khác nhau.

Sự chia tay này thể hiện sự phân chia địa lí (người vùng biển và người vùng núi) nhưng cũng đồng thời là sự thống nhất trong đa dạng. “*Người con trưởng theo Âu Cơ được tôn làm vua, lấy hiệu là Hùng Vương, đóng đô ở Phong Châu, đặt tên nước là Văn Lang*”. “*Mười mấy đời truyền nối vua đều lấy hiệu là Hùng Vương*” [4, tr.41]. Tuy nhiên dù đi đâu, làm gì, họ vẫn là anh em một nhà, “*thân mật gọi nhau là đồng bào*” và sẵn sàng hợp sức khi đất nước cần. Câu chuyện như khẳng định rằng người Việt có chung một cội nguồn, là con rồng cháu tiên, là anh em ruột thịt. Đồng thời khơi dậy niềm tự hào dân tộc, khuyến khích thế hệ sau phải đoàn kết, yêu thương nhau; biết ơn tổ tiên, giữ gìn truyền thống dân tộc. Nguồn gốc ấy gắn kết dòng máu chảy trong mỗi con người Việt, tạo nên sự đoàn kết giữa các dân tộc trên đất nước Việt Nam. Và mỗi khi nhắc đến người. Bài *Độc* qua đó cũng đã giáo dục cho HS về niềm tự hào về nguồn gốc giống nòi, tự hào về tình đồng bào và sự đoàn kết của dân tộc Việt Nam ta.

Truyền thống hiếu học cũng chính là một truyền thống làm nên sức mạnh của dân tộc Việt Nam. Truyền thống ấy đã hun đúc nên những con người vừa tài vừa tâm để dựng xây nước nhà. Đó cũng chính là một truyền thống mà người Việt ta luôn tự hào qua nghìn năm lịch sử. Từ xa xưa, người Việt luôn coi trọng việc học hành, coi đó là con đường để tiến bộ, phát triển và làm rạng danh gia đình, quê hương. Đó cũng chính là một biểu hiện của tinh thần tự hào dân tộc. Tinh thần hiếu học được thể hiện rất rõ trong văn bản *Độc* “*Gặt chữ trên non*” [3, tr.63] của tác giả Bích Ngọc.

Bình minh vừa tỉnh giấc
Nắng nhuộm hồng núi xanh
Tiếng trống rung vách đá
Giục đôi chân bước nhanh.

Đây là những câu thơ tươi sáng, đầy sức sống, có thể thấy rõ niềm khát khao, động lực mạnh mẽ để vươn lên hoàn cảnh. Tiếng trống không chỉ là một âm thanh mà còn là lời nhắc nhở, thúc giục, khiến con người không thể đứng yên mà phải hành động, phải đi tới, khám phá và tiến về phía trước, mạnh mẽ và vững vàng trên hành trình tìm chữ.

Em đi tìm cái chữ
Vượt suối lại băng rừng
Đường xa chân có mỏi
Chữ vẫn gửi trên lưng.

Những câu thơ thể hiện tinh thần hiếu học, sự quyết tâm, nỗ lực không ngừng nghỉ để đạt được mục tiêu: “*đi tìm cái chữ*” và hành trình để đạt được điều đó phải: “*Vượt suối lại băng rừng*”, “*Đường xa chân có mỏi / Chữ vẫn gửi trên lưng*”. Sự kiên trì, dẫu có mệt mỏi, chông gai, nhưng vẫn tiếp tục hành trình, chữ (biểu tượng của tri thức) luôn đồng hành với HS, là nguồn động lực giúp các em vững bước. Hình ảnh “*gửi trên lưng*” như là một sự gánh vác, vừa thể hiện trách nhiệm, vừa là niềm tự hào khi mang trong mình ước mơ, hoài bão.

Cái chữ rơi xuống nương
Mùa cho bông trĩu hạt
Cái chữ bay lên ngàn
Rừng ríu ran chim hát.

Thành quả của sự khổ luyện thật ngọt ngào. Khi “*cái chữ*” tỏa đến khắp muôn nơi, rồi “*bay lên*”, nó không còn bị gò bó, mà lan tỏa, mang lại niềm vui, sự thay đổi cho cả không gian rộng lớn. Tiếng chim hát, tiếng ríu ran của rừng, là âm thanh của sự tự do, sự phát triển, cũng như sự hài hòa của thiên nhiên với tri thức.

Càng đi chân càng vững
Lớp học ngang lưng đồi
Mắt em như sao sáng
Gặt chữ trên đỉnh trời!

Khổ thơ cuối cùng thể hiện sự kiên cường và quyết tâm vươn tới tri thức, bất chấp mọi khó khăn. Càng khó khăn, càng vững vàng, mạnh mẽ. Bài thơ thể hiện rõ nghị lực đến trường của các bạn nhỏ vùng cao. Trên con đường đến trường ấy, dù có xa xôi, trắc trở, có khó khăn gì đi nữa các bạn cũng vượt qua bởi lẽ có con chữ mới có thể giúp các bạn nhỏ “bay cao”. Bài thơ, qua đó, cũng ẩn ý ca ngợi tinh thần ham học hỏi của dân tộc ta, không ngại khó, ngại khổ, luôn nỗ lực để tiến về phía trước.

Tinh thần tự hào dân tộc còn biểu hiện qua việc tự hào về những nét đẹp văn hóa, truyền thống của dân tộc. Nét đẹp văn hóa ấy được tác giả Hà Phong nhắc đến trong văn bản “Thanh âm của núi” [3, tr.85], cũng là thanh âm của tiếng khèn người Mông. Thanh âm ấy chính là văn hóa, là tâm hồn của người Mông. Tiếng khèn thường được sử dụng trong các dịp lễ hội, lễ cúng, các hoạt động cộng đồng hoặc trong những lúc sinh hoạt đời thường của người Mông. Với người Mông, khèn không chỉ là nhạc cụ mà còn là một phần

quan trọng trong đời sống tinh thần, gắn liền với các nghi lễ, truyền thuyết và những câu chuyện dân gian. Tiếng khèn có khả năng diễn tả cảm xúc, tâm trạng của người chơi, từ sự vui tươi, phấn khởi đến nỗi buồn, cô đơn. Đây là một hình thức giao tiếp đặc biệt giữa con người và thiên nhiên, giữa con người với cộng đồng. Việc bảo tồn và phát huy tiếng khèn không chỉ là bảo vệ một di sản âm nhạc, mà còn là giữ gìn những giá trị văn hóa, truyền thống của dân tộc Mông nói riêng và của cộng đồng các dân tộc thiểu số Việt Nam nói chung. Văn bản *Độc* đã cung cấp những thông tin rất chi tiết và cụ thể về khèn của người Mông, qua đó cũng thể hiện rõ thái độ trân trọng, tự hào về truyền thống văn hóa tốt đẹp ấy của người viết.

Bài thơ “Đi hội Chùa Hương” [4, tr.89] không chỉ là bức tranh sinh động về cảnh sắc mùa xuân và không khí trẩy hội, mà còn thể hiện lòng tự hào sâu sắc của người Việt về vẻ đẹp của vùng đất với văn hóa, cảnh sắc thiên nhiên riêng tươi đẹp và những con người hài hòa, thân thiện. Tác giả mở ra khung cảnh mùa xuân tươi sáng, rộn ràng qua câu thơ “*Nuồm nườm nượp người, xe đi / Mùa xuân về trẩy hội*”. Khung cảnh đông vui, nhộn nhịp thể hiện sức sống mạnh mẽ của đất nước trong những ngày đầu năm mới. Bài thơ đặc biệt ca ngợi vẻ đẹp thơ mộng của non sông gấm vóc qua sự ví von liên tưởng đầy táo bạo: “*Rừng mơ thay áo mới / Xúng xính hoa đón mời*”. Cảnh sắc như có hồn, như chính con người. Tác giả tự hào vì Việt Nam không chỉ có phong cảnh đẹp, mà còn là mảnh đất đậm đà bản sắc văn hóa, với những danh lam thắng cảnh nổi tiếng như: *Động Chùa Tiên, Chùa Hương, núi Hình Bồng*... Những địa danh ấy gợi ra sự linh thiêng, hùng vĩ, đã đi vào thơ ca, vào lòng người, là niềm tự hào của dân tộc. Lòng tự hào dân tộc còn thể hiện trong cảm nhận đầy xúc động của tác giả: “*Đất nước mình thanh lịch / Nên núi rừng cũng thơ*”. Câu thơ một lần nữa khẳng định lại tinh thần tự hào dân tộc, tình yêu quê hương đất nước của nhà thơ, của người con đất Việt. Sức mạnh mà đất nước Việt có được không phải chỉ vì truyền thống văn hóa, vì cảnh sắc thiên nhiên tươi đẹp mà quan trọng hơn cả đó chính là vì đất nước mình giàu tình và trọng tình, đúng như câu thơ cuối đã khẳng định: “*Người đi thăm đất nước / Người về trong yêu thương*”. Qua bài thơ, mỗi người đọc sẽ đều cảm thấy thêm yêu quê hương, và ý thức hơn trong việc giữ gìn, trân trọng những giá trị của dân tộc, tự hào hơn nữa về quê hương, đất nước mình.

Nhắc đến lòng tự hào dân tộc, mỗi người con đất Việt không thể không nhắc đến niềm tự hào về phong cảnh thiên nhiên quê hương mình. Từ Bắc chí

Nam, dải đất hình chữ S được thiên nhiên ưu ái ban tặng cho vô vàn cảnh đẹp tuyệt vời. Một trong số đó chính là Sa Pa - viên ngọc quý nơi núi rừng Tây Bắc từ lâu đã trở thành điểm đến mơ ước của biết bao người yêu thiên nhiên và vẻ đẹp kì vĩ của đất nước. “Đường lên Sa Pa” [4, tr.106] như vẽ ra khung cảnh thiên nhiên đầy sức sống của núi rừng trước mắt người đọc, cảnh vật xung quanh trên đường đi đã để lại ấn tượng trong lòng những người đã đặt chân qua. “*Những đám mây trắng nhỏ sà xuống cửa kính ô tô*” [4, tr.106] như đang nghịch ngợm vuốt ve làn kính trong suốt, tạo nên cảm giác bồng bênh, huyền ảo. Cả không gian chìm trong một màu trắng sữa mờ ảo, khiến người ta có cảm giác như đang đi lạc vào chốn bồng lai tiên cảnh. Mây vờn trên những đỉnh núi xa xa, quán quýt lấy những hàng thông cao vút và lặng lẽ len lỏi qua từng mái nhà gỗ đơn sơ của người dân bản địa. Cảnh vật nơi đây được miêu tả vô cùng đặc sắc và sống động. Những dòng thác trắng xóa, cuộn cuộn đổ xuống như dải lụa mây trời giữa đại ngàn xanh thẳm. Những cánh rừng âm u, rì rào tiếng gió, ẩn hiện trong màn sương mỏng, tạo nên cảm giác kì bí và hoang sơ đến lạ. Giữa không gian ấy, những bông hoa chuối đỏ rực vươn mình kiêu hãnh, bùng lên như ngọn lửa giữa rừng, mang theo hơi thở mãnh liệt của núi rừng Tây Bắc. Tất cả hòa quyện vào nhau, vẽ nên một bức tranh thiên nhiên vừa hùng vĩ, vừa nên thơ khiến chúng tôi không khỏi trầm trồ, say mê. Nắng phổ huyện vàng hoe, trải nhẹ như mật ong lên những mái nhà thấp thoáng giữa lưng đồi. Trước cửa các gian hàng nhỏ, những em bé người Mông, Tu Dí, Phù Lá với quần áo sặc sỡ như những bông hoa rừng rực rỡ, ríu rít chơi đùa, tiếng cười lan xa trong không khí trong veo. Đến chiều, hoàng hôn buông xuống, mang theo hơi lạnh băng lảng của vùng cao. Phiên chợ tan dần, tiếng nói cười nhạt đi, chỉ còn lại dòng người và những chú ngựa thồ lặng lẽ dập dìu chìm khuất trong màn sương tím nhạt của núi rừng. Cả thị trấn như khoác lên mình một tấm áo mờ ảo, đẹp một cách dịu dàng, lặng lẽ mà không thể nào quên. Cảnh vật có sự thay đổi liên tục khi đến tới Sa Pa. “*Thoắt cái, lá vàng rơi trong khoảnh khắc mùa thu*” [4, tr.107] nhẹ tênh mà cũng đầy lưu luyến như một cái thở dài của đất trời. “*Thoắt cái, trắng long lanh một cơn mưa tuyết rắc nhẹ lên những cành đào, lê, mận*” [4, tr.107] đang ngủ yên trong giấc đông. “*Thoắt cái, gió xuân hây hây thổi về, mang theo hương ấm và sắc thắm nồng nàn của những bông hoa lay ơn màu đen nhung hiếm quý*” [4, tr.107] lặng lẽ mà kiêu hãnh giữa núi rừng. Tất cả đến rồi đi như một cái chớp mắt, nhưng mỗi khoảnh khắc đều để lại dấu ấn dịu

dàng trong lòng người. Thiên nhiên cứ thế luân chuyển, lặng lẽ mà kì diệu, khiến ta chỉ muốn lắng lại, để thấy mình nhỏ bé giữa đất trời rộng lớn, và yêu thêm từng phút giây đang sống. Qua bài *Độc* chúng ta thấy rõ chính những cảnh sắc thiên nhiên ấy không chỉ tô điểm cho quê hương thêm phần tươi đẹp mà còn nuôi dưỡng tâm hồn con người Việt Nam, hun đúc tình yêu quê hương đất nước và lòng tự hào dân tộc mãnh liệt qua bao thế hệ.

Mỗi người sinh ra đều có một quê hương để yêu thương và gắn bó. Dù có đi đâu, ở đâu, quê hương vẫn luôn là nơi chốn thiêng trong tim mỗi người. Văn bản đọc “Quê ngoại” [4, tr.109] là câu chuyện kể về Ki-a - một em bé sống ở nước ngoài nhưng luôn tự hào và yêu quý quê ngoại ở làng Chùa (Việt Nam). Quê hương luôn trong trái tim em, dù em sống xa Tổ quốc. Có rất nhiều điều khiến em yêu tha thiết Việt Nam, nhưng có lẽ tình cảm con người nơi đây chính là điều em trân trọng nhất. Trong lần đầu tiên về thăm quê ngoại, Ki-a được sống trong một không gian bình yên: “*Những ngôi nhà nhỏ, cánh đồng lúa rộng lớn*”, “*ao hồ nở đầy hoa sen*” và “*dòng sông Đáy dài vô tận*” [4, tr.109]. Không chỉ cảnh vật, mà con người nơi đây cũng để lại trong em nhiều tình cảm, ai cũng thân thiện, yêu thương Ki-a. Chính vì vậy, sau chuyến đi ấy, Ki-a cảm thấy mình “*thật giàu có*” vì có thêm một quê hương để nhớ, để thương. Dù sống ở nước Mỹ xa xôi nhưng Ki-a vẫn không quên quê nhà. Em vẫn thường kể với bạn bè của mình về Việt Nam - nơi có làng Chùa là quê ngoại của em. Tình cảm ấy thật đáng trân trọng. Qua câu chuyện của Ki-a, tác giả muốn nhắn gửi thông điệp: dù ở đâu, mỗi người con đất Việt vẫn luôn mang trong mình một tình yêu và niềm tự hào về quê hương. Đó là điều thiêng liêng, giúp ta biết trân trọng cội nguồn để cùng hướng về và chung tay xây dựng quê hương, đất nước.

Tinh thần tự hào dân tộc cũng thể hiện qua việc tự hào về những anh hùng của đất nước. Bác Hồ - vị lãnh tụ vĩ đại của dân tộc Việt Nam, là biểu tượng cao đẹp của tinh thần yêu nước, đức hi sinh và tấm lòng bao la với nhân dân. Nhắc đến Bác, mỗi người Việt Nam đều không khỏi xúc động và tự hào; tác giả Tố Hữu cũng thế, nhà thơ đã bày tỏ lòng biết ơn và sự tự hào về người cha già của cả dân tộc ta qua bài “Sáng tháng năm” [4, tr.48].

Vui sao một sáng tháng Năm
Đường về Việt Bắc lên thăm Bác Hồ
Suối dài xanh mướt nương ngô
Bốn phương lòng lộng thủ đô gió ngàn...

Những câu khắc họa không gian thiên nhiên xanh mướt, trong lành của núi rừng Việt Bắc - nơi đã từng là căn cứ địa cách mạng và nơi Bác Hồ sống, làm việc trong những năm kháng chiến. Cảm giác hân hoan, tự hào khi “*lên thăm Bác Hồ*” được thể hiện rất rõ qua hình ảnh thơ vừa bình dị, vừa bay bổng. Không chỉ là niềm vui cá nhân của tác giả mà đồng thời cũng là tình cảm chung của cả dân tộc hướng về Bác. “*Lòng rộng*” và “*gió ngàn*” là hình ảnh giàu chất sử thi thể hiện tầm vóc không gian và tinh thần cách mạng hùng tráng. “*Bốn phương*” còn gợi liên tưởng từ khắp mọi miền đất nước, lòng dân đều hướng về đây - nơi đặt niềm tin, hy vọng. Giữa không gian “sử thi” ấy, Bác Hồ lại thật giản dị, mộc mạc, gần gũi:

Bác kêu con đến bên bàn

Bác ngồi Bác viết, nhà sàn đơn sơ

Vị lãnh tụ cách mạng của dân tộc Việt Nam nhưng lại rất đời thường, thân tình, gần gũi và tình cảm. Giữa núi rừng Việt Bắc nhưng luôn ấm áp bởi tình người, bởi tình “cha” và “con”:

Bàn tay con nắm tay cha

Bàn tay Bác ấm vào da vào lòng.

Bác ngồi đó, lớn menh mông

Trời xanh biển rộng ruộng đồng nước non....

“*Ấm*” ở đây không chỉ là hơi ấm vật lí, mà là tình cảm, sự chở che, truyền lửa cách mạng, truyền tình yêu quê hương, đất nước. Hình ảnh Bác ngồi “*lớn menh mông*” chính là sự vĩ đại về tinh thần, về tầm vóc tư tưởng, về đạo đức. Câu thơ như mở ra một không gian vô tận, “*Trời xanh biển rộng ruộng đồng nước non*” là hình ảnh của Tổ quốc, của thiên nhiên Việt Nam hùng vĩ và nên thơ. Qua đó, Bác hòa vào đất nước, như một phần hồn thiêng sông núi. Bác không chỉ là một con người cụ thể, mà đã trở thành biểu tượng sống của dân tộc. Người không chỉ là lãnh tụ của dân tộc, mà còn là người cha già, là biểu tượng sống cho tinh thần Việt Nam. Sự giản dị, chan hòa của Bác khiến người đọc càng thêm kính yêu, trân trọng và tự hào.

Nước ta từ xưa đến nay có rất nhiều người tài giỏi và có nhiều công lao lớn đối với dân với nước. Dưới thời nhà Trần, Phạm Ngũ Lão là một người có tài. Các em HS có thể hiểu hơn về công đức của Phạm Ngũ Lão qua văn bản “Chàng trai làng Phù Ủng” [4, tr.51]. Bài đọc về Phạm Ngũ Lão thể hiện sâu sắc niềm tự hào về một người anh hùng tài giỏi, xuất thân bình dị nhưng có chí lớn, đã góp phần làm rạng danh đất nước. Phạm Ngũ Lão, dù là con nhà

nông dân nghèo, vẫn say mê binh thư, không ngừng học hỏi: “*Từ nhỏ, ông đã nổi tiếng thông minh, văn võ song toàn, chí khí khác thường*” [4, tr.51]. Hình ảnh ông mãi mê suy nghĩ đến mức bị giáo đâm vào đùi mà không hay biết cho thấy ý chí học tập và quyết tâm vì việc nước, làm cho người đọc cảm phục và ngưỡng mộ. Đặc biệt, bài *Độc* càng làm nổi bật lòng tự hào khi kể về những chiến công lừng lẫy của ông. Phạm Ngũ Lão đã hai lần chỉ huy đánh tan giặc Nguyên, góp phần giữ vững giang sơn. Uy danh của ông khiến kẻ thù phải kính nể, gọi là “*viên hổ tướng họ Phạm*” [4, tr.52] cho thấy vị thế của tướng lĩnh Việt Nam trên trường trận mạc thời bấy giờ. Phạm Ngũ Lão trở thành biểu tượng cho sức mạnh, ý chí và tài trí của dân tộc Việt Nam, là niềm tự hào không chỉ của riêng thời Trần mà còn của mọi thế hệ người Việt sau này. Qua bài *Độc*, lòng tự hào dân tộc được thể hiện rõ nét qua hình ảnh một người anh hùng dân tộc kiên cường, thông minh và luôn đặt lợi ích đất nước lên trên hết.

Tinh thần tự hào dân tộc của người dân ta còn được thể hiện qua việc đấu tranh kiên cường để bảo vệ từng thước đất của tổ quốc. Bài thơ “*Cảm xúc Trường Sa*” [4, tr.44] chính là tình yêu tha thiết với Trường Sa và sự thấu hiểu trước những gian nguy mà người lính nhà giàn phải đương đầu, đồng thời thể hiện sự tự hào về những người lính nơi biển đảo.

Em đã nhớ Trường Sa
Cả khi mình chưa đến
Giữa sóng, cát không bờ
Gặp màu hoa muống biển.

Câu thơ “*Em đã nhớ Trường Sa / Cả khi mình chưa đến*” gợi lên một cảm giác yêu thương sâu sắc, như đã có sự kết nối vô hình, một sự gần gũi dù chưa trực tiếp trải nghiệm. Cái nhớ ấy là tình cảm tự nhiên, xuất phát từ lòng yêu nước, từ sự tự hào khi nghĩ về Trường Sa - một phần máu thịt của Việt Nam. Nơi Trường Sa xa xôi, “*Giữa sóng, cát không bờ*” vẫn có những khoảnh khắc bình dị, thanh bình: “*Gặp màu hoa muống biển*” - biểu tượng cho sự sống và niềm hi vọng giữa nắng gió của cát đảo.

Những Đá Thị, Len Đảo
Song Tử Tây sóng vỗ
Những Sơn Ca, Sinh Tồn
Hoa bàng vuông đơm nở.

“*Đá Thị, Len Đảo, Song Tử Tây, Sơn Ca, Sinh Tồn*”... là những tên đảo, những vùng đất xa xôi giữa biển cả, nơi sóng vỗ ngày đêm, nhắc nhở về

sự tồn tại kiên cường của những hòn đảo này trong lòng đại dương bao la. “*Sóng vỗ*” là hình ảnh rất đặc trưng của biển cả, vừa mạnh mẽ vừa nhịp nhàng, gợi lên sự trường tồn của những vùng đất này. Nơi đây sự sống vẫn mãnh liệt, kiên cường, dù trong điều kiện khắc nghiệt.

Những nhà giàn giữ đảo
Neo cả nhịp tim người
Muốn gửi vào muôn gió
Xin từng ngày sóng nguôi.

Đến đây, người đọc hiểu được rằng, Trường Sa kiên trinh trước sóng gió, bão tố bởi có những “*nhịp tim người*”, có những nhà giàn giữ đảo. Đó cũng chính là biểu tượng của sự bảo vệ, là nơi gắn liền với nhịp đập trái tim của những người lính, nơi họ sống, làm việc và cống hiến cho tổ quốc. Họ là những “*người giữ đảo*” giữ vững chủ quyền và bảo vệ đất nước từ những vùng biển xa xôi. Họ khao khát sự bình yên cho đảo, cho đất nước:

Bão giăng giăng mặt biển
Đảo oằn mình khát mưa
Đoá san hô kiêu hãnh
Vẫn nở hoa bốn mùa.

Những câu thơ thật đẹp về Trường Sa. Dù trong điều kiện khó khăn thế nào chăng nữa thì “*đoá san hô*” vẫn kiêu hãnh, thể hiện sức sống mãnh liệt và sự vươn lên bền bỉ “*nở hoa bốn mùa*” đầy bất khuất và kiên trinh. Người lính dù phải đối mặt với những khó khăn, vất vả trong môi trường khắc nghiệt của đảo xa thì nụ cười của họ chưa hề tắt bởi họ có niềm tin, và tinh thần dân tộc. Dù trong hoàn cảnh khó khăn, họ vẫn giữ được tinh thần sáng ngời, làm gương. Và với họ hay với mỗi người Việt Nam: “*Mỗi hạt cát Trường Sa / Đã trở thành máu thịt*”.

Bài thơ “Ngựa biên phòng” [4, tr.67] của tác giả Phan Thị Thanh Nhàn nói về công việc của chú bộ đội và chú ngựa lính của mình đồng thời ngợi ca vẻ đẹp của những người lính biên phòng - những người âm thầm canh giữ đất trời Tổ quốc giữa núi rừng biên giới xa xôi. Qua đó, bài thơ khơi dậy trong lòng người đọc niềm tự hào về những con người dũng cảm, kiên cường đang ngày đêm bảo vệ biên cương đất nước. Hình ảnh chú bộ đội cưỡi ngựa giữa rừng sâu, sương mù, rét buốt, vẫn “*Rạp mình trên lưng ngựa*”, vẫn “*đuổi theo quân thù*” cho thấy ý chí kiên cường và tinh thần chiến đấu không quản ngại gian khổ. Đó là hình ảnh rất đẹp, thể hiện tình yêu nước và lòng dũng

cảm của họ. Những câu thơ “*Mặc sớm rừng mù sương / Mặc đêm đông giá buốt*” làm nổi bật tinh thần hi sinh, vượt qua mọi thử thách vì bình yên của Tổ quốc. Bên cạnh đó, sự gắn bó giữa chú bộ đội và những chú ngựa lính thể hiện qua hành động “*tay vỗ về lưng ngựa*” cũng chính là biểu tượng cho tình cảm ấm áp giữa nơi rừng thiêng nước độc, khiến cho hình ảnh người lính càng trở nên gần gũi, thân tình. Đặc biệt, ở khổ thơ cuối, hình ảnh các em nhỏ “*Phơi thật nhiều cỏ thơm / Để mùa đông đem tặng*” cho ngựa biên phòng cho thấy tình cảm của người dân, đặc biệt là thế hệ trẻ đối với chú bộ đội nơi biên giới. Đó cũng là sự thể hiện lòng biết ơn và niềm tự hào về những người đã và đang bảo vệ từng tấc đất thiêng liêng của Tổ quốc. Bài thơ “Ngựa biên phòng” khơi gợi niềm tự hào dân tộc bằng cách khắc họa chân thực và xúc động hình ảnh người lính biên phòng - những con người bình dị nhưng trách nhiệm với đất nước lại vô cùng lớn lao. Qua đó, người đọc, đặc biệt là các em nhỏ, càng thêm trân trọng, yêu thương và tự hào về những người đang âm thầm giữ gìn biên cương đất nước.

Tình yêu quê hương đất nước như chảy trong nhịp đập của trái tim những người con Việt Nam. Và “*Những cánh buồm*” [4, tr.98] như một biểu tượng lớn lao cho tinh thần dân tộc ấy. Qua bài *Đọc*, tác giả đã thể hiện rõ tinh thần tự hào về người dân quê hương. Dù nắng hay mưa, dù dông bão hay gió lộng, họ vẫn vững tay chèo, vẫn cho thuyền căng buồm ra khơi: “*Gặp khi dông bão, dòng sông cuộn cuộn nổi sóng, những con thuyền phải ghé vào bến. Buồm được hạ xuống. Những cánh buồm cuộn tròn nằm trên mũi thuyền*” [4, tr.99]. Họ không quản khó khăn, không ngại gian khổ, vượt qua bao thử thách của thiên nhiên. Chính sự gan góc, chịu thương chịu khó ấy đã làm nên vẻ đẹp thâm lặng của con người vùng sông nước - những người “*đẩy thuyền đi đến chôn, về đến nơi, mọi ngã mọi miền*”. Tác giả như vẽ nên bức tranh về một vùng quê yên bình, nơi có con sông lớn hiền hòa chảy qua sau làng, nơi những cánh buồm ngày ngày xuôi ngược giữa dòng nước mênh mang. Hình ảnh cánh buồm hiện lên không chỉ là một phần của thiên nhiên mà còn là biểu tượng của con người cần cù, thủy chung và đầy nghị lực. Cách viết miêu tả màu sắc nhà văn đã đặc biệt gây ấn tượng với người đọc: “*những cánh buồm nâu như áo mẹ*” [4, tr.98], “*trắng như áo chị*”, “*xám bạc như màu áo bố*” [4, tr.99]. Đó không chỉ là những cánh buồm vô tri mà như mang hơi thở của gia đình, gợi nhớ đến bàn tay tảo tần, lam lũ của những người thân yêu. Những cánh buồm ấy dù phải đối mặt với dông bão, vẫn gắn bó bền

bỉ với con người qua năm tháng. Dù cuộc sống ngày nay có thay đổi, dù người ta đã có những con tàu to lớn, nhưng hình ảnh cánh buồm vẫn sống mãi trong tâm trí như một phần không thể thiếu của quê hương. Thông qua bài *Độc* tác giả thâm khâm phục, biết ơn và tự hào về những người lao động ấy. Họ chính là linh hồn của quê hương, là minh chứng cho sức mạnh, ý chí và phẩm chất tốt đẹp của con người Việt Nam. Hình ảnh cánh buồm gắn với họ giản dị mà cao quý, sẽ mãi là niềm tự hào trong trái tim.

Những bài *Độc* thể hiện sự tự hào dân tộc không chỉ mang lại tri thức, mà còn bồi đắp trong mỗi người tình yêu quê hương, niềm kính trọng đối với cội nguồn và những giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam. Qua từng câu chữ, chúng ta hiểu hơn về lịch sử, về con người Việt Nam kiên cường, bất khuất, giàu lòng nhân ái và nghĩa tình. Đó cũng là cách để thế hệ trẻ như chúng ta nuôi dưỡng ý thức trách nhiệm, khát vọng cống hiến và giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc trong thời đại mới. Những bài học ấy âm thầm khơi dậy niềm tự hào và giúp ta thêm vững tin, thêm yêu đất nước mình hơn bao giờ hết.

1.2.5. Ước mơ và khát vọng

Tác giả Phạm Lữ Ân đã viết *“Đừng để ai đó đánh cắp ước mơ của bạn. Hãy tìm ra ước mơ cháy bỏng nhất của mình, nó đang nằm trong nơi sâu thẳm trong tim bạn đó, như một ngọn núi lửa đợi chờ được đánh thức”*. Cuộc sống của mỗi người thật vô nghĩa và đơn điệu nếu như không có ước mơ, không nỗ lực để theo đuổi ước mơ ấy.

Ước mơ là những hoài bão hoặc mong muốn mà con người hi vọng đạt được trong tương lai. Nó có thể là mục tiêu lớn lao hoặc những điều giản dị, có thể liên quan đến công việc, tình yêu, sự nghiệp, hay những trải nghiệm cá nhân. Ước mơ phản ánh những gì con người mong muốn thay đổi, cải thiện hoặc đạt được trong cuộc sống.

Khát vọng là một mong muốn mãnh liệt, một khát khao sâu sắc hướng đến một mục tiêu, lí tưởng hoặc điều gì đó lớn lao mà con người mong muốn đạt được trong cuộc sống. Khát vọng thường đi kèm với sự quyết tâm và nỗ lực mạnh mẽ để vượt qua khó khăn, thử thách nhằm thực hiện những mục tiêu của mình.

Ước mơ và khát vọng đóng vai trò quan trọng trong việc định hướng cuộc sống của con người. Nó giúp mỗi cá nhân có mục tiêu để phấn đấu, có động lực để vượt qua khó khăn. Bên cạnh đó ước mơ và khát vọng còn góp

phần định hướng mục tiêu, tạo động lực để vượt khó và giúp các em HS phát triển toàn diện về nhân cách và kỹ năng. Mặc dù đôi khi ước mơ có thể là một điều gì đó không thực tế hoặc không thể đạt được, nhưng chính quá trình theo đuổi nó lại mang lại cho con người những giá trị quý báu. Trong văn học, ước mơ và khát vọng được khai thác sâu sắc qua nhiều tác phẩm để phản ánh những khát khao, những mong muốn và nỗ lực của con người trong việc vươn tới một tương lai tốt đẹp hơn. Qua đó thể hiện sự quyết tâm mãnh liệt và nỗ lực vượt qua mọi rào cản, thách thức trong cuộc sống.

Khát vọng được sống tự do, khám phá những điều mới mẻ được ẩn dụ qua khao khát muốn khám phá “Chân trời cuối phố” [3, tr.59] của chú cún nhỏ. Đó là tiếng gọi tự nhiên của sự sống, mong muốn được vươn ra ngoài giới hạn, được trải nghiệm, học hỏi và được sống đúng với bản năng hồn nhiên nhất. Chú cún nhỏ cũng luôn mong muốn khám cuộc sống xung quanh, vượt qua cái cổng kia để đến với chân trời rộng mở cuối con phố nhỏ, chú mong được khám phá những gì nằm bên kia cánh cổng hàng ngày vẫn đóng kín. Giây phút chú chạy ra khỏi sân nhà, con đường khô ráo trải dài dưới chân, và bầu trời mở rộng trước mắt, chính là lúc khát vọng tự do được thắp sáng. Cái cách mà cún dừng lại giữa con dốc, nhìn thấy bên sông, ngôi làng, và những chân trời xa xa, khiến người đọc không khỏi liên tưởng đến những đứa trẻ lớn lên trong một thế giới chật hẹp, từng khát khao được bay xa, được hiểu thế giới rộng lớn ngoài kia. Câu kết của tác phẩm “*Cuối con phố của cún là những chân trời mở ra vô tận*”, “*Những chân trời đang chờ cún lớn lên từng ngày*” [3, tr.60] vừa dễ thương, vừa gợi suy ngẫm sâu sắc. Nó không chỉ là câu chuyện về một chú chó con nữa, mà chính là lời nhắn nhủ nhẹ nhàng gửi đến tất cả mọi người: Hãy mơ ước, hãy khám phá, hãy bước ra khỏi “cánh cổng nhỏ” của mình vì phía trước luôn là cả một bầu trời đang đón chờ.

Tuổi thơ ai cũng từng có một ước mơ về nghề nghiệp - có bạn muốn làm bác sĩ để chữa bệnh cho người nghèo, có bạn muốn làm cô giáo để dạy chữ cho trẻ em vùng cao, lại có bạn mong trở thành phi hành gia bay lên trời xanh khám phá vũ trụ. Những ước mơ ấy đôi khi bắt đầu chỉ từ một bức tranh vẽ, một câu chuyện cổ tích hay một lần được thấy một người mặc chiếc áo blouse trắng. Trẻ thơ mơ ước với tất cả sự hồn nhiên và tin tưởng - bởi trong thế giới của các em, không gì là không thể. Dù mai sau có ai giữ được giấc mơ ấy đến cùng hay không, thì ước mơ về nghề nghiệp vẫn luôn là ngọn lửa đầu tiên thắp sáng tương lai. Cách mà các bạn nhỏ kể với nhau về ước mơ

nghề nghiệp rất chân thật, hồn nhiên, đáng yêu trong bài *Độc* “Bay cùng ước mơ” [3, tr.109]. Mỗi ước mơ sẽ là một mục đích sống, một cá tính và tính cách rất đặc trưng của mỗi người. Có bạn mơ trở thành cô giáo, vì nghề ấy gần gũi và ấm áp; có bạn mơ làm chú bộ đội để có thể đọc thư HS gửi cho - một lý do hài hước và rất đáng yêu. Mơ làm y tá để chăm sóc cho ông, mơ làm tài xế để có chiếc xe thật oách hay mơ thành phi công để được nhảy dù cực mát... Những ước mơ của các bạn nhỏ rất ngộ nghĩnh, đa dạng và đầy màu sắc. Dù mỗi bạn mơ một nghề khác nhau, nhưng tất cả đều mang trong mình sự trong sáng, chân thật và rất đáng yêu của tuổi thơ. Điều đáng quý là các bạn mơ ước không chỉ vì nghề đó “hay” hay “giỏi”, mà còn bởi những lý do rất riêng, rất đời thường. Tuy lý do có thể ngây ngô, đơn giản, nhưng những ước mơ ấy lại là hạt mầm của niềm tin, của sự hình dung về tương lai, là điều giúp trẻ em rèn luyện ý chí, sự kiên trì, và học cách sống có mục tiêu. Mỗi ước mơ đều đáng trân trọng vì chúng là bước đệm cho những khát khao lớn lao trong tương lai, là một phần của hành trình trưởng thành. Và biết đâu, những bạn nhỏ trong lớp em sẽ thực sự trở thành cô giáo Tuyết, chú bộ đội Văn, y tá Diệp, tài xế Lê hay phi công Thành trong một ngày không xa, khi các em dám theo đuổi những ước mơ ấy. Qua bài *Độc* tác giả muốn nhấn mạnh rằng ước mơ của trẻ em tuy có thể thay đổi theo thời gian nhưng nếu chúng ta giữ vững được ước mơ và biến chúng thành hiện thực thì chúng ta cần phải kiên trì, nỗ lực không ngừng và vượt qua mọi khó khăn thử thách. Giữ vững ước mơ cho tương lai không phải là điều dễ dàng, nhưng đó chính là chìa khóa để chúng ta vươn tới thành công.

Ước mơ của trẻ em là những hạt giống của tương lai, mỗi đứa trẻ đều mang trong mình một giấc mơ lớn và chúng tin rằng mọi điều đều có thể thực hiện được. Tác giả Trương Huỳnh Như Trân đã có liên tưởng thú vị rằng ước mơ của trẻ con cần được ươm mầm, nuôi dưỡng như cây cối trong một khu vườn qua bài *Độc*: “Nếu em có một khu vườn” [3, tr.118]. Khu vườn ấy là khu vườn của trí tưởng tượng và sự mộng mơ - nơi mọi thứ đều có thể biến thành phép màu. Ở đó, em sẽ trồng đủ mọi loại cây: cây mít, cây me, cây anh đào, trồng hoa giấy, hoa nhài, hoa hồng và cả những chùm hoa đại... Để rồi, em được hòa mình với thiên nhiên tươi đẹp: *“hái lá mít làm một bầy trâu chia cho các bạn. Mỗi chiều, chiếc lá mít sẽ thành chong chóng, em chạy ù ù để gió thổi lồng lộng cho chong chóng xoay tít. Em sẽ khâu những chiếc lá vàng, lá đỏ thành vòng lá, đội lên đầu, hoá thành công chúa”, “mỗi xế trưa ngủ*

dậy, hai chị em dẫn nhau ra ngồi chơi. Lá me non mẹ nấu canh cá nục, vị chua thơm ăn quanh năm không ngán”, “hoa sẽ nở rộ mỗi độ xuân về. Những chùm hoa phơn phớt hồng, phơn phớt tím, thoang thoang hương, hoà lẫn với mùi rơm rạ trong buổi sáng ẩm sương”, “từng đàn bướm vàng, bướm trắng... sẽ cứ thế rủ nhau bay về” [3, tr.118]. Ước mơ cứ thế “lớn lên”, cứ thế nuôi dưỡng tâm hồn con người và làm cho cuộc sống của con người trở nên thi vị hơn, nhẹ nhàng hơn. Vậy nên, đến cuối cùng bạn nhỏ vẫn khẳng định: “Và ngày nào em cũng không thôi mơ ước...”.

Trẻ em luôn là những “nghệ sĩ mộng mơ”, ước mơ của trẻ là thuần túy, tự do, không bị “chỉnh sửa” bởi thế giới người lớn. Trong bài “Bốn mùa ước mơ” [3, tr.122] tác giả Nguyễn Lãm Thắng đã thay lời của các bạn nhỏ nói lên ước mơ của mình. Không phải chỉ có một mà là nhiều ước mơ: em mơ mình là cánh én, em mơ mình là cơn gió, em mơ là vàng trắng tỏ, em mơ mình là ngọn lửa, mơ về con đường xa, mơ về phía chân trời bao la... Có ước mơ rất bay bổng, nhưng lại có những ước mơ rất thực tế. Nhưng ước mơ nào cũng đều rất đáng yêu, hồn nhiên, trong trẻo. Và chính những ước mơ ấy sẽ lớn lên cùng trẻ thơ, nuôi dưỡng và chấp cánh cho tâm hồn của các em trong cuộc sống sau này.

Trẻ em tuy hồn nhiên, ngây thơ nhưng cũng có lúc rất người lớn, rất trí tuệ. Như những đứa trẻ trong bài *Độc* “Nếu chúng mình có phép lạ” [3, tr.132] khi nói lên mong ước của mình.

Nếu chúng mình có phép lạ
Bắt hạt giống nảy mầm nhanh
Chớp mắt thành cây đầy quả
Tha hồ hái chén ngọt lành.

Những ước mơ như bước ra từ những câu chuyện cổ tích mà lại rất thực tế: hạt giống nảy mầm nhanh, tha hồ hái chén ngọt lành. Không chỉ là ước mơ được hưởng thụ, các em còn mong muốn được trải nghiệm và khám phá:

Nếu chúng mình có phép lạ
Ngủ dậy thành người lớn ngay
Đứa thì lặn xuống đáy biển
Đứa thì ngồi lái máy bay.

Các em ước mình lớn thật nhanh, được lặn xuống đáy biển, được ngồi lái máy bay... Đó thực sự là những điều ước rất táo bạo nhưng cũng đồng thời

thể hiện ý thức muốn làm chủ bản thân, làm chủ cuộc sống xung quanh, làm chủ tương lai của các em.

Nếu chúng mình có phép lạ
Hái triệu vì sao xuống cùng
Đúc thành ông Mặt Trời mới
Mãi mãi không còn mùa đông.

Cũng có lúc ước mơ rất lãng mạn: Hái sao, đúc ông mặt trời, xóa tan mùa đông... Mùa đông thường gắn với cái lạnh, sự u buồn, khắc nghiệt, cô đơn. *“Mãi mãi không còn mùa đông”* vì thế mang ước vọng được xóa bỏ những nỗi buồn giá của cuộc đời. *“Mãi mãi”* là một từ đầy quyết liệt, khẳng định mong muốn vĩnh cửu: không chỉ một khoảnh khắc ấm áp, mà là sự ấm áp trường tồn.

Nếu chúng mình có phép lạ
Hóa trái bom thành trái ngon
Trong ruột không còn thuốc nổ
Chỉ toàn kẹo với bi tròn.

“Nếu chúng mình có phép lạ” đã trở thành một điệp khúc xuyên suốt bài thơ. *“Trái bom”* tượng trưng cho chiến tranh, hủy diệt, mất mát, chết chóc còn *“Trái ngon”* lại biểu tượng cho sự sống, của nuôi dưỡng, của niềm vui giản dị và yên bình. Việc biến *“trái bom”* thành *“trái ngon”* là một cú đảo chiều táo bạo và đầy tính nhân đạo. Nó không chỉ là một hình ảnh đẹp mà còn là một ước mơ lớn; hô biến đau thương thành hạnh phúc, hủy diệt thành nuôi dưỡng, chiến tranh thành hòa bình. *“Trong ruột không còn thuốc nổ”* đã nói thẳng mà không hề né tránh, *“thuốc nổ”* là sự sống chết, là chiến tranh, là sát thương - biểu tượng của cái ác và sự mất mát. Việc *“không còn thuốc nổ”* là một cách nói như thở phào; giờ đây nó đã không còn nguy hiểm, không còn đáng sợ - một giấc mơ hòa bình thật cụ thể. Tác giả đã thể hiện ước mơ của mọi trẻ em qua câu *“Chỉ toàn kẹo với bi tròn”*. *“Kẹo”* là món quà ngọt ngào, *“bi”* lại là món đồ chơi yêu thích của trẻ em; ghép lại hình ảnh của một trái bom chứa kẹo và bi như một trò đùa đáng yêu của thế giới mộng mơ, nhưng sâu trong đó là lời nguyện cầu dịu dàng cho một thế giới an toàn, nơi những gì từng là vũ khí nay trở thành món quà.

Ước mơ về những điều thú vị cho thấy sức mạnh của sự sáng tạo, khám phá và trải nghiệm trong cuộc sống. Dù là những ước mơ lớn lao hay những ước mơ giản dị, chúng đều có thể trở thành động lực để mỗi người tiến bước,

học hỏi và trưởng thành. Ước mơ thú vị không chỉ mang lại niềm vui trong quá trình theo đuổi mà còn giúp con người ta sống một cuộc sống đầy ý nghĩa và thú vị. Bài đọc về Xi-ôn-cốp-xki trong bài “Người tìm đường lên các vì sao” [3, tr.105] là một câu chuyện truyền cảm hứng về sự kiên trì, quyết tâm và khát vọng không ngừng nghỉ của một con người trong việc theo đuổi ước mơ và vượt qua khó khăn để đạt được mục tiêu. Đây là một câu chuyện về niềm tin vào khoa học và khám phá không gian, mang lại cho người đọc bài học sâu sắc về sự tận tâm với đam mê. Ngay từ nhỏ, Xi-ôn-cốp-xki đã ấp ủ một ước mơ lớn lao - bay lên bầu trời. Dù có sự ngăn cản trong hành động nhảy qua cửa sổ để bay theo những cánh chim, nhưng điều này phản ánh một khát khao mãnh liệt và một trí tưởng tượng phong phú của tuổi thơ. Mặc dù bị ngã gãy chân vì hành động dại dột, Xi-ôn-cốp-xki không từ bỏ. Thay vào đó, Xi-ôn-cốp-xki chuyển từ việc mơ mộng sang hành động thực tế. Xi-ôn-cốp-xki bắt đầu tìm hiểu khoa học về không gian và khí cầu, đọc sách, làm thí nghiệm, và cố gắng để hiểu ra bí mật của sự bay. Điều này thể hiện sự kiên trì, quyết tâm và sự sáng tạo trong việc tìm ra giải pháp. Việc Xi-ôn-cốp-xki tiết kiệm tiền bạc để mua sách và dụng cụ thí nghiệm, dù rất khó khăn, cho thấy một tinh thần lao động miệt mài và đam mê khoa học vô tận. Dù không được sa hoàng ủng hộ, Xi-ôn-cốp-xki vẫn không bỏ cuộc, cho thấy rằng sự thất bại và sự không tin tưởng từ người khác không thể làm ông chùn bước. Sau hàng chục năm nghiên cứu và thử nghiệm, Xi-ôn-cốp-xki cuối cùng đã thiết kế thành công tên lửa - phương tiện có thể bay lên các vì sao, hiện thực hóa ước mơ của mình. Đây là kết quả của một hành trình dài, không chỉ về nỗ lực sáng tạo, mà còn là sự kiên trì và niềm tin vững chắc vào những điều mình theo đuổi. Câu nói của Xi-ôn-cốp-xki: “*Các vì sao không phải để tôn thờ mà để chinh phục*” [3, tr.106] trở thành một thông điệp lớn về khát vọng chinh phục tri thức, khoa học và không gian. Nó không chỉ thể hiện một ước mơ cá nhân, mà còn khích lệ mỗi người trong chúng ta dám mơ lớn và kiên trì đi tới cuối cùng, bất chấp mọi khó khăn.

Ước mơ của trẻ em không chỉ ngây thơ, trong sáng - mà còn mãnh liệt một cách rất riêng: không sợ thất bại, không bị giới hạn bởi thực tế. Bài Đọc “Con trai người làm vườn” [3, tr.114] kể về hành trình thực hiện ước mơ của con trai người làm vườn. Dù bị cha ngăn cản, cậu vẫn kiên trì thực hiện ước mơ trở thành thuyền trưởng. Cha luôn mong con nối nghiệp, tiếp tục nghề cha đã làm cả đời vì người cha không tin vào ước mơ của con, chỉ muốn con đi

theo con đường mình chọn sẵn. Với cha, đó là niềm tự hào, là tâm huyết, là cả một quãng đời vất vả mà cha tin rằng con nên tiếp tục. Để thực hiện được mong muốn đó “*ngày nào ông cũng đưa cậu ra vườn để giảng giải về các loại cây*” [3, tr.114] trong mắt cha, an toàn và ổn định quan trọng hơn những đam mê mong manh. Dù hiểu và trân trọng mong muốn của cha nhưng trong trái tim người con đang có một ngọn lửa khác đang âm ỉ cháy. Đó là đam mê, là ước mơ mà người con đã ôm ấp từ thuở bé: “*Cậu tìm báo, tạp chí giới thiệu về các loại tàu thuyền. Cậu cắt hình những con tàu dán lên đầu giường để hằng ngày mở mắt là nhìn thấy chúng*” [3, tr.114] những việc làm nhỏ tưởng chừng chỉ là thú vui, sở thích nhất thời nhưng lại chứa đựng cả bầu trời ước mơ về tương lai phía trước của bạn nhỏ. Khi lớn anh tạm biệt cha, lên đường theo đuổi ước mơ làm thủy thủ, được sống giữa biển cả bao la, được tôi luyện qua sóng gió và thử thách thực sự. Khoảnh khắc anh đối mặt với bão tố và hải tặc, trong tình huống sinh tử ấy, anh vẫn giữ được sự bình tĩnh, bản lĩnh, chỉ huy mọi người vượt qua nguy hiểm. Chính trong nghịch cảnh, phẩm chất thật sự của con người mới được bộc lộ rõ ràng nhất và anh đã chứng minh bằng hành động rằng ước mơ của mình là đúng đắn, là xứng đáng để theo đuổi. Nhiều năm sau, anh trở thành một thuyền trưởng thực thụ không chỉ có chức danh, mà còn là người mang theo sức sống, sự tự tin, sự trưởng thành. Giây phút trở về, cái ôm của người cha, lời xin lỗi ghen ngào: “*Cha đã sai rồi*” [3, tr.115] là đỉnh cao xúc động của câu chuyện. Đó không chỉ là sự công nhận của cha, mà còn là sự thắng lợi của niềm tin, lòng kiên trì và đam mê cháy bỏng. Qua bài *Độc* tác giả muốn nhắn gửi đến các bạn nhỏ hãy luôn dũng cảm đi theo ước mơ của mình. Có thể cha mẹ chưa hiểu, có thể thế giới nghi ngờ nhưng chỉ cần bạn đủ kiên trì, bạn sẽ hiện thực hóa được ước mơ thành hiện thực.

Anh Ba, hay chính là Bác Hồ, có lẽ là cái tên không còn xa lạ gì đối với người Việt Nam chúng ta. Ước mơ và khát vọng của anh Ba là biểu tượng của một lý tưởng sống cao đẹp và mẫu mực. Trong bài “Anh Ba” [3, tr.135], tác giả Trần Dân Tiên đã thể hiện được tinh thần yêu nước, ước mơ và khát vọng của một thanh niên yêu nước. Đó là ước mơ vì dân tộc, khát vọng vì tự do và hạnh phúc của nhân dân. Từ một người thanh niên với hai bàn tay trắng, Bác Hồ đã ra đi tìm đường cứu nước, trở thành lãnh tụ vĩ đại của dân tộc Việt Nam. Từ những điều tưởng như nhỏ bé như xem đèn điện, chiếu bóng, máy nước - những phát minh hiện đại lúc bấy giờ, anh Ba đã nảy sinh một suy

nghĩ lớn lao đó là “*đi xem nước Pháp và các nước khác*”, “*để trở về giúp đồng bào*” [3, tr.135]. Đây là điểm đáng khâm phục bởi từ những điều nhỏ nhoi, Bác đã nhìn ra tầm vóc lớn. Không phải để sống sung sướng nơi văn minh, mà là để học hỏi, để trở về, để giúp nhân dân. Một lý tưởng cao cả đã được hình thành từ ánh mắt quan sát đời sống thường nhật, từ nỗi đau trước cảnh đất nước còn lạc hậu, nghèo đói. Câu nói “*Chúng ta sẽ làm việc, làm bất cứ việc gì để sống và để đi*” [3, tr.136] thể hiện tinh thần quyết tâm cao độ, không ngại khó, không ngại khổ. Đây là lời khẳng định chắc nịch cho thấy ý chí thép và niềm tin mãnh liệt vào con đường mà Bác đã chọn. Dù bạn đồng hành không đủ dũng cảm để bước tiếp, anh Ba vẫn một mình lên đường. Hành động ấy không chỉ là dấn thân mà còn là sự hi sinh cá nhân vì nghĩa lớn, là khởi đầu cho hành trình vĩ đại đi tìm đường cứu nước, đặt nền móng cho cuộc cách mạng giải phóng dân tộc sau này. Người con đất Việt đã hiến dâng trọn đời mình cho Tổ quốc và nhân dân. Tác giả nhấn mạnh ước mơ và khát vọng của nhân vật anh Ba - chính là Bác Hồ thời trẻ, một tinh thần yêu nước mãnh liệt, và một ý chí phi thường vượt lên mọi khó khăn, thử thách.

Xung quanh chúng ta có rất nhiều những bạn bạn nhỏ không có nhà để ở, phải sống một cuộc sống đáng thương vô cùng. Ngay từ nhỏ đã phải chịu bao nhiêu thiệt thòi, khổ cực, không được đầy đủ so với các bạn cùng lứa tuổi. Trời mưa bão, không có chỗ trú mưa, trời nắng cũng không có chỗ tránh nắng. Ngày không ngủ ngon, đêm không thể yên giấc. Trong bài *Độc “Ngôi nhà của yêu thương”* [4, tr.117] bạn nhỏ đọc được bài báo viết về một bạn không có nhà và thông cảm với hoàn cảnh của bạn nhỏ nên đã viết thư gửi bạn không có nhà để ở. Nội dung chính của bức thư là gửi lời hỏi thăm, an ủi của bạn nhỏ về hoàn cảnh của các bạn nhỏ không có nhà để ở, thể hiện sự đồng cảm, cảm thương với bạn nhỏ không có nhà và nêu lên ước mơ để các bạn có một mái nhà để các bạn có thể chung sống. “*Bạn ơi, thế bạn ăn cơm ở đâu? Trời mưa, bạn làm thế nào để khỏi ướt? Những đêm rét như đêm qua, bạn nằm ở đâu mà ngủ?*” [4, tr.117], những câu hỏi liên tục như đang thể hiện sự lo lắng, bất an mà người gửi thư muốn nhấn nhủ. Những câu hỏi tuy giản dị, nhỏ bé nhưng cũng đủ làm ấm lên một phần góc nhỏ trong trái tim phải chịu nhiều tổn thương. Bạn nhỏ trong bức thư nung nấu một ước mơ vô cùng đẹp về một thế giới tràn ngập tình yêu thương. “*nếu tôi và bạn mà là người lớn, chúng mình sẽ vứt tất cả đạn, bom, súng... xuống biển. À không, vứt hẳn ra ngoài Trái Đất cơ. Biển để nuôi cá, nước phải sạch. Chúng mình*

sẽ cùng xây dựng những ngôi nhà rất to, triệu triệu gian, để cho tất cả các bạn trên thế giới sống chung.” [4, tr.117], những dòng viết thật đẹp và đầy ước mơ mang tinh thần hòa bình, bác ái. Biển là nơi nuôi sống bao sinh linh, là ngôi nhà của đàn cá, là nơi người dân bám biển mưu sinh và cũng là nơi lưu giữ vẻ đẹp thanh bình của Trái Đất. Chiến tranh không chỉ giết chết con người, mà còn làm tổn thương cả thiên nhiên. Những quả bom, những con tàu chiến không chỉ gây đau thương, mà còn đầu độc nước biển, làm mất đi những gì trong lành và đẹp đẽ nhất. Nếu ai cũng hiểu rằng biển cần sự bình yên để tiếp tục vỗ về thế giới, thì chắc chẳng ai còn muốn ném đạn bom xuống lòng đại dương nữa. Chúng ta - những người mang trong tim ước mơ hòa bình phải biết bảo vệ từng giọt nước biển, như cách ta gìn giữ những ước mơ xanh ngời của cuộc sống. Chúng mình sẽ cùng xây dựng những ngôi nhà thật to, to đến mức có triệu triệu gian, để tất cả các bạn trên thế giới đều có thể sống chung dưới một mái nhà. Ở đó, không còn ai bị bỏ rơi, không còn em bé nào phải co ro trong giá lạnh, không còn những người đi ngủ với chiếc bụng đói hay ánh mắt buồn bã. Mỗi gian nhà sẽ có tiếng cười, có bữa cơm ấm, có vòng tay ôm chặt mỗi khi ai đó buồn. Dù đến từ quốc gia nào, nói thứ ngôn ngữ gì, mang màu da gì... tất cả chúng ta đều là bạn, là anh em, là một gia đình lớn mang tên “Trái Đất”. Không có biên giới, không có chiến tranh, chỉ có yêu thương và sẻ chia. Đó là giấc mơ của bạn nhỏ, dù nhỏ bé, vẫn luôn tin rằng một ngày nào đó sẽ trở thành sự thật. Người lớn thường nói “thế giới phức tạp lắm” nhưng tôi tin, nếu ai cũng sống bằng một trái tim biết thương yêu, thì thế giới này sẽ trở nên thật đơn giản: cùng nhau sống tử tế và hạnh phúc. Và đây cũng chính là thông điệp mà bài *Độc* gửi đến, chúng ta không cần thật nhiều tiền, không cần quyền lực hay súng đạn. Điều chúng ta cần là đủ yêu thương và luôn giữ vững những mong ước của chính mình về một thế giới tràn ngập niềm vui.

Ước mơ về một thế giới hòa bình là một trong những khát vọng đẹp đẽ và sâu sắc nhất của nhân loại. Đó là giấc mơ về một nơi không còn chiến tranh, bạo lực, hận thù hay chia rẽ, nơi con người sống với nhau bằng lòng nhân ái, sự tôn trọng và yêu thương. Bài *Độc* “Ngày hội” [4, tr.131] nói về ngày hội trại hè thiếu nhi thế giới. Các bạn dự trại hè thiếu nhi trên thế giới có quốc tịch, màu da khác nhau cùng tụ họp về đây. Các bạn đã gửi lời nhắn, lời chúc với bồ câu trắng về sự bình đẳng và hòa bình thế giới.

Như trăm sông dồn biển

Bầu bạn tụ về đây
Thế giới thu nhỏ lại
Trong khu trại hè này.

Hai câu thơ đầu là hình ảnh mở đầu thật đẹp, tượng trưng cho mọi con đường, mọi con người, dù khác nhau đến đâu, đều có thể cùng hội tụ về một nơi. Không khí của một khu trại hè hiện lên rộn ràng, thân tình; nơi không phân biệt quốc tịch, màu da hay ngôn ngữ. “*Thế giới thu nhỏ lại / Trong khu trại hè này*” chính là nói lên giấc mơ về một thế giới hòa bình, giản dị nhưng đầy hi vọng: bắt đầu từ những con người trẻ, những buổi gặp gỡ ngắn ngủi nhưng đầy ý nghĩa.

Bạn từ Trung Quốc tới
Bạn từ Châu Mỹ sang
Bạn bên bờ Đa-nuýp
Tôi - Sông Hồng Việt Nam.

Những câu thơ tiếp theo đã mở rộng không gian bài thơ ra khắp bốn phương trời - từ Châu Á, Châu Mỹ, đến tận châu Âu. Mỗi người như một dòng sông nhỏ, mang theo bản sắc riêng, đổ về một “đại dương” chung là tình bạn và khát vọng hòa bình. “*Bạn từ Trung Quốc tới/ Bạn từ Châu Mỹ sang*”, từng dòng thơ là một nhịp chân vượt đại dương, vượt biên giới mang theo niềm vui hội ngộ cùng bạn bè bốn phương. “*Bạn bên bờ Đa-nuýp / Tôi – Sông Hồng Việt Nam*” cho thấy sự kết nối giữa các con sông không chỉ là lời giới thiệu, mà còn là sự khẳng định bản sắc, nơi mỗi con người là một dòng sông, mang theo văn hóa, kí ức và tâm hồn riêng biệt. Sông Đa-nuýp là con sông chảy qua trái tim Châu Âu. Sông Hồng - dòng sông mang phù sa nuôi dưỡng đất Việt. Hai dòng sông, hai phương trời, gặp nhau tại một nơi - khu trại hè, nơi thế giới thu nhỏ, nơi tình bạn nở hoa.

Tung lên, bồ câu trắng
Nào, các bạn da đen
Cùng da vàng, da đỏ
Bàn tay ơi, tung lên!

“*Tung lên, bồ câu trắng*” chỉ một dòng thôi mà như bầu trời mở ra ngay trước mắt. Câu thơ ấy có cái gì đó rất thiêng liêng. Hình ảnh “*bồ câu trắng*” bay lên không chỉ là biểu tượng cho hòa bình, mà còn là lời nguyện ước của con người, nhất là những người trẻ, gửi vào trời cao một ước mơ tốt đẹp. Hai câu thơ tiếp theo mang một thông điệp mạnh mẽ về sự bình đẳng và

đoàn kết giữa các sắc tộc. Cách bạn dùng nhịp điệu ngắn gọn, dứt khoát: “*Nào, các bạn da đen / Cùng da vàng, da đỏ*” như một lời mời gọi, một tiếng nói vang lên từ trái tim, vượt qua mọi biên giới và định kiến. Câu thơ gợi nhớ đến những cuộc diễu hành vì nhân quyền, đến những buổi lễ kết nối văn hóa, hay thậm chí đơn giản là hình ảnh của một vòng tay bạn bè từ khắp mọi nơi, cùng siết chặt vì một tương lai không còn phân biệt. “*Bàn tay ơi, tung lên!*” - câu thơ như một lời hiệu triệu cuối cùng, mạnh mẽ mà rộn ràng. Nó không chỉ là hành động giơ tay, mà là biểu tượng của sự đoàn kết, của hành động tập thể, của khát vọng vươn lên vì một thế giới không còn rào cản. Câu thơ này khép lại một khổ đầy màu sắc, nơi mọi màu da - đen, vàng, đỏ - cùng hòa làm một, gửi gắm niềm tin, hi vọng và yêu thương vào những cánh chim trắng hòa bình. Câu thơ mang màu sắc thiêng liêng và thơ mộng, như một nghi lễ nhỏ, nơi mỗi lời chúc là một cánh bướm, một cánh chim mang theo mơ ước bay đi khắp thế gian. “*Dẫu khác nhau tiếng nói / Chung nhau một niềm tin*” hai câu này như một lời khẳng định sâu sắc và đầy cảm hứng. Dù nói những ngôn ngữ khác nhau, đến từ những nền văn hóa khác nhau, ta vẫn có thể cùng hát một bài ca, cùng tin vào hòa bình, yêu thương và tương lai tốt đẹp.

Bàn tay ơi, tung lên!

Cả một trời chim trắng

Cả một trời ánh nắng

Cả một trời cao xanh.

“*Bàn tay ơi, tung lên!*” - vẫn là lời gọi thân thương, đầy sức sống, và rồi ngay sau đó là “*Cả một trời chim trắng / Cả một trời ánh nắng / Cả một trời cao xanh.*”. Ba câu thơ liên tiếp như ba nét vẽ bằng ánh sáng, bằng hi vọng, bằng ước mơ trong trẻo nhất của con người; như thể khi bàn tay ta cùng nhau tung lên, ta không chỉ tung chim, tung ước mơ, mà còn nâng cả bầu trời niềm tin. Một bức tranh hòa bình hiện ra, tràn ngập ánh sáng, sự tự do và vẻ đẹp bao la của bầu trời. Tác giả Định Hải đã nhắn nhủ tới người đọc cho dù chúng ta đến từ nhiều đất nước, màu da, tiếng nói khác nhau nhưng ai cũng mong muốn sống trong một thế giới không có chiến tranh, hận thù, nơi chỉ còn nụ cười, ánh nắng và tình bạn. Tác giả đã khơi dậy ước mơ và khát vọng trong những mầm non tương lai của đất nước về sự gắn kết và yêu thương và thế giới sẽ càng tốt đẹp hơn.

Các văn bản *Độc* trong SGK *Tiếng Việt 4* đã mang đến cho HS những bài học có giá trị về ước mơ, khát vọng, về việc nuôi dưỡng những ước mơ

khát vọng ấy. Những ước mơ và khát vọng có khi rất hồn nhiên, trẻ con nhưng lại có lúc rất trí tuệ và người lớn. Ước mơ và khát vọng không chỉ giúp HS cảm nhận được vẻ đẹp và giá trị của những khao khát tuổi thơ mà còn mở ra một hành trình học tập đầy cảm hứng. Thông qua những bài *Đọc* nhẹ nhàng mà ý nghĩa sâu sắc, HS được khơi gợi khả năng tưởng tượng, rèn luyện tư duy, bồi dưỡng tình cảm và thái độ sống tích cực. Những câu chuyện ấy dạy các em biết nuôi dưỡng ước mơ, kiên trì theo đuổi lí tưởng, biết trân trọng những điều giản dị và không ngại vượt qua thử thách. Đây chính là nền tảng để HS học tập tốt hơn, sống có mục tiêu hơn và lớn lên một cách toàn diện cả về trí tuệ lẫn tâm hồn. Ước mơ không chỉ là điểm đến, mà còn là động lực để mỗi HS bước tiếp trên hành trình khám phá tri thức và chính bản thân mình.

Kết luận chương 1

Các văn bản *Đọc* trong SGK *Tiếng Việt 4* (KNTTVCS) được sắp xếp và trình bày một cách khoa học, có sự liên kết chặt chẽ và xuyên suốt theo các chủ điểm cụ thể như: trải nghiệm khám phá, niềm vui sáng tạo, chấp cánh ước mơ...

Tuy đa dạng về thể loại, nhưng các văn bản *Đọc* trong SGK *Tiếng Việt 4* (KNTTVCS) có sự thống nhất về nội dung, gắn tri thức với cuộc sống, học đi đôi với hành. Mỗi bài *Đọc* là những văn bản có giá trị nội dung sâu sắc và những bài học giáo dục ý nghĩa dành cho các em HS. Các văn bản chính là câu chuyện trên hành trình lớn lên của các em. Qua đó giúp các em nhận thức được về bản thân, về cuộc sống xung quanh mình, về những giá trị nhân văn tốt đẹp, về ước mơ, khát vọng... Vì vậy, các văn bản *Đọc* không chỉ giúp HS rèn luyện khả năng đọc hiểu, cảm thụ văn học và hình thành nhân cách thông qua những giá trị cốt lõi như yêu thương, mơ ước, sáng tạo và sống có trách nhiệm; nuôi dưỡng tâm hồn và gieo mầm những giá trị sống tốt đẹp cho HS thông qua các văn bản đầy cảm hứng và nhân văn.

Chương 2. GIÁ TRỊ NGHỆ THUẬT CỦA CÁC VĂN BẢN PHÂN ĐỌC TRONG SÁCH GIÁO KHOA TIẾNG VIỆT 4 (KNTTVCS)

2.1. Ngôn ngữ giản dị, giàu hình ảnh

Ngôn ngữ là phương tiện giao tiếp quan trọng nhất của con người. Nhờ có ngôn ngữ, chúng ta có thể truyền đạt tư tưởng, cảm xúc và kết nối với cộng đồng. Tuy nhiên, ngôn ngữ không chỉ dừng lại ở vai trò giao tiếp hằng ngày, mà còn là chất liệu đặc biệt trong sáng tác văn học. Trong văn chương, ngôn ngữ được lựa chọn, sắp xếp, sáng tạo một cách nghệ thuật để tạo nên hình ảnh, cảm xúc và giá trị tư tưởng. Mỗi nhà văn, nhà thơ như một nghệ sĩ ngôn từ - họ “nhào nặn” ngôn ngữ để khắc họa con người, thiên nhiên, cuộc sống, từ đó tạo nên những tác phẩm giàu chất thẩm mỹ và ý nghĩa nhân văn. Chính vì thế, ngôn ngữ là linh hồn của văn học, là cây cầu nối liền giữa tác giả và người đọc và là yếu tố thể hiện rõ nhất bản sắc và tài năng của người cầm bút. Vậy nên, nhà văn người Nga nổi tiếng M. Gorki đã từng khẳng định: *“Yếu tố đầu tiên của văn học là ngôn ngữ, công cụ chủ yếu của nó và - cùng với các sự kiện, các hiện tượng của cuộc sống - là chất liệu của văn học”*. Câu nói ấy đã chỉ rõ vai trò trung tâm của ngôn ngữ trong sáng tác và tiếp nhận văn học. Các tác giả sử dụng ngôn ngữ như một công cụ để tạo ra tác phẩm, để diễn đạt cảm xúc, phản ánh hiện thực, truyền tải tư tưởng và quan điểm của bản thân đến người đọc. Ngược lại, người đọc cũng thông qua ngôn ngữ để tiếp nhận, giải mã và thấu hiểu thông điệp mà tác giả gửi gắm. Nói cách khác, ngôn ngữ chính là chiếc cầu nối giữa người viết và người đọc, giữa thế giới nghệ thuật và cuộc sống thực tại. Nếu không có ngôn ngữ, văn học sẽ không thể hình thành, bởi chính ngôn ngữ là “chất liệu sống” cấu thành nên từng câu chữ, từng hình ảnh và ý nghĩa của tác phẩm. Ngôn ngữ trong văn học là ngôn ngữ từ đời sống. Tuy nhiên ngôn ngữ văn học đã nâng lên trình độ nghệ thuật thông qua quá trình mài dũa của nhà văn. Và để ngôn ngữ phù hợp với tác phẩm, các tác giả đã phải chọn lựa tỉ mỉ, kĩ càng giữa kho từ vựng đồ sộ để đúc kết ra những câu chữ cô đọng, hàm súc mà vẫn giàu hình ảnh, hàm chứa được nội dung và ý nghĩa của tác phẩm.

Đối với HS lớp 4, các em đang trong độ tuổi đang phát triển tư duy và nhận thức, ngôn ngữ trong các tác phẩm văn học dành cho các em cần phải được lựa chọn một cách tỉ mỉ, sao cho vừa phù hợp với khả năng tiếp thu, vừa giúp các em phát triển tư duy và cảm xúc. Ở độ tuổi này, HS chủ yếu học theo phương pháp trực quan, cụ thể, tức là các em dễ dàng tiếp nhận các hình ảnh

sinh động và dễ hiểu, nhưng lại gặp khó khăn với những khái niệm trừu tượng và phức tạp. Chính vì vậy, những văn bản có dung lượng lớn hoặc sử dụng ngôn ngữ trừu tượng, đa tầng nghĩa sẽ gây khó khăn cho các em trong quá trình học tập và tiếp nhận. Hiểu rõ đặc điểm tâm lý lứa tuổi này, SGK *Tiếng Việt 4* (Bộ sách KNTTVCS) đã mang đến cho các em những văn bản có độ dài vừa phải, nội dung gần gũi. Đặc biệt, ngôn ngữ trong các văn bản đều được là từ ngữ đơn giản, dễ hiểu, tường minh và giàu hình ảnh; điều này rất phù hợp với khả năng nhận thức của HS lớp 4, đồng thời góp phần tạo nên sự hứng thú, chủ động khi các em tham gia hoạt động đọc hiểu. Bên cạnh đó, ngôn ngữ trong các văn bản *Độc* cũng giàu cảm xúc, giúp các em không chỉ học được kiến thức mà còn rèn luyện khả năng cảm nhận nghệ thuật, khả năng diễn đạt được những tình cảm và các cung bậc cảm xúc tinh tế. Các tác phẩm văn học trong SGK *Tiếng Việt 4* thường chứa đựng những hình ảnh sinh động và dễ liên tưởng, từ đó kích thích sự tưởng tượng và sáng tạo của các em. Chính những hình ảnh đó giúp HS không chỉ hiểu được nội dung mà còn thấm nhuần được những bài học sâu sắc về cuộc sống.

Các bài học được gắn với những chủ điểm gần gũi với đời sống của các em, giúp các em dễ dàng liên hệ với thực tế.

Bài thơ “Vẽ màu” [3, tr.77] của nhà thơ Bảo Ngọc là một bức tranh rực rỡ và sinh động được vẽ nên bằng ngôn ngữ giản dị, gần gũi nhưng rất giàu hình ảnh và cảm xúc. Ngôn ngữ trong bài thơ không sử dụng những khái niệm trừu tượng, những biện pháp tu từ phức tạp như ẩn dụ, hoán dụ hay từ đa nghĩa. Nhà thơ dùng các từ ngữ thuần Việt, quen thuộc, gần gũi với cuộc sống hằng ngày của HS tiểu học. Đó là các từ chỉ màu sắc (màu đỏ, màu nâu, màu trắng...), là các từ chỉ sự vật quen thuộc, gần gũi (hoa hồng, tóc, má, núi...) Khiến cho câu thơ dễ hiểu, giàu hình ảnh.... “*Màu đỏ cánh hoa hồng/Nhuộm bừng cho đôi má*”, “*Bình minh treo trên mây/ Thả nắng vàng xuống đất*”. Cách dùng từ rất trực tiếp màu đỏ của hoa hồng, đôi má hay nắng, mây và đất đều là những sự vật các em nhìn thấy hằng ngày, nên dễ liên tưởng, dễ hình dung. Cách xưng hô và biểu đạt trong bài thơ giống như lời kể hoặc suy nghĩ của chính các em. “*Màu nâu này biết không*”, “*Em tô thêm màu trắng/ Trên tóc mẹ sương hơn*”. Câu thơ như lời thủ thỉ, tâm sự của một em nhỏ đang khám phá và tưởng tượng về thế giới xung quanh. Câu hỏi “*biết không?*” khiến bài thơ mang âm hưởng trò chuyện, thân tình, rất phù hợp với đặc điểm tâm lý tuổi học trò. Ngôn ngữ không nói xa xôi, ước lệ mà đề cập trực tiếp đến

đôi tượng được miêu tả. Các sự vật cụ thể như “*hoa hồng, lá, núi, lau, biển, tóc mẹ*”, những hoạt động cụ thể như “*gặt chữ, thấp sao, tô màu, giỏ mật, thấp nắng*” và cảm xúc cụ thể như “*mát, ấm, ngát, biếc, trầu hạt, sương hơn*” đã giúp câu thơ trở nên sinh động, như hiện lên trước mắt người đọc, đồng thời lại rất ám áp bởi những cảm xúc chân thành được gửi gắm trong câu thơ... Những hình ảnh, từ ngữ này giúp người đọc nói chung và HS tiểu học nói riêng cảm nhận được rõ ràng hơn giá trị và thông điệp mà bài thơ nói tới, không bị rơi vào sự mơ hồ hay trừu tượng quá mức. Dù không dùng biện pháp tu từ cầu kì, nhưng bài thơ vẫn gợi được cảm xúc bởi cách miêu tả đầy yêu thương và quan sát tinh tế: “*Em tô thêm màu trắng/ Trên tóc mẹ sương hơn...*”. Câu thơ không dùng từ ngữ trừu tượng về “*tình mẹ*”, “*sự hy sinh*”, mà miêu tả trực tiếp hình ảnh tóc mẹ bạc, khiến người đọc cảm nhận được tình yêu thương và lòng biết ơn chân thành. Ngôn ngữ trong bài thơ “*Vẽ màu*” là kiểu ngôn ngữ mang đậm màu sắc thiếu nhi: trong sáng, giản dị, dễ hiểu. Nó giống như tiếng nói hồn nhiên của các em, giúp các em thể hiện được cảm xúc, nhận thức về thiên nhiên, con người và cuộc sống xung quanh một cách tự nhiên, chân thành. Chính sự giản dị ấy lại làm nên vẻ đẹp riêng và sức lay động nhẹ nhàng cho bài thơ.

Những nét nổi bật về ngôn ngữ giản dị, dễ hiểu, gắn liền với lời ăn tiếng nói hàng ngày còn được tác giả Trương Huỳnh Như Trân thể hiện rõ qua những câu văn trong bài *Đọc* “*Nếu em có một khu vườn*” [3, tr.118]. Tác giả đã sử dụng những từ ngữ đời thường, thân thuộc, dễ hiểu, đúng với cách nói và suy nghĩ của lứa tuổi. “*Nếu em có một khu vườn... em sẽ trồng cây mít, cây me, cây anh đào...*”, “*Mỗi chiều, chiếc lá mít sẽ thành chong chóng...*”, “*Lá me non mẹ nấu canh cá nục...*” [3, tr.118]. Không có từ ngữ hoa mỹ, cầu kì hay ẩn dụ phức tạp. Ngôn ngữ giống như lời kể chuyện hàng ngày, rất hồn nhiên và chân thật. Tác giả không dùng nhiều ẩn dụ, hoán dụ, hay các hình ảnh mang tính khái quát cao. Thay vào đó, ngôn ngữ cụ thể, miêu tả trực tiếp sự vật, sự việc. Cây cối cụ thể: *cây mít, cây me, cây anh đào, hoa giấy, hoa nhài...* Sự vật quen thuộc: *chong chóng, vòng lá, chiếc chậu, đàn chim sẻ...* Cảm xúc trực tiếp: *mát rượi, vị chua thơm, thoang thoảng hương, chạy ù ù...* Nhờ vậy bài văn không gây khó khăn cho người đọc, ngay cả với bạn nhỏ cùng lứa tuổi cũng dễ dàng cảm nhận được. Ngôn ngữ không chỉ gần gũi mà còn gắn chặt với trải nghiệm thường ngày của trẻ em: *Hái lá mít làm một bầy trâu chia cho các bạn*, là trò chơi dân dã quen thuộc: *Lá me non mẹ nấu canh*

cá nục, là món ăn đời thường, gần gũi với bữa cơm gia đình: *Tiếng chim nhao nhác ngoài ban công*, là hình ảnh rất thực, dễ hình dung. Tất cả gợi nên sự ấm áp, thân thuộc từ cuộc sống hàng ngày, giúp bài thơ vừa dễ hiểu vừa gợi cảm xúc. Bài *Độc* đã truyền tải chính xác cảm xúc và ước mơ, cách nói thể hiện mong ước rất thật thà. Các ước mơ rất trẻ con nhưng dễ thương. Ngôn ngữ không chỉ đơn giản về mặt hình thức mà còn trong sáng, đúng với tầm cảm nhận của tuổi thơ. Ngôn ngữ trong bài mang vẻ đẹp giản dị - dễ hiểu - gần gũi - hồn nhiên, không dùng thủ pháp tu từ khó hiểu, không tạo khoảng cách giữa tác giả và bạn đọc. Đó là một ngôn ngữ tự nhiên như hơi thở tuổi thơ, như cách các em “nói ra những gì mình thấy, mình nghĩ và mình mơ ước” một cách trong trẻo, chân thành.

Qua việc sử dụng ngôn ngữ giản dị, trong sáng và dễ hiểu bài *Độc* “Cánh chim nhỏ” [3, tr.129] đã cho ta thấy tác giả phải là một người rất hiểu trẻ em. Câu văn ngắn gọn, trong sáng, không phức tạp: Có một cậu bé mơ ước được bay như chim, hai cậu làm quen với nhau và người bạn nhỏ ôm ghì lấy cậu. Đây là kiểu câu và cách diễn đạt rất quen thuộc, giống với cách các em kể chuyện, không có từ ngữ trừu tượng hay quá hàn lâm. Trong bài *Độc* tác giả không sử dụng ẩn dụ, hoán dụ hay tương trưng gây khó hiểu. Mọi sự vật, hiện tượng đều được gọi đúng tên và rất cụ thể: “*chim, công viên, cát, tòa lâu đài, gió, cha, bạn bè*”... Điều này giúp HS dễ hình dung, dễ liên tưởng đến trải nghiệm đời sống thực tế của mình. Những lời nói này rất tự nhiên, chân thành đúng với lứa tuổi tiểu học, bộc lộ cảm xúc một cách trực tiếp, không giấu giếm: “*Ước gì mình chia sẻ được với cậu cảm giác đó*”, “*Mình chưa biết làm thế nào để giúp cậu đi và chạy được như mình. Nhưng điều này thì mình làm được*” [3, tr.130]. Các sự vật và hành động đều hiện lên rõ ràng qua từ ngữ: “*Xây những tòa lâu đài bằng cát*”, “*xoay người lại công bạn*”, “*chạy cho tới lúc gió tạt mạnh vào mặt cả hai*”... Ngôn ngữ như “vẽ ra” cảnh tượng rất gần gũi và dễ hình dung với trẻ nhỏ nhưng lại rất giàu cảm xúc: “*Con đang bay, bố ơi! Con đang bay!*” [4, tr.130].

Như vậy, ngôn ngữ giản dị, dễ hiểu nhưng giàu hình ảnh trong SGK *Tiếng Việt 4* (KNTTVSC) không chỉ giúp HS tiếp nhận kiến thức một cách dễ dàng mà còn giúp các em rèn luyện khả năng cảm thụ nghệ thuật, phát triển tư duy và sáng tạo. Thông qua những bài *Độc* sinh động, các em không chỉ học được về cuộc sống, về những giá trị nhân văn mà còn được trang bị những kỹ năng cần thiết để trở thành những công dân hiểu biết và nhân ái trong tương lai.

2.2. Giọng điệu hồn nhiên, thân tình

Trong văn học một nhà văn có phong cách bao giờ cũng tạo cho mình một giọng điệu riêng - đó có thể là giọng nhẹ nhàng, sâu lắng; cũng có thể là giọng hóm hỉnh, dí dỏm hay trang nghiêm, sâu sắc. Chính giọng điệu riêng biệt ấy làm nên “chất” của người viết, giúp độc giả dễ dàng nhận ra sự khác biệt giữa các nhà văn, ngay cả khi họ viết cùng về một chủ đề nào đó. Giọng điệu là biểu hiện sống động của cá tính nghệ thuật, là “tiếng nói riêng” mà nhà văn gửi gắm vào tác phẩm, góp phần làm nên dấu ấn phong cách không thể trộn lẫn. Khrapchenko cho rằng: *“Những người sành sỏi về văn học có thể căn cứ vào những đặc điểm giọng điệu của một đoạn văn tự sự nhất định mà họ chưa biết đến hoặc căn cứ vào mấy dòng thơ của một nhà thơ mà để xác định tác giả của những tác phẩm ấy”*. Theo “Từ điển Thuật ngữ văn học” thì giọng điệu là *“Thái độ, tình cảm, lập trường, tư tưởng, đạo đức của nhà văn đối với hiện tượng được miêu tả thể hiện trong lời văn, quy định cách xưng hô, gọi tên, dùng từ, sắc điệu tình cảm, cách cảm thụ xa gần, thân sơ, thành kính hay suồng sã, ngợi ca hay châm biếm...”* [1, tr.134]. Định nghĩa này cho thấy giọng điệu không đơn thuần là cách nói, mà là sự kết tinh của thế giới quan và quan điểm thẩm mỹ của nhà văn. Giọng điệu thể hiện rõ nhất cái nhìn, cảm xúc và thái độ của người viết trước hiện thực cuộc sống thông qua từng cách dùng từ, lựa chọn hình ảnh, xưng hô hay nhịp điệu câu văn. Như vậy, giọng điệu là một trong những yếu tố quan trọng để nhà văn xây dựng nên hình tượng nhân vật, đồng thời cũng là yếu tố góp phần tạo nên linh hồn của một tác phẩm văn học.

HS tiểu học luôn mang trong mình sự hồn nhiên, ngây thơ và trong sáng, đó là những đặc điểm nổi bật của lứa tuổi này. Đây chính là nền tảng quan trọng để các nhà biên soạn sách lựa chọn những văn bản phù hợp với tâm lý và đặc điểm phát triển của các em. Việc chọn lựa những tác phẩm có nội dung dễ hiểu, gần gũi, giàu hình ảnh sẽ giúp HS tiếp thu kiến thức một cách tự nhiên, giúp phát triển khả năng nhận thức của các em. Bên cạnh đó, những tác phẩm ấy còn phải “giống” các em về giọng điệu để tạo hứng thú và sự gần gũi với chính các em. Chính vì vậy, các văn bản trong SGK tiểu học không chỉ phải đáp ứng được yêu cầu về kiến thức mà còn cần phù hợp với sự hồn nhiên, trong sáng, tươi vui của tuổi thơ. Giọng điệu hồn nhiên, thân tình được thể hiện rõ nét qua cách viết gần gũi, dễ hiểu, giàu hình ảnh và cảm xúc. Điều này không chỉ giúp HS tiếp cận văn học một cách tự nhiên mà còn khơi

gợi tình yêu với ngôn ngữ và văn hóa dân tộc. Việc sử dụng giọng điệu hồn nhiên và thân tình giúp HS dễ dàng tiếp cận và cảm nhận văn học. Các bài học không chỉ cung cấp kiến thức ngôn ngữ mà còn giáo dục HS về tình yêu quê hương, con người và thiên nhiên.

Văn bản *Độc* “Thanh âm của núi”, giọng điệu thân tình, hồn nhiên biểu hiện qua việc tác giả mô tả tiếng khèn của người Mông với những từ ngữ giàu tình cảm như *“thấy nhớ, thấy thương, thấy vấn vương trong lòng”*, *“âm thanh cây khèn của người Mông có thể làm đắm say cả những du khách khó tính nhất”*. Những mô tả này không chỉ dễ hiểu mà còn tạo ra hình ảnh sinh động, gần gũi với cảm xúc của người đọc. Qua đó, HS không chỉ hiểu về nhạc cụ dân tộc mà còn cảm nhận được tình yêu và sự trân trọng của người Mông đối với văn hóa truyền thống.

Bài *Độc* “Bay cùng ước mơ” [4, tr.109] mang đậm tính chất mộng mơ và hồn nhiên, phản ánh đúng tâm lí của lứa tuổi HS tiểu học - những đứa trẻ luôn khao khát và mơ ước về những điều tốt đẹp trong tương lai. Từ ngữ được sử dụng ở đây rất giản dị, gần gũi với lời ăn tiếng nói hàng ngày của các em. Mỗi lời đối thoại giống như lời thủ thỉ tâm sự của chính các em về ước mơ và khát vọng. Cách sử dụng ngôn ngữ của các nhân vật rất tự nhiên và dễ hiểu, với những câu nói như: *“Ước gì tớ được bay như đám mây kia”*, *“Cậu ngủ mơ à?”*, *“Thôi, tớ không làm bộ đội hải quân nữa, tớ cũng làm phi công lái máy bay giống Thành”*, *“Tớ cũng không lái xe nữa, tớ lái tàu vũ trụ”*, *“Tớ làm họa sĩ, vẽ tất cả các thứ mà mọi người mơ”*... Những câu văn giàu hình ảnh thể hiện một cách rõ ràng và đơn giản những suy nghĩ của trẻ con, không cần phải cầu kì hay trau chuốt, nhưng lại mang đầy sự dễ thương và trong sáng. Câu chuyện được kể theo cách thân mật, như thể một nhóm bạn đang ngồi cùng nhau và chia sẻ những ước mơ của mình. Từ đó tạo ra một bầu không khí thân tình, ấm áp, tự nhiên và thoải mái, gần gũi và đáng yêu.

Bài thơ “Bốn mùa mơ ước” [3, tr.122] cũng mang giọng điệu chủ đạo là hồn nhiên và giàu tình cảm. Bài thơ đã khắc họa một thế giới tưởng tượng tươi đẹp, ngập tràn hi vọng và niềm tin vào những điều tốt đẹp, gần gũi với thiên nhiên và cuộc sống quanh ta. Bài thơ như những lời tâm tình của các em nhỏ về ước mơ, khát vọng của mình. Các em mong được: *“Gọi nắng xuân về muôn nơi”*, *“Dem mưa dịu mát muôn nơi”*, *“Xua tan giá lạnh mùa đông”*... Việc sử dụng đại từ “em” trong suốt bài thơ khiến người đọc cảm nhận được rõ hơn sự thân mật, gần gũi. Bài thơ xuất hiện nhiều hình ảnh của cuộc sống:

nắng, mưa, cánh én, cơn gió, vầng trăng, ngôi sao, ngọn lửa, con đường, chân trời... Những hình ảnh ấy giúp người đọc cảm nhận được vẻ đẹp và sự gần gũi của thiên nhiên và con người, đồng thời cũng phản ánh một thế giới lí tưởng mà các em mong muốn hướng đến. Giọng điệu thơ vừa mộc mạc, lại đầy lãng mạn và bay bổng, chính là chìa khóa làm nên sức sống và sức cuốn hút của bài thơ.

Giọng điệu hồn nhiên, thân tình của bài thơ “Nếu chúng mình có phép lạ” [3, tr.132] của tác giả Đinh Hải đã thể hiện rất rõ nét qua cách lựa chọn ngôn từ, hình ảnh và cấu trúc câu thơ. Bài thơ sử dụng ngôn ngữ rất gần gũi và dễ hiểu, phù hợp với tâm lí và suy nghĩ của trẻ em. Các hình ảnh và từ ngữ đều mang tính chất mộc mạc, giản dị nhưng lại chứa đựng sức sống mãnh liệt và khát khao đổi mới. Ví dụ: “*bắt hạt giống nảy mầm nhanh*”, “*ngủ dậy thành người lớn ngay*” hay “*hóa trái bom thành trái ngon*” đều là những câu nói rất ngây thơ, đậm chất trẻ thơ. Cách sử dụng câu đơn giản, không quá phức tạp khiến cho giọng điệu thơ như một cuộc trò chuyện tự nhiên, gần gũi, thể hiện sự hồn nhiên của lứa tuổi thiếu nhi. Bài thơ là sự thể hiện một thế giới đầy mơ mộng của trẻ em, nơi mà mọi thứ đều có thể xảy ra. “*Nếu chúng mình có phép lạ*” là câu mở đầu được lặp lại nhiều lần, thể hiện rõ sự mong muốn, khát khao của các em nhỏ về một phép màu có thể thay đổi thế giới. Giọng điệu trong các câu thơ mang âm hưởng nhẹ nhàng, bay bổng, như chính giấc mơ của các em. Các em ngây thơ và tin tưởng vào một thế giới mà phép lạ có thể biến mọi điều không thể thành có thể: “*hái triệu vì sao xuống cùng*”, “*hóa trái bom thành trái ngon*”, “*đúc thành ông Mặt Trời mới*”... Tất cả những ước mơ này đều đầy tính mơ mộng và lãng mạn, không bị ràng buộc bởi thực tế. Câu chuyện trong bài thơ dường như được kể giữa những người bạn thân thiết, với những ước mơ chung và sự chia sẻ ngọt ngào. Câu thơ “*Nếu chúng mình có phép lạ!*” được lặp lại như một lời nhắn gửi giữa các bạn, như thể các em đang trò chuyện với nhau về những điều kì diệu mà chúng muốn làm, muốn thay đổi trong cuộc sống. Lối viết lặp lại này không chỉ thể hiện sự kiên trì trong ước mơ mà còn làm cho giọng điệu bài thơ trở nên dễ thương và dễ hiểu, như một lời thủ thỉ thân tình giữa những người bạn. Hình ảnh “*chúng mình*” và cách xưng hô thân mật như “*đưa thì lặn xuống đáy biển, đưa thì ngồi lái máy bay*” tạo ra một không khí giao lưu gần gũi, không có sự phân biệt, mà chỉ có những mong muốn chung tay để làm đẹp thế giới. Giọng điệu hồn nhiên và thân tình trong bài thơ “Nếu chúng mình có

phép lạ” rất phù hợp với độ tuổi của những người bạn nhỏ. Nó không chỉ phản ánh sự ngây thơ, sự mơ mộng và khả năng tưởng tượng vô biên của trẻ em mà còn thể hiện sự gần gũi, thân mật, như những lời thủ thi, chia sẻ ước mơ giữa các bạn. Cùng với sự sử dụng ngôn ngữ giản dị nhưng sâu sắc, bài thơ là một bức tranh đẹp về tuổi thơ, về niềm tin vào những điều tốt đẹp và hi vọng vào một tương lai tươi sáng.

Trong bài thơ “Tiếng ru” [4, tr.28] nhà thơ Tố Hữu đã giúp ta cảm nhận rõ hơn giọng điệu hồn nhiên, thân tình, như lời ru ngọt ngào của mẹ, chứa đựng những bài học sâu sắc mà giản dị. Nhịp điệu mềm mại, uyển chuyển, nhịp thơ ngắt đều và nhẹ nhàng. Cách ngắt nhịp này khiến bài thơ như một lời thủ thi, trò chuyện âu yếm giữa người lớn và đứa trẻ, giữa người đi trước và người kế tiếp. Câu thơ “*Một người - đâu phải nhân gian?*” với cách ngắt nhịp 2/4 đã làm tăng tính triết lý như một tiếng thở dài chứa đầy sự suy ngẫm. “*Sống chẳng, một đốm lửa tàn mà thôi!*” với cách ngắt nhịp 2/2/2/2 tạo cảm giác chậm rãi, ngắt quãng, nhấn mạnh sự bé nhỏ, lẻ loi và vô nghĩa của kiếp người nếu sống đơn độc, không gắn bó với cộng đồng. Tác giả đã sử dụng điệp cấu trúc và nhịp đối xứng để tạo nhạc tính cho bài thơ: “*Một ngôi sao, / chẳng sáng đêm/ Một thân lúa chín, / chẳng nên mùa vàng.*”. Cấu trúc lặp lại ở đầu mỗi câu kết hợp với nhịp 3/3 hoặc 4/4 tạo sự hài hòa, cân đối, góp phần làm rõ thông điệp cá nhân không thể tồn tại độc lập, đồng thời mang âm hưởng nhẹ nhàng, gần gũi như lời nhắn nhủ dịu dàng. Nhờ nhịp thơ mềm mại, đều đặn, bài thơ có giọng điệu thủ thi, tâm tình. Đó không phải là lời thuyết giảng cứng nhắc, mà là lời dăn dò đầy yêu thương, giống như những câu hát ru dân gian: “*Tre già yêu lấy măng non/ Chắt chiu như mẹ yêu con tháng ngày*”. Từng câu thơ như ôm ấp, vỗ về người đọc, gieo vào lòng người niềm yêu thương, sự gắn bó với gia đình, quê hương, đồng loại. Như vậy ta có thể thấy rằng nhịp thơ trong “Tiếng ru” được Tố Hữu sử dụng một cách tài tình. Vừa mềm mại, nhẹ nhàng, có tính nhạc lại vừa mang âm hưởng dân ca tạo nên giọng điệu thân tình, hồn nhiên. Nhờ đó, bài thơ dễ đi vào lòng người đọc, nhất là trẻ em - đối tượng mà tác giả hướng tới và truyền tải hiệu quả thông điệp nhân văn sâu sắc của bài thơ.

Bên cạnh đó các văn bản *Độc* còn xuất hiện các câu cảm thán, câu hỏi tu từ,...nhằm mục đích bộc lộ cảm xúc, tăng tính biểu cảm giúp câu văn trở nên sâu sắc và làm lời văn sinh động hơn. Trong bài “Tiếng nói của cỏ cây” [3, tr.44] tác giả đã giữ dụng câu cảm thán: “*Ô kìa! Bụi hoa hồng được*

chuyển chỗ mới đẹp làm sao!” làm cho giọng văn thêm sinh động, truyền cảm, giúp người đọc dễ dàng hình dung và cảm nhận vẻ đẹp kỳ diệu của thiên nhiên. Hay 2 câu thơ cuối trong bài “Nếu chúng mình có phép lạ” [3, tr.132] của tác giả Định Hải là câu cảm thán “*Nếu chúng mình có phép lạ!*” nhằm thể hiện ước mơ mãnh liệt, khát vọng ngây thơ và trong sáng của trẻ em về một thế giới tốt đẹp hơn. Câu thơ tạo giọng điệu thiết tha, đầy cảm xúc, giúp lôi cuốn người đọc bước vào thế giới tưởng tượng giàu tình yêu thương của các em nhỏ. Câu hỏi tu từ “*Bức tường này có phép lạ gì đây?*” có trong văn bản *Độc* “Bức tường có nhiều phép lạ” [3, tr.97] dùng để thể hiện sự ngạc nhiên và tò mò chứ không chờ mong câu trả lời của người hỏi. Câu hỏi làm nổi bật thế giới tưởng tượng phong phú và cách nuôi dưỡng cảm hứng sáng tạo không phải từ bức tường thật sự, mà từ trí nhớ và cảm xúc trong lòng mỗi người. Qua đó có thể thấy câu hỏi không chỉ diễn tả sự thán phục còn thể hiện sự hồn nhiên, đáng yêu của trẻ nhỏ, làm cho câu chuyện trở nên sinh động và gần gũi.

Giọng điệu hồn nhiên, thân tình còn được thể hiện rất rõ qua văn bản *Độc* “Người thầy đầu tiên của bố tôi” [4, tr.63] với ngôi kể được sử dụng là ngôi thứ nhất, người kể chuyện là con của nhân vật “bố” - tức là một đứa trẻ. Đây là lựa chọn vai kể rất đặc biệt và hiệu quả. Việc sử dụng vai kể của một đứa trẻ khiến giọng văn trở nên vừa hồn nhiên, trong sáng với cách kể chuyện nhẹ nhàng, không hoa mỹ, đúng với cảm nhận và suy nghĩ của một đứa trẻ: “*Bố nhẹ nhàng gõ cửa. Ra mở cửa là một cụ già râu tóc đã bạc*” [4, tr.63] vừa thân tình, ấm áp: “*Bố cúi xuống hôn vào trang giấy, mắt rung rung*” [4, tr.64]. Việc lựa chọn vai kể ngôi thứ nhất từ góc nhìn của người con là một thủ pháp nghệ thuật thành công, giúp văn bản mang giọng điệu hồn nhiên, thân tình, sâu sắc. Nó không chỉ truyền tải nội dung một cách chân thực mà còn làm nổi bật tình cảm thầy trò, tình cảm gia đình trong sáng và cảm động. Hay Nguyễn Đồng Chi đã lựa chọn vai kể được sử dụng trong văn bản *Độc* “Lạc Long Quân và Âu Cơ” [4, tr.40] là ngôi thứ ba - người kể chuyện giấu mình, không trực tiếp tham gia vào câu chuyện, chỉ đóng vai trò kể lại các sự kiện. Tuy nhiên, chính cách lựa chọn ngôi kể này lại giúp người đọc cảm nhận được giọng điệu hồn nhiên, thân tình và đầy chất truyền thuyết rất đặc trưng. Người kể không phải là nhân vật trong truyện, mà là một người đứng ngoài, có khả năng biết và kể toàn bộ sự việc. Kiểu kể này thường thấy trong truyện dân gian, truyền thuyết, tạo cảm giác như một ông bà, người kể chuyện

xưa đang kể lại cho thế hệ sau: “Ngày xưa, ở miền đất Lạc Việt có một vị thần tên là Lạc Long Quân...” [4, tr.40]. Người kể không xưng “tôi”, không hiện diện, nhưng lại rất am hiểu tâm lí và hành động của các nhân vật: “Sống với nhau được ít lâu, Lạc Long Quân bàn với vợ...” [4, tr.40]. Mặc dù kể ở ngôi thứ ba, nhưng giọng kể vẫn mang tính gần gũi, thân mật và giàu cảm xúc. Cách kể mộc mạc, giản dị: “Chuyện thật lạ, nàng sinh ra cái bọc trăm trứng...”, giọng kể hồn nhiên, giàu tính tưởng tượng với các chi tiết vô cùng thú vị như: “bọc trăm trứng”, “con cái lớn nhanh như thổi”, “mình rồng, phép lạ”... Qua đó thấy được trí tưởng tượng vô cùng phong phú của mọi người. Điểm kết nối cảm xúc giữa người kể và người đọc được thể hiện rõ qua câu “Cũng bởi sự tích này mà về sau, người Việt ta thường tự hào xưng là con Rồng cháu Tiên và thân mật gọi nhau là đồng bào.” [4, tr.41]. Giọng kể chan chứa tình cảm dân tộc, đậm tính cộng đồng và cũng như đang tâm sự, nhắc nhở con cháu nhớ về nguồn cội. Việc sử dụng ngôi kể thứ ba giúp người kể bao quát toàn bộ câu chuyện, kể lại sự tích một cách trôi chảy, khách quan nhưng giàu cảm xúc. Nhờ đó, giọng điệu của truyện mang tính hồn nhiên, gần gũi như lời ru, lời kể của người xưa, lại thân tình, thiêng liêng khi nhắc đến nguồn gốc dân tộc. Câu chuyện không chỉ là truyền thuyết mà còn là bản sắc tinh thần của dân tộc Việt Nam, được gìn giữ qua lối kể chuyện ngọt ngào và truyền cảm.

Giọng điệu hồn nhiên và thân tình trong các văn bản *Đọc* của SGK *Tiếng Việt lớp 4* không chỉ giúp HS tiếp cận văn học một cách tự nhiên, gần gũi mà còn khơi gợi tình yêu với ngôn ngữ và văn hóa dân tộc. Đây là một trong những điểm mạnh của bộ sách KNTTVCS, góp phần vào việc hình thành và phát triển nhân cách toàn diện cho HS.

2.3. Dung lượng và cấu trúc ngắn gọn, rõ ràng

Dung lượng trong tác phẩm văn học ảnh hưởng trực tiếp đến cách thức tác phẩm được xây dựng và tiếp nhận.

Khi một tác phẩm văn học có dung lượng lớn, tác giả có thể khai thác sâu sắc hơn các chủ đề, mở rộng không gian miêu tả và phát triển nhân vật... từ đó tạo nên một thế giới nghệ thuật phong phú. Ngược lại, với những tác phẩm có dung lượng nhỏ, tác giả phải tinh giản nội dung, cô đọng cảm xúc và tập trung vào những chi tiết tiêu biểu nhất, đồng thời đảm bảo rằng mỗi câu chữ đều có sức nặng và giá trị biểu đạt. Do đó, dung lượng không chỉ quyết

định độ dài mà còn tác động đến phương thức biểu đạt, sự chọn lọc nội dung và cách thức tác phẩm chạm đến trái tim, tâm trí của người đọc.

Trong tác phẩm văn học, cấu trúc là yếu tố quan trọng, không chỉ xây chuỗi cốt truyện, nhân vật, không gian, thời gian... một cách mạch lạc và hợp lí, mà còn tạo ra một khung nền vững chắc để tác phẩm có thể phát triển và truyền tải thông điệp hiệu quả. Cấu trúc giúp tạo ra sự liên kết, mạch lạc và rõ ràng trong tác phẩm, đồng thời là phương tiện để tác giả kiểm soát nhịp điệu, căng thẳng, cảm xúc và sự phát triển của câu chuyện. Ngoài ra, cấu trúc còn định hình cách người đọc tiếp nhận tác phẩm. Một cấu trúc hợp lí, chặt chẽ sẽ khiến người đọc dễ dàng thâm thấu thông điệp, cảm nhận được những tầng ý nghĩa sâu xa và cảm xúc mà tác giả muốn gửi gắm. Ngược lại, một cấu trúc lộn xộn, không rõ ràng có thể làm giảm hiệu quả truyền đạt thông điệp và khiến người đọc cảm thấy khó hiểu, mất đi sự kết nối với câu chuyện.

Với đối tượng hướng tới là các em HS lớp 4 nên dung lượng và cấu trúc của các văn bản *Đọc* trong SGK *Tiếng Việt* là ngắn gọn, rõ ràng, vừa sức với HS, đảm bảo đủ để triển khai kiến thức ngôn ngữ, kĩ năng đọc hiểu và giá trị giáo dục. Độ dài của các văn bản thường dao động trong khoảng từ 100 đến hơn 300 chữ. Ngoài ra, lại có những bài thơ ngắn hơn, dao động từ 3 đến 6 khổ thơ, thơ chủ yếu là thơ 5 chữ và thơ 6 chữ, câu thơ ngắn. Việc sắp xếp hợp lí về độ dài và cấu trúc văn bản để hướng đến đối tượng tiếp nhận là HS lớp 4 đã góp phần nâng cao hiệu quả dạy và học, đồng thời giúp HS hứng thú, chủ động, tích cực hơn trong quá trình tiếp nhận tri thức.

Một số tác phẩm thơ có dung lượng và kết cấu ngắn gọn, rõ ràng như: Bài thơ “Gặt chữ trên đỉnh trời” [3, tr.63] của nhà thơ Bích Ngọc có độ dài ngắn gọn, gồm 6 khổ thơ, mỗi khổ gồm 4 dòng. Mỗi dòng thơ có số tiếng ít, chủ yếu từ 3 đến 5 tiếng, rất phù hợp với khả năng tiếp nhận của học sinh tiểu học. Ví dụ: “*Em đi tìm cái chữ*” (5 tiếng), “*Đường xa chân có mỏi*” (5 tiếng)... Tổng số dòng thơ không quá dài, nên dễ thuộc, dễ học giúp HS cảm thụ trọn vẹn nội dung và nhạc điệu thơ. Bài thơ được chia thành nhiều khổ ngắn (4 dòng/khổ), tạo cảm giác nhịp nhàng, có điểm nghỉ rõ ràng. Cấu trúc bài thơ có thể chia thành 2 phần chính: Phần 1 (3 khổ đầu): Miêu tả hành trình vượt rừng, vượt suối đi tìm cái chữ của em bé miền núi. Phần 2 (3 khổ sau): Khẳng định ý nghĩa cao đẹp của việc học và thành quả của hành trình chinh phục con chữ. Cách chia cấu trúc như vậy giúp mạch cảm xúc rõ ràng, dễ hiểu, tạo thuận lợi cho việc phân tích và dạy học thơ ở bậc tiểu học.

Bài thơ “Bốn mùa mơ ước” [3, tr.122] của tác giả Nguyễn Lâm Thắng cũng có điểm chung về dung lượng và kết cấu như vậy. Có thể thấy bài thơ có độ dài vừa phải, gồm 5 khổ thơ, mỗi khổ có 4 dòng thơ rất gọn gàng. Mỗi câu thơ thường có số âm tiết ngắn, dao động từ 4 đến 6 tiếng mang lại nhịp điệu nhẹ nhàng, gần gũi: “*Em mơ mình là cánh én*” (6 tiếng), “*Trong veo nỗi niềm thương mến*” (6 tiếng), “*Giữa ngày nắng hạ nồng oi*” (6 tiếng), “*Đem mưa dịu mát muôn nơi*” (6 tiếng). Bài thơ có cấu trúc rõ ràng, gồm 5 khổ, mỗi khổ gắn với một mùa trong năm, thể hiện một ước mơ đẹp của em nhỏ: Khổ 1: Ước mơ mùa xuân - cánh én gọi nắng, khổ 2: Ước mơ mùa hạ - cơn gió đem mưa, khổ 3: Ước mơ mùa thu - vàng trăng và sao, khổ 4: Ước mơ mùa đông - ngọn lửa ấm áp, khổ 5: Khái quát ước mơ chung là yêu đất nước, ước mơ tương lai. Cấu trúc bài thơ được xây dựng theo hình thức lặp cú pháp “*Em mơ mình là...*” tạo nên nhịp điệu đồng đều, dễ đọc, dễ thuộc. Bài thơ “Bốn mùa mơ ước” thể hiện rõ đặc điểm thơ trong SGK *Tiếng Việt 4* (KNTTVCS) ngắn gọn, câu thơ ít tiếng, dễ hiểu, cấu trúc chặt chẽ và sáng rõ theo mạch cảm xúc. Hình ảnh thơ phong phú, thể hiện ước mơ trong sáng, góp phần nuôi dưỡng tâm hồn và bồi đắp tình yêu quê hương, đất nước cho HS.

Bài thơ “Vẽ màu” [3, tr.77] được viết theo thể thơ 4 chữ, ngắn gọn, nhịp nhàng, phù hợp với khả năng đọc và ghi nhớ của HS tiểu học. Mỗi khổ thơ gồm 4 câu đều đặn, dễ ngắt nhịp, tạo tiết tấu êm dịu, giàu nhạc tính, giúp HS dễ đọc. Tổng dung lượng ngắn, vừa đủ để HS học thuộc trong một tiết học, hoặc sử dụng trong các hoạt động mở rộng như cảm thụ, vẽ tranh, kể chuyện theo thơ. Tổng dung lượng ngắn, vừa đủ để HS học thuộc trong một tiết học, hoặc sử dụng trong các hoạt động mở rộng như cảm thụ, vẽ tranh, kể chuyện theo thơ. Khổ 1, 2 và 3 đã giới thiệu các màu sắc gắn với thiên nhiên tươi đẹp và sự sống với những hình ảnh gần gũi, dễ hình dung, tạo cảm giác thơ mộng, sinh động. Khổ 4 thể hiện tư duy hình ảnh có chiều sâu, liên tưởng rộng hơn của trẻ thơ. Khổ 5 tạo điểm nhấn nhân văn, chuyển từ mô tả thiên nhiên sang bộc lộ tình cảm gia đình sâu sắc. Cấu trúc bài thơ có sự liên kết chặt chẽ, phát triển hợp lý từ ngoại cảnh đến nội tâm, từ thiên nhiên đến con người, từ tả đến cảm. Nhờ vậy, bài thơ tuy ngắn nhưng giàu ý nghĩa và cảm xúc, rất phù hợp cho việc giảng dạy ở cấp tiểu học.

Bài thơ “Bước mùa xuân” [4, tr.85] của nhà thơ Nguyễn Bảo thuộc thể thơ 4 chữ, câu thơ ngắn, ngắt nhịp linh hoạt, tạo nhịp điệu nhẹ nhàng, phù hợp với cảm xúc tươi vui của mùa xuân. Toàn bài gồm 6 khổ thơ với độ dài vừa

phải, phù hợp với khả năng đọc hiểu, ghi nhớ, cảm thụ của HS tiểu học. Bài thơ có cấu trúc theo mạch phát triển của mùa xuân trong không gian thiên nhiên, được chia thành 3 phần rõ rệt. Phần 1 gồm khổ 1 và khổ 2 miêu tả cảnh vật đầu xuân trên cánh đồng, bầu trời và vạn vật. Phần 2 gồm khổ 3, 4 và 5 miêu tả sự chuyển động của thiên nhiên, âm thanh và màu sắc rộn ràng. Khổ 6 khép lại toàn bài bằng việc nhân hóa mùa xuân như một người bạn đi khắp nơi, khiến bài thơ trở nên gần gũi, giàu cảm xúc và giàu hình tượng. Bài thơ có cấu trúc mạch lạc, diễn tiến từ cảm nhận cụ thể đến khái quát và dung lượng ngắn gọn kết hợp với cấu trúc rõ ràng, chặt chẽ đã giúp bài thơ “Bước mùa xuân” trở thành một tác phẩm dễ tiếp cận, dễ cảm thụ, phù hợp với HS tiểu học cả về hình thức lẫn nội dung.

Không chỉ thơ, mà các văn bản truyện cũng có dung lượng vừa phải, phù hợp với nhận thức và khả năng tập trung đọc của HS lớp 4. Mặc dù là văn xuôi nhưng thường chỉ gói gọn trong một trang giấy, có văn bản dài hơn thì khoảng hai trang (có chèn hình ảnh). Ví dụ, truyện ngắn “Thần lẩn xanh và tắc kè” [3, tr.23] có độ dài ngắn gọn, khoảng 350 đến 400 từ, phù hợp với thời lượng đọc hiểu trong 1 tiết học *Tiếng Việt* lớp 4. Ngôn ngữ giản dị, câu văn ngắn gọn, rõ ràng, gần gũi với HS, sử dụng nhiều lời thoại giúp câu chuyện sinh động, dễ tiếp cận. GV dễ khai thác bài học đạo đức, kỹ năng sống từ nội dung. Tạo điều kiện thuận lợi cho HS luyện đọc diễn cảm, phân vai, kể lại câu chuyện. Câu chuyện có kết cấu 3 phần rõ ràng, điển hình cho kiểu truyện ngụ ngôn - kể chuyện để rút ra bài học. Phần 1 là cuộc gặp gỡ tình cờ giữa thần lẩn xanh và tắc kè, cả hai đã giới thiệu lối sống của mình từ đó khơi gợi sự tò mò, mong muốn khám phá cuộc sống của nhau. Phần 2 hai bạn quyết định đổi cuộc sống cho nhau (người kiếm ăn ban ngày - kẻ kiếm ăn ban đêm). Phần 3 cả hai đã nhận ra được sự khác biệt và quay về môi trường sống phù hợp với mình. Câu truyện có cấu trúc mạch lạc, có mở đầu - phát triển - kết thúc rõ ràng, dễ phân tích, dễ kể lại giúp HS nắm vững cốt truyện và rút ra bài học. Dung lượng và cấu trúc ngắn gọn, rõ ràng như vậy là phù hợp với thời gian học và khả năng tiếp nhận của HS lớp 4.

Bài đọc “Bay cùng ước mơ” [3, tr.109] tác giả đã sử dụng từ khoảng 550 đến 600 từ, câu văn ngắn gọn, giàu hình ảnh, nhiều đoạn hội thoại sinh động, dễ tiếp cận với HS tiểu học. Các đoạn văn được ngắt dòng rõ ràng, xen kẽ giữa miêu tả, kể chuyện và đối thoại tạo tiết tấu nhẹ nhàng, sinh động, giữ sự hứng thú cho người đọc. Dung lượng vừa đủ để truyền tải một thông điệp ý

nghĩa về ước mơ tuổi thơ mà không làm HS cảm thấy dài dòng hoặc quá tải. Truyện có cấu trúc rõ ràng theo trình tự tự sự kết hợp với miêu tả - đối thoại, có thể chia thành 3 phần chính. Phần 1 miêu tả bối cảnh thiên nhiên yên bình, tươi đẹp của nhóm bạn nhỏ vui chơi và ngắm cảnh trên đồi. Qua đó đã mở đầu cho mạch cảm xúc nhẹ nhàng. Phần 2 các bạn bắt đầu chia sẻ về những ước mơ cá nhân, đây là phần trung tâm, vừa thể hiện cá tính nhân vật vừa truyền tải chủ đề về khát vọng và trí tưởng tượng tuổi thơ. Phần 3 đã thể hiện khát vọng về những giấc mơ đẹp của các bạn nhỏ bay lên cùng những quả bóng ước mơ. Cấu trúc của bài theo trình tự tự thời gian - không gian - cảm xúc giúp HS dễ nắm được mạch truyện. Cấu trúc giàu hình ảnh, lời thoại nhiều có thể khai thác thành kịch ngắn hoặc bài tập luyện nói giúp phát triển khả năng giao tiếp và năng lực tương tác giữa các HS.

Bài “Anh Ba” [3, tr.135] của tác giả Trần Dân Tiên là văn bản có độ dài khoảng 300 đến 400 từ, câu văn đa dạng nhưng ngắn gọn, trong sáng, sử dụng nhiều câu hỏi - đáp, giúp HS dễ tiếp cận và theo dõi diễn biến câu chuyện. Dung lượng này đủ để kể lại một sự kiện có ý nghĩa lịch sử và nhân văn, không quá dài, đảm bảo phù hợp với khả năng đọc hiểu, cảm nhận và ghi nhớ của HS tiểu học. Văn bản có kết cấu khá chặt chẽ, được tổ chức theo trình tự thời gian và sự kiện rõ ràng, có thể chia thành 3 phần chính. Phần 1 kể lại sự kiện ban đầu: Anh Ba (tên gọi thời trẻ của Bác Hồ) được bạn dẫn đi xem những điều mới lạ của phương Tây tại Sài Gòn thể hiện sự ham học hỏi, tò mò và quan sát sắc sảo. Phần 2 là phần trung tâm tư tưởng của truyện, làm nổi bật lòng yêu nước, ý chí và quyết tâm cao độ của anh Ba. Phần 3 tiết lộ “anh Ba” chính là Bác Hồ - người sau này đi khắp thế giới tìm con đường cứu nước, để lại ấn tượng sâu sắc và khơi gợi lòng biết ơn, kính trọng trong HS. Cấu trúc bài dễ hiểu ba phần rõ ràng: mở đầu - phát triển - kết thúc, làm nổi bật nhân vật trung tâm và chủ đề tư tưởng.

Bài đọc “Hải Thượng Lãn Ông” [4, tr.8] là văn bản có độ dài khoảng 200 đến 300 từ, được viết bằng câu văn đơn giản, rõ ràng, phù hợp với khả năng đọc hiểu của HS lớp 4. Các đoạn văn ngắn gọn, khoảng 2 - 4 câu/đoạn, mỗi đoạn thể hiện một nội dung cụ thể, giúp HS dễ nắm bắt ý chính. Dung lượng này đủ để giới thiệu khái quát về thân thế, sự nghiệp và tấm lòng của Hải Thượng Lãn Ông, không gây quá tải cho HS tiểu học. Văn bản có cấu trúc kể chuyện kết hợp thông tin, được trình bày theo trình tự thời gian và hành động nhân vật. Có thể chia thành 4 phần rõ rệt. Phần 1 là phần giới thiệu

trực tiếp, nêu nhân vật chính và thời đại lịch sử. Phần 2 là tóm tắt quá trình học tập, tự rèn luyện để trở thành thầy thuốc của ông. Phần 3 nhắc đến đức độ và tấm lòng nhân ái của ông. Phần cuối cùng nhấn mạnh vai trò của ông không chỉ là thầy thuốc mà còn là nhà nghiên cứu, học giả để lại nhiều di sản văn hóa - y học. Văn bản có cấu trúc mạch lạc, chặt chẽ, phân chia theo quá trình cuộc đời của nhân vật, vừa mang tính giáo dục, vừa khơi dậy niềm tự hào về truyền thống dân tộc.

Không chỉ thơ, truyện mà các thể loại khác như văn miêu tả, văn bản thông tin, dung lượng và cấu trúc cũng ngắn gọn và rõ ràng. Bài “Cây đa quê hương” [4, tr.80] có độ dài văn bản khoảng 200 đến 250 từ, đây là độ dài vừa phải, thích hợp với trình độ đọc hiểu của HS tiểu học. Các câu văn có độ dài trung bình, giàu hình ảnh và nhịp điệu, không quá ngắn cũng không quá phức tạp, rất phù hợp để luyện đọc diễn cảm, luyện viết văn miêu tả và phát triển từ vựng. Ngôn từ mang tính cảm xúc, gợi hình, nhưng vẫn rõ ràng, dễ hiểu đối với HS lớp 4. Với dung lượng đó cho phép người đọc cảm nhận được trọn vẹn vẻ đẹp, sự gắn bó giữa cây đa và tuổi thơ nhân vật “tôi”. Bên cạnh đó dung lượng vừa phải cũng giúp GV dễ tổ chức các hoạt động như: đọc hiểu, tóm tắt, luyện viết đoạn văn miêu tả hoặc viết tiếp câu chuyện. Văn bản có cấu trúc miêu tả kết hợp biểu cảm, được tổ chức theo trình tự không gian và cảm xúc gắn bó của nhân vật với cây đa. Có thể chia làm 3 phần rõ ràng. Phần 1 giới thiệu hình ảnh trung tâm: cây đa là biểu tượng cho quê hương trong kí ức tuổi thơ. Phần 2 miêu tả cây đa hiện lên như một nhân vật sống động, mang vẻ huyền bí, kỳ vĩ. Phần 3 miêu tả không gian sinh hoạt dưới gốc đa gợi không khí bình yên gắn chặt với kỉ niệm tuổi thơ. Cấu trúc rõ ràng, mạch lạc, giàu hình ảnh và cảm xúc là ví dụ tiêu biểu của kiểu văn miêu tả kết hợp biểu cảm.

Đến với văn bản “Băng tan” [4, tr.120] chúng ta có thể thấy dung lượng của bài khoảng từ 160 đến 170 từ, bao gồm 4 đoạn. Các câu văn ngắn gọn, rõ ràng, xen kẽ với vài câu dài mô tả hậu quả. Bài đọc được viết theo trình tự từ nguyên nhân băng tan đến hậu quả đối với động vật, hậu quả đối với con người và cuối cùng là giải pháp. Văn bản “Băng tan” có dung lượng tương đương với văn bản “Lễ hội ở Nhật Bản” [4, tr.127], văn bản “Lễ hội ở Nhật Bản” có dung lượng khoảng từ 180 đến 190 từ, gồm có 3 đoạn chính. Chủ yếu là câu đơn hoặc câu ghép đơn giản, ngắn gọn, diễn đạt thông tin cụ thể. Như vậy ta thấy rằng về cấu trúc, văn bản “Băng tan” có cấu trúc nguyên nhân - hậu quả - giải pháp, trong khi văn bản “Lễ hội ở Nhật Bản” mang tính liệt kê,

giới thiệu từng sự kiện riêng biệt, mỗi sự kiện là một đoạn. Bài *Độc* được liệt kê theo các sự kiện rõ ràng, cụ thể. Cách viết của cả hai văn bản đều hướng đến mục đích giáo dục nhẹ nhàng, một bên về môi trường, một bên về văn hóa.

Việc sử dụng dung lượng ngắn gọn, dễ hiểu trong các tác phẩm *Độc* như vậy có thể giúp HS dễ đọc, dễ thuộc và ghi nhớ nội dung, tạo cảm giác nhẹ nhàng, vui tươi, kích thích sự yêu thích và ham đọc ở trẻ. Qua những hình ảnh, từ ngữ cô đọng nhưng giàu cảm xúc, HS dần phát triển khả năng cảm nhận cái hay, cái đẹp của ngôn từ và nội dung. Tuy ngắn gọn nhưng những tác phẩm vẫn có sức “nén”, hàm chứa thông điệp sâu sắc qua các hình ảnh, từ ngữ, biện pháp tu từ... từ đó giúp HS hình thành thói quen suy ngẫm và phát triển tư duy hình tượng. HS lớp 4 vẫn đang trong quá trình phát triển ngôn ngữ, tư duy trừu tượng còn hạn chế nên việc sử dụng các văn bản có dung lượng ngắn nhưng cấu trúc rõ ràng là rất phù hợp với năng lực tiếp nhận của các em.

2.4. Sử dụng đa dạng các phương thức biểu đạt và các biện pháp tu từ

Phương thức biểu đạt có thể được hiểu là một cách thức mà một người sử dụng để truyền đạt thông tin mà mình muốn cung cấp cho người khác. Thông qua cách thức này một người có thể biểu đạt, truyền tải đến người khác hiểu được về ý nghĩ, tâm tư và tình cảm của mình. Trong văn học, việc sử dụng đa dạng các phương thức biểu đạt là một nghệ thuật quan trọng, góp phần làm phong phú cách thể hiện nội dung và tăng sức lôi cuốn cho tác phẩm. Mỗi phương thức biểu đạt mang một chức năng riêng, nhưng khi được kết hợp linh hoạt, chúng sẽ bổ trợ và làm nổi bật lẫn nhau. Để phù hợp với đặc điểm tâm lý, khả năng nhận thức và cảm xúc của HS, các văn bản thường sử dụng những phương thức biểu đạt gần gũi, dễ hiểu, tạo hứng thú và nuôi dưỡng tình cảm, trí tưởng tượng của các em. Một số phương thức biểu đạt thường được sử dụng trong các tác phẩm như phương thức tự sự, biểu cảm, nghị luận, miêu tả, thuyết minh...

Trong các văn bản *Độc* của SGK *Tiếng Việt 4*, các phương thức biểu đạt cũng được sử dụng rất linh hoạt. Các phương thức biểu đạt cụ thể ở đây như phương thức biểu đạt tự sự, miêu tả được dùng nhiều trong các văn bản truyện, phương thức biểu đạt biểu cảm được sử dụng nhiều trong các bài thơ, còn phương thức biểu đạt thuyết minh thường được dùng nhiều trong văn bản thông tin. Phương thức biểu cảm giúp người viết bộc lộ cảm xúc, tình cảm chân thật, từ đó tạo sự đồng cảm nơi người đọc. Phương thức tự sự dùng để

kể lại sự việc, câu chuyện, giúp truyền tải nội dung một cách sinh động, có đầu có cuối. Phương thức thuyết minh cung cấp tri thức, thông tin rõ ràng, chính xác về một sự vật, hiện tượng, giúp người đọc hiểu và nắm bắt vấn đề dễ dàng hơn. Việc kết hợp ba phương thức này giúp bài viết thêm sâu sắc, thuyết phục và hấp dẫn. Có thể dẫn ra nhiều tác phẩm mà ở đó có sự kết hợp của các phương thức biểu đạt nhằm làm cho bài văn, bài thơ...trở nên sinh động mà cụ thể, gợi hình, gợi cảm; giúp người đọc có thể khám phá được giá trị và thông điệp của mỗi văn bản.

Trong bài “Đường đi Sa Pa” [4, tr.106] tác giả sử dụng phương thức miêu tả và biểu cảm để làm nổi bật vẻ đẹp kì diệu, thơ mộng của Sa Pa, từ đó khơi gợi trong lòng người đọc niềm yêu mến, tự hào về cảnh sắc thiên nhiên đất nước. Đồng thời, nó tạo nên sự rung động tinh tế, đưa người đọc như đang thực sự hòa mình vào khung cảnh nơi đây. Tác giả sử dụng ngôn ngữ giàu hình ảnh để miêu tả, khắc họa sinh động vẻ đẹp thiên nhiên và con người vùng núi Tây Bắc qua *“những đám mây trắng sà xuống cửa kính, rừng cây, thác nước, hoa chuối, đến các em bé dân tộc trong trang phục sắc sỡ”*. Những hình ảnh đó được tái hiện rõ nét, cụ thể, làm cho cảnh vật trở nên sống động, chân thực và hấp dẫn người đọc. Đồng thời thể hiện tình cảm trân trọng, say mê và xúc động trước vẻ đẹp thiên nhiên Tây Bắc được lòng ghép trong lời văn: *“Chúng tôi đang đi bên những thác trắng xóa tựa mây trời, những rừng cây âm âm, những bông hoa chuối rực lên như ngọn lửa”, “Tôi lim dim mắt ngắm mấy con ngựa đang ăn cỏ trong một vườn đào ven đường”, “Sa Pa quả là món quà tặng diệu kì mà thiên nhiên dành cho đất nước ta”*. Tác giả không chỉ “miêu tả” mà còn “cảm nhận”, thể hiện rõ tình yêu quê hương đất nước của mình.

Hay trong bài *Đọc* “Bức tường có nhiều phép lạ” [3, tr.97] tác giả đã sử dụng phương thức tự sự kết hợp với miêu tả và biểu cảm giúp câu chuyện trở nên sinh động, gần gũi, dễ hiểu, đồng thời truyền tải nhẹ nhàng thông điệp: cảm hứng sáng tạo đôi khi bắt đầu từ những điều thân thuộc nhất quanh ta, từ kí ức và tình cảm chân thành. Qua đó, văn bản khơi gợi tình yêu với văn học và trân trọng tình cảm gia đình. Bài *Đọc* đã kể lại một câu chuyện nhỏ xoay quanh nhân vật Quy - từ lúc không biết cách làm bài văn tả mưa cho đến khi được bố khơi gợi lại ký ức, tưởng tượng và viết bài. Cốt truyện rõ ràng, có tình huống, diễn biến và kết thúc. Các chi tiết như *“chiếc thuyền giấy trôi bồng bênh giữa sân”, “hạt mưa đan nhau rơi xuống rào rào”*... được miêu tả

chi tiết, cụ thể tạo nên hình ảnh sống động về trận mưa giúp người đọc hình dung rõ ràng, gợi cảm giác chân thật. Bên cạnh đó còn bộc lộ cảm xúc của Quy thay đổi từ bối rối, thất vọng, đến vui mừng, hứng khởi khi tìm lại được cảm xúc và hình ảnh để viết bài. Tình cảm ấm áp giữa hai bố con cũng làm tăng chiều sâu cảm xúc cho câu chuyện.

Sang đến bài “Cánh chim nhỏ” [3, tr.129] tác giả đã sử dụng phương thức tự sự là phương thức biểu đạt chính kết hợp biểu cảm nhằm giúp câu chuyện trở nên sinh động, dễ tiếp nhận và giàu cảm xúc. Văn bản kể lại một câu chuyện cảm động về hai cậu bé, một cậu ước được bay như chim và một cậu không thể đi lại được. Hành động của cậu bé khi cùng bạn mình chạy dưới gió chứa đựng đầy tình yêu thương, sự cảm thông và chia sẻ. Câu chuyện có nhân vật, sự việc, diễn biến và kết thúc, đúng cấu trúc của một bài tự sự. Cảm xúc được thể hiện rõ ràng qua lời thoại và hành động của nhân vật: sự thấu hiểu, đồng cảm giữa hai cậu bé, tình bạn trong sáng, và cả sự xúc động, ghen ngào của người cha khi thấy con mình “được bay”. Những chi tiết ấy khiến người đọc cảm động và rung động...

Biện pháp tu từ là một biện pháp nghệ thuật phổ biến trong văn học, giúp tác giả truyền đạt suy nghĩ và cảm xúc một cách sinh động. Nhờ các biện pháp tu từ, tác giả có thể dễ dàng chuyển tải cảm xúc và ý tưởng về sự vật và sự việc đến độc giả. Các biện pháp này không chỉ xuất hiện trong văn học mà còn phổ biến trong cuộc sống hàng ngày. Biện pháp tu từ là cách sử dụng ngôn ngữ đặc biệt trong từ, câu hoặc văn bản, trong ngữ cảnh nhất định, nhằm tăng sức gợi hình và gợi cảm, đồng thời gây ấn tượng mạnh với người nghe và người đọc. Các biện pháp tu từ được sử dụng trong các văn bản *Đọc* là biện pháp so sánh, ẩn dụ, nhân hóa, lặp, liệt kê... Các biện pháp tu từ có vai trò quan trọng trong các văn bản nghệ thuật. Việc sử dụng biện pháp tu từ giúp hình ảnh, sự vật, sự việc được hình dung rõ ràng, sinh động hơn. Mỗi loại biện pháp tu từ mang đến những tác dụng riêng. Trong các tác phẩm văn học, việc sử dụng nhiều biện pháp tu từ góp phần minh họa chi tiết, tăng sức tưởng tượng cho người đọc, thu hút sự chú ý và mở ra những liên tưởng mới mẻ.

Bài *Đọc* “Ở vương quốc tương lai” [3, tr.125] tác giả đã sử dụng biện pháp tu từ nhân hóa và so sánh “*Cái máy... biết bay như một con chim*” để gán cho đồ vật những đặc điểm vốn không có, làm cho đồ vật trở nên sống động, kì ảo và gần gũi hơn đến với người đọc. “*Mang đến một thứ ánh sáng mà chưa ai biết cả*” - “*ánh sáng*” ở đây là ẩn dụ cho tri thức mới, ý tưởng

mới, khám phá khoa học độc đáo mà con người sẽ tìm ra trong tương lai. Kết hợp các biện pháp tu từ giúp khắc họa một Vương quốc Tương Lai sinh động, kì diệu - nơi trí tuệ và ước mơ của con người được bay xa. Khơi gợi cho người đọc, đặc biệt là HS niềm tin tưởng vào sức mạnh của khoa học, khát vọng sáng tạo và tình yêu với tương lai tốt đẹp. Đồng thời tăng sức hấp dẫn và lôi cuốn của văn bản nhờ ngôn ngữ giàu hình ảnh, cảm xúc và trí tưởng tượng.

Trong bài *Độc* “Quả ngọt cuối mùa” [4, tr.20] tác giả đã sử dụng kết hợp các biện pháp tu từ được đề thể hiện tình cảm yêu thương, biết ơn đối với người bà. “*Bà như quả ngọt chín rồi / Càng thêm tuổi tác càng tươi lòng vàng*”. Tác giả so sánh “*bà*” với “*quả ngọt chín*” thể hiện vẻ đẹp của bà không chỉ ở hình thức mà còn ở tấm lòng nhân hậu, vị tha, giàu yêu thương. Gợi lên cảm giác ấm áp, gần gũi, cho thấy sự trân trọng và kính yêu của người cháu với bà. Không những thế tác giả còn sử dụng biện pháp nghệ thuật ẩn dụ “*tươi lòng vàng*”- ẩn dụ cho tâm hồn cao đẹp, đức hạnh của bà. Hình ảnh ẩn dụ góp phần ca ngợi vẻ đẹp tâm hồn của bà, thể hiện bà là người hi sinh thầm lặng, giàu đức độ và yêu thương cháu con. “*Chùm cam bà giữ vẫn còn đung đưa*”, “*Quả vàng nằm giữa cành xuân / Mãi mê góp mặt, chuyên cần tỏa hương*”. Trái cam được gắn với hành động và cảm xúc như con người: “*góp mặt*”, “*tỏa hương*”, “*đung đưa*”. Việc kết hợp nhiều các biện pháp nghệ thuật tu từ trong bài thơ đã làm nổi bật hình ảnh người bà tảo tần, nhân hậu, luôn nghĩ cho con cháu dù tuổi cao sức yếu. Đồng thời giúp người đọc dễ cảm nhận, rung động và đồng cảm với tình cảm thiêng liêng trong bài thơ.

Trong bài *Độc* “Cây đa quê hương” [4, tr.80] tác giả Nguyễn Khắc Viện đã sử dụng nhiều biện pháp tu từ đặc sắc nhằm làm nổi bật vẻ đẹp cổ kính, gợi nhớ tình cảm sâu nặng với quê hương tuổi thơ. Trước hết tác giả đã so sánh “*Cành cây lớn hơn cột đình*” nhằm giúp người đọc hình dung sự to lớn, vững chãi của cây đa. “*Rễ cây nổi lên mặt đất thành những ụ, những hình thù quái lạ như những con rắn hổ mang giận dữ*” - đây là sự so sánh vô cùng đặc sắc, so sánh rễ cây với rắn hổ mang khiến hình ảnh cây đa trở nên huyền bí, cổ kính, khơi gợi trí tưởng tượng phong phú, như một sinh vật có linh hồn sống động. Bên cạnh đó tác giả đã có những câu văn có chứa biện pháp tu từ nhân hóa: “*Gió chiều gảy lên những điệu nhạc li kì*”, “*Có khi tưởng chừng như ai cười ai nói trong cành, trong lá*”. Gió được gán hành động như con người - “*gảy nhạc*”, “*cười nói*”, giúp cảnh vật trở nên sinh động, gần gũi, đậm chất thơ và cảm xúc. Sự nhân hóa này làm gợi lên cảm

giác thiêng liêng, sống động như thể cây đa đang lắng nghe, chứng kiến và cùng vui buồn với con người. Tác giả đã liệt kê các hình ảnh, âm thanh của làng quê giúp bức tranh quê hiện lên đa dạng, sống động, đầy âm thanh và màu sắc: *“Những ụ, những hình thù quái lạ như những con rắn hổ mang giận dữ”, “Lúa vàng gợn sóng. Dây đỏ, ễnh ương ộp oạp... đàn trâu bắt đầu ra về...”*. Việc sử dụng kết hợp các biện pháp tu từ so sánh, nhân hóa, liệt kê đã khắc họa hình ảnh cây đa quê hương không chỉ là một bộ phận của cảnh vật mà là biểu tượng thiêng liêng của làng quê, nơi lưu giữ tuổi thơ và kỉ niệm. Đồng thời làm cho đoạn văn trở nên giàu hình ảnh, nhạc điệu và gợi cảm, tăng sức hấp dẫn và chiều sâu thẩm mĩ.

Trong bài “Chiều ngoại ô” [4, tr.93] tác giả đã sử dụng các biện pháp nghệ thuật so sánh, nhân hóa, ẩn dụ và liệt kê để làm rõ nét hơn các sự vật được nhắc đến trong bài. Tác giả so sánh *“Dải cỏ xanh êm như tấm thảm”* [4, tr.93], *“Những cánh diều mềm mại như cánh bướm”* [4, tr.94], *“Những cánh diều như những mảnh hồn ấu thơ...”* [4, tr.94] làm cho sự vật trở nên sinh động, đẹp đẽ và giàu chất thơ, thể hiện sự tinh tế trong cảm nhận của người viết. Bên cạnh đó là biện pháp nhân hóa, khiến rặng tre, mây trắng...trở thành những thực thể như con người: *“Rặng tre xanh thì thâm trong gió”, “Mây trắng vui đùa đuổi nhau trên cao”, “Chim sơn ca cất tiếng hót tự do, thiết tha...”* [4, tr.94], cảnh vật như có hồn, có cảm xúc, giúp thiên nhiên trở nên gần gũi với con người, vì vậy mà ý nghĩa của câu văn trở nên sâu sắc hơn, đa nghĩa hơn. *“Những cánh diều như những mảnh hồn ấu thơ”* - Diều không chỉ là trò chơi, mà còn biểu tượng cho ước mơ, khát vọng tuổi thơ; biện pháp tu từ ẩn dụ đã góp phần chuyển tải những thông điệp nhân văn, giá trị của tác phẩm. Biện pháp tu từ liệt kê cũng xuất hiện liên tục trong văn bản. Những sự vật, hiện tượng mà tác giả đã liệt kê giúp mở rộng không gian miêu tả, làm bức tranh làng quê thêm phong phú và sinh động. *“Diều cốc, diều tu, diều sáo đua nhau bay lên cao...”*, *“Rặng chiều vàng dịu và thơm hơi đất, là gió đưa thoang thoang hương lúa chín và hương sen...”* [4, tr.94]... Việc kết hợp hài hòa giữa các biện pháp nghệ thuật như so sánh, nhân hóa, ẩn dụ, liệt kê, đã tạo nên một đoạn văn vừa giàu hình ảnh, vừa giàu cảm xúc, giúp người đọc cảm nhận được vẻ đẹp bình dị mà sâu lắng của cuộc sống nơi ngoại ô và tình cảm trong trẻo của tuổi thơ.

Trong bài “Khu bảo tồn động vật hoang dã Ngô-Rông-Gô-Rô” [4, tr.113] tác giả Minh Quang đã sử dụng thành công các biện pháp liệt kê để

làm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho văn bản. Liệt kê một loạt các loại động vật: “*Tê giác đen, trâu rừng châu Phi, linh dương đầu bò, ngựa vằn, hà mã, sư tử,...*”, “*Hàng nghìn con hồng hạc sống quanh các hồ nước...*” làm nổi bật sự phong phú và đa dạng của các loài động vật trong khu bảo tồn. Biện pháp nghệ thuật được sử dụng khéo léo trong văn bản *Độc* đã làm nổi bật vẻ đẹp thiên nhiên hoang dã, sống động của khu bảo tồn. Thể hiện sự yên bình, hài hòa giữa động vật và con người và từ đó gửi gắm thông điệp sâu sắc về việc bảo vệ thiên nhiên và chung sống hòa bình với động vật hoang dã.

Các văn bản thường sử dụng đa dạng các phương thức biểu đạt như: tự sự, miêu tả, biểu cảm, thuyết minh, đôi khi kết hợp với nghị luận nhẹ nhàng, giúp nội dung phong phú, sinh động và dễ tiếp nhận. Bên cạnh đó, các biện pháp tu từ như nhân hóa, ẩn dụ, so sánh, lặp, liệt kê... cũng được vận dụng linh hoạt, góp phần làm tăng tính tạo hình, tạo cảm xúc và chiều sâu cho văn bản. Việc sử dụng đa dạng các phương thức biểu đạt và các biện pháp tu từ có tác dụng tăng tính hấp dẫn và lôi cuốn cho người đọc. Đặc biệt với HS tiểu học điều này khơi gợi trí tưởng tượng, giúp HS cảm nhận cái đẹp qua ngôn ngữ; truyền tải thông điệp, bài học sâu sắc một cách tự nhiên, nhẹ nhàng mà hiệu quả; phát triển năng lực ngôn ngữ và cảm thụ văn học, từ đó nuôi dưỡng tình yêu với *Tiếng Việt* và cuộc sống.

Kết luận chương 2

Chương 2 đã đi sâu phân tích và làm rõ các phương diện nghệ thuật đặc sắc trong những văn bản phần *Đọc* của sách giáo khoa *Tiếng Việt* lớp 4 (KNTTVCS). Đây là những yếu tố đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành cảm xúc thẩm mỹ, khả năng cảm thụ văn học và phát triển tư duy ngôn ngữ cho HS tiểu học. Các văn bản sử dụng ngôn ngữ giản dị nhưng giàu hình ảnh chính là điểm nổi bật đầu tiên, giúp HS dễ tiếp cận văn bản, đồng thời khơi gợi trí tưởng tượng và cảm xúc. Việc lựa chọn từ ngữ phù hợp với lứa tuổi, kết hợp cùng hình ảnh sống động, gần gũi tạo nên những trải nghiệm đọc nhẹ nhàng mà sâu sắc cho các em. Giọng điệu hồn nhiên, thân tình là yếu tố nghệ thuật xuyên suốt, phù hợp với đặc điểm tâm lí của HS lớp 4 - những tâm hồn trong sáng, nhạy cảm, dễ rung động. Giọng văn nhẹ nhàng, âm áp, khi thì thủ thỉ như lời kể, khi lại dí dỏm, tinh nghịch như tiếng cười trẻ thơ, đã góp phần làm cho nội dung bài đọc trở nên hấp dẫn và dễ tiếp nhận hơn. Dung lượng và cấu trúc ngắn gọn, rõ ràng cũng là yếu tố quan trọng giúp các em không bị quá tải về mặt thông tin, từ đó dễ tập trung và ghi nhớ nội dung. Các văn bản thường có bố cục chặt chẽ, logic, giúp HS dễ dàng theo dõi và cảm nhận được mạch diễn biến của câu chuyện hoặc sự kiện được kể. Cuối cùng, sự đa dạng trong phương thức biểu đạt và việc sử dụng linh hoạt các biện pháp tu từ đã tạo nên tính sinh động và chiều sâu biểu cảm cho văn bản. Các phương thức như tự sự, miêu tả, biểu cảm, thuyết minh được phối hợp khéo léo, cùng với các biện pháp nghệ thuật như so sánh, nhân hóa, điệp từ, điệp ngữ, ẩn dụ không chỉ giúp nội dung trở nên phong phú mà còn góp phần giáo dục tình cảm, đạo đức cho HS một cách tự nhiên và thâm thúy.

KẾT LUẬN

Qua quá trình tìm hiểu và phân tích, có thể nhận thấy các văn bản được lựa chọn trong phần *Đọc* của SGK *Tiếng Việt 4* (Bộ KNTTVCS) phong phú, phân bố đều ở cả hai tập với nhiều thể loại đa dạng như thơ, truyện, văn bản thông tin, văn bản kịch... Điều này giúp HS có cơ hội tiếp cận với nhiều thể loại văn bản khác nhau theo đúng mục tiêu của chương trình GDPT 2018, từ đó giúp HS bước đầu nhận diện được đặc trưng thể loại, dần hình thành kỹ năng đọc hiểu các văn bản theo đặc trưng thể loại để khám phá các giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm.

Các văn bản *Đọc* SGK *Tiếng Việt 4* (Bộ KNTTVCS) đều là những văn bản có giá trị nội dung sâu sắc. Mỗi bài học, không chỉ giúp HS hiểu biết thêm về lịch sử, văn hóa, thiên nhiên, đất nước và con người Việt Nam, mà còn góp phần bồi dưỡng tình yêu quê hương, lòng nhân ái, tính trung thực, chăm chỉ và tinh thần trách nhiệm với cộng đồng, dân tộc. Nhiều văn bản có khả năng khơi gợi cảm xúc, giúp các em đồng cảm và rèn luyện tư duy đạo đức qua những câu chuyện gần gũi, ý nghĩa; giúp các em gắn kết giữa tri thức và trải nghiệm, tri thức với cuộc sống.

Về nghệ thuật, các văn bản được chọn lọc với ngôn ngữ trong sáng, dễ hiểu nhưng giàu hình ảnh; giọng điệu nhẹ nhàng, giàu cảm xúc. Cách dẫn dắt nội dung logic, sinh động, hấp dẫn phù hợp với tâm lý lứa tuổi HS tiểu học, góp phần phát triển thẩm mỹ và khả năng cảm thụ văn học cho HS. Các văn bản *Đọc* đều có dung lượng và bố cục ngắn gọn, rõ ràng, đáp ứng được khả năng nhận thức, tập trung của HS trong quá trình đọc. Đồng thời, mỗi văn bản lại có cách kết hợp rất khéo léo các phương thức biểu đạt cũng như sử dụng nhiều biện pháp tu từ để làm tăng tính biểu hình, biểu cảm, biểu nghĩa... cho tác phẩm. Từ đó, tạo nên những văn bản vừa ngắn gọn mà logic, tuy tự nhiên, rõ ràng nhưng ý nghĩa và thông điệp vẫn rất sâu sắc nhằm chuyển tải nhiều bài học về cuộc sống đến cho HS.

Từ những kết quả nghiên cứu đạt được, đề tài không chỉ góp phần làm sáng tỏ giá trị nội dung và nghệ thuật của các văn bản *Đọc* trong SGK *Tiếng Việt 4* (Bộ sách KNTTVCS) mà còn có thể trở thành tài liệu tham khảo thiết thực đối với sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học trong quá trình học tập, rèn luyện nghiệp vụ sư phạm. Đồng thời, đây cũng là nguồn tư liệu hữu ích dành cho GV tiểu học cũng như những người quan tâm đến chương trình *Tiếng Việt* cấp tiểu học thuộc chương trình Ngữ văn (GDPT 2018).

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1/ Tiếng Việt

1. Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi (1997), *Từ điển thuật ngữ văn học*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
2. Tạ Đức Hiền (2023), *Cảm thụ văn học dành cho học sinh lớp 4*, NXB Đại học Sư phạm.
3. Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên) (2023), *Sách giáo khoa Tiếng Việt 4*, tập một, Bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống*, NXB Giáo dục Việt Nam.
4. Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên) (2023), *Sách giáo khoa Tiếng Việt 4*, tập hai, Bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống*, NXB Giáo dục Việt Nam.
5. Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên) (2023), *Sách giáo viên Tiếng Việt 4*, tập một, Bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống*, NXB Giáo dục Việt Nam.
6. Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên) (2023), *Sách giáo viên Tiếng Việt 4*, tập hai, Bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống*, NXB Giáo dục Việt Nam.
7. Dương Thị Hương (2009), *Cảm thụ văn học*, NXB Đại học Sư phạm.
8. Trần Thị Hiền Lương (2022), “Dạy học đọc hiểu trong môn Tiếng Việt và việc phát triển năng lực tự học, tự hoàn thiện cho học sinh tiểu học”, *Tạp chí Khoa học giáo dục Việt Nam*, Tập 18, Số S3/2022.
9. An Thị Ngọc Lý (2024), “Những bài học giáo dục từ các văn bản văn học phần Đọc trong sách Tiếng Việt 4 (Kết nối tri thức với cuộc sống)”, *Tạp chí Khoa học trường Đại học Hoa Lư*, Số 3, tháng 6/2024.
10. Đỗ Ngọc Thống (2018), *Dạy học phát triển năng lực môn Tiếng Việt ở Tiểu học*, NXB Đại học Sư phạm.

2/ Website

11. <https://baovannghe.vn/khoang-troi-thanh-binh-cua-nguyen-thuy-kha-17779.html> , Ngày truy cập: 1/4/2024.
12. <https://www.youtube.com/watch?v=lr-mOVU5i-M>, Ngày truy cập: 10/10/2024.
13. <https://data.moet.gov.vn/index.php/s/KNfGVJAhcwuS2Uk#pdfviewer>, Ngày truy cập: 1/12/2024.
14. [ĐỌC MỞ RỘNG TRONG CHƯƠNG TRÌNH VÀ SÁCH GIÁO KHOA TIẾNG VIỆT TIỂU HỌC | Tâm | TNU Journal of Science and Technology](#), Ngày truy cập: 2/3/2025.
15. <https://vienngocquy.com/bai-tho-qua-ngot-cuoi-mua-vo-thanh-an/> , Ngày truy cập: 28/4/2025

16. <https://thethaovanhoa.vn/gap-lai-cac-tac-gia-duoc-dua-vao-sach-giao-khoa-nha-tho-hue-trieu-trai-tim-cua-linh-dao-truong-sa-that-dep-de-20230705073112641.htm> , Ngày truy cập: 1/5/2025.

PHỤ LỤC

**Bảng 1.1.1. Thống kê các văn bản *Đọc* trong SGK *Tiếng Việt 4*
(Bộ KNTTVCS)**

Tập	Chủ đề	Văn bản thơ	Văn bản truyện và văn bản miêu tả	Văn bản thông tin	Kịch
1	Mỗi người một vẽ	<i>Bài 1: Điều kì diệu</i> (Huỳnh Mai Liên)	<i>Bài 2: Thi nhạc</i> (Nguyễn Phan Hách) <i>Bài 3: Anh em sinh đôi</i> (Châu Khuê) <i>Bài 4: Công chúa và người dẫn chuyện</i> (Du-na biên soạn, Hòa Vân dịch) <i>Bài 5: Thần lằn xanh và tắc kè</i> (Sâng Lê-kha-na) <i>Bài 6: Nghệ sĩ trống</i> (Truyện kể hằng đêm dành cho các cô bé cá tính) <i>Bài 7: Những bức chân dung</i> (Ni-cô- lai Nô-xốp) <i>Bài 8: Đò ngang</i> (Võ Quảng)		
	Trải nghiệm và khám phá	<i>Bài 9: Bầu trời trong quả trứng</i> (Xuân	<i>Bài 10: Tiếng nói của cỏ cây</i> (Ben- la Đi-giua, Nguyễn Trung	<i>Bài 12: Nhà phát minh 6 tuổi</i> (Gương hiếu học của	

		Quỳnh) <i>Bài 15: Gặt chữ trên non</i> (Bích Ngọc)	dịch) <i>Bài 11: Tập làm văn</i> (Trần Quốc Toàn) <i>Bài 13: Con vệt xanh</i> (Lý Lan) <i>Bài 14: Chân trời cuối phố</i> (Trần Đức Tiến) <i>Bài 16: Trước ngày xa quê</i> (Kao Sơn)	100 danh nhân đoạt giải Nô-ben)	
	Niềm vui sáng tạo	<i>Bài 17: Vẽ màu</i> (Bảo Ngọc)	<i>Bài 18: Đồng cỏ nở hoa</i> (Ma Văn Kháng) <i>Bài 19: Thanh âm của núi</i> (Hà Phong) <i>Bài 20: Bầu trời mùa thu</i> (Xu-khôm-lin-xki, Mạnh Hưởng dịch) <i>Bài 22: Bức tường có nhiều phép lạ</i> (Phong Thu)	<i>Bài 21: Làm thỏ con bằng giấy</i> (Lâm Anh tổng hợp) <i>Bài 23: Bét-Tô-Ven và bản Xô-Nát ánh trắng</i> (Bét-tô-ven) <i>Bài 24: Người tìm đường lên các vì sao</i> (Lê Nguyên Long - Phạm Ngọc Toàn)	
	Chắp cánh ước mơ	<i>Bài 28: Bốn mùa mơ ước</i> (Nguyễn Lãm Thắng) <i>Bài 31: Nếu chúng mình</i>	<i>Bài 25: Bay cùng ước mơ</i> (Văn Thành Lê) <i>Bài 26: Con trai người làm vườn</i> (Lô Trân Trân,		<i>Bài 29: Ở vương quốc tương lai</i>

		<i>có phép lạ</i> (Định Hải)	Thiện Minh dịch) <i>Bài 27: Nếu em có một khu vườn</i> (Trương Huỳnh Như Trân) <i>Bài 30: Cánh chim nhỏ</i> (Hạt giống tâm hồn, Thanh Thủy dịch) <i>Bài 32: Anh Ba</i> (Trần Dân Tiên)		(Mát- téc- lích, Nguyễn Trường Lịch dịch)
2	Sống để yêu thương	<i>Bài 4: Quả ngọt cuối mùa</i> (Võ Thanh An) <i>Bài 6: Tiếng ru</i> (Tố Hữu)	<i>Bài 1: Hải Thượng Lân Ông</i> (Nguyễn Liêm) <i>Bài 2: Vệt phấn trên mặt bàn</i> (Nguyễn Thị Kim Hòa) <i>Bài 3: Ông Bụt đã đến</i> (Võ Thu Hương) <i>Bài 5: Tờ báo tường của tôi</i> (Nguyễn Luân) <i>Bài 7: Con muốn làm một cái cây</i> (Võ Thu Hương) <i>Bài 8: Trên khóm tre đầu ngõ</i> (Vũ Hùng)		
	Uống nước nhớ nguồn	<i>Bài 10: Cảm xúc Trường Sa</i> (Huệ Triệu)	<i>Bài 9: Sự tích con rồng cháu tiên</i> (Nguyễn Đồng Chi)		

		<i>Bài 11: Sáng tháng năm (Tổ Hữu)</i> <i>Bài 14: Trong lời mẹ hát (Trương Nam Hương)</i> <i>Bài 16: Ngựa biên phòng (Phan Thị Thanh Nhàn)</i>	<i>Bài 12: Chàng trai làng Phù Ủng (Phan Sơn tổng hợp)</i> <i>Bài 13: Vườn của ông tôi (Phong Thu)</i> <i>Bài 15: Người thầy đầu tiên của bố tôi (A-mi-xi)</i>		
	Quê hương trong tôi	<i>Bài 18: Bước vào mùa xuân (Nguyễn Bao)</i> <i>Bài 19: Đi hội chùa Hương (Chu Huy)</i> <i>Bài 22: Cái cầu (Phạm Tiến Duật)</i>	<i>Bài 17: Cây đa quê hương (Nguyễn Khắc Viện)</i> <i>Bài 20: Chiều ngoại ô (Nguyễn Thụy Kha)</i> <i>Bài 21: Những cánh buồm (Băng Sơn)</i> <i>Bài 23: Đường đi Sa Pa (Nguyễn Phan Hách)</i> <i>Bài 24: Quê ngoại (Nguyễn Quang Thiều)</i>		
	Vì một thế giới bình yên	<i>Bài 30: Ngày hội (Định Hải)</i>	<i>Bài 28: Chuyến du lịch thú vị (Dương Thụy)</i>	<i>Bài 25: Khu bảo tồn động vật hoang dã Ngô-Rông-</i>	

				<i>Gô-Rô</i> (Minh Quang) <i>Bài 26: Ngôi nhà của yêu thương</i> (Những bức thư giải Nhất Việt Nam) <i>Bài 27: Bể tan</i> (Trịnh Xuân Thuận, Phạm Văn Thiều dịch) <i>Bài 29: Lễ hội ở Nhật Bản</i> (Bùi Văn Hoa)	
--	--	--	--	---	--